

Số tháng Mười Một, 2022 | Trăm năm lập hiến

LUẬT KHOA

tạp chí



HIẾN PHÁP

CỦA DÂN
DO DÂN
VÌ DÂN

Luật Khoa tạp chí là một dự án
của Sáng kiến Pháp lý Việt Nam
(Legal Initiatives for Vietnam),
một tổ chức phi lợi nhuận đăng ký ở
California, Hoa Kỳ theo quy chế 501(c)(3).

Địa chỉ đăng ký tại Hoa Kỳ: 1520 E. Covell
Suite B5 - 426, Davis, CA 95616.

Văn phòng chính: Đà Bắc, Đà Loan.

Tổng biên tập: Trịnh Hữu Long.
Ban biên tập: Trần Quỳnh Vi,
Phạm Đoan Trang.

Mọi thắc mắc, góp ý xin gửi về:
bbt@mail.luatkhoea.org.

© Từ 2014

Luật Khoa tạp chí
Số tháng Mười Một, 2022
- Trăm năm lập hiến
Phát hành ngày 03/11/2022.

Giá bán: US\$5

Luật Khoa là tạp chí phi lợi nhuận.
Toàn bộ doanh thu được tái đầu tư
để phát triển tạp chí.

Mua tại: store.luatkhoea.com

LỜI TÒA SOẠN:

Tinh thần của chủ nghĩa hợp hiến đối với nhiều người Việt Nam có vẻ như rất xa lạ, đến mức mông lung và phó mặc “để cho đảng và nhà nước lo”.

Thông qua chủ đề “Trăm năm lập hiến” ở số báo tháng Mười Một, ngoài sự nhắc nhở về “món nợ lịch sử” của Hiến pháp 1946, Luật Khoa tạp chí còn mong muốn truyền tải cho bạn đọc những góc nhìn mới mẻ và thiết thực nhất về các vấn đề căn bản liên quan đến hiến pháp.

“Hiến pháp” là khái niệm không hề hoa mỹ, trừu tượng. Dù bản chất nhà nước có độc tài hay dân chủ, thì nó cũng cần một bản hiến pháp nhằm xác định danh tính của cộng đồng chính trị và khái quát hóa cách mà quyền lực nhà nước vận hành. Đặc biệt, các nhà nước độc tài không thể che đậy việc họ luôn vạch ra những ranh giới “tạm chấp nhận được” cho xã hội cũng như nội bộ hệ thống chính trị. Đó là lý do quan trọng giúp họ tồn tại “hợp lý”, ít nhất theo nghĩa hình thức. Hiểu rõ điều này, chúng ta mới có thể tìm ra các phương án khả thi cho quá trình sửa đổi hiến pháp, để tiến gần hơn với tinh thần lập hiến nguyên bản.

Trên thực tế, Việt Nam từng chứng kiến các phong trào vận động lập hiến diễn ra sôi nổi ở trong và ngoài nước đầu thế kỷ 21. Nó tạo nên sức ảnh hưởng nhất định trong việc thức tỉnh ý thức của nhân dân về quyền chính trị và dân sự, đồng thời thách thức mạnh mẽ Điều 4 trong các bản hiến pháp từ sau năm 1980 và thể chế đảng trị.

Tiêu biểu, Phong trào lập hiến 2013 thu hút sự tham gia tích cực của giới chuyên gia, cựu quan chức và xã hội dân sự. Vì không tuân theo sự điều phối hay chi phối của chính quyền, kết quả của tiến trình này rất dễ đoán: các sáng kiến lập hiến bị gạt bỏ bên lề nghị trường. Cuối cùng, “sáng kiến” của nhà nước vẫn “bình đẳng” hơn hết thảy.

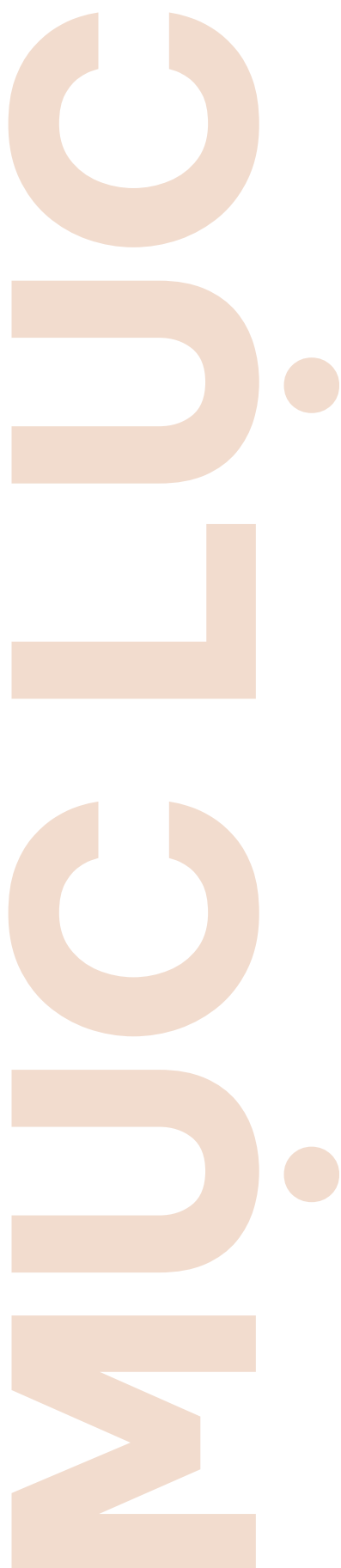
Do độc quyền lập hiến và bảo thủ ý thức hệ, các bản hiến pháp Việt Nam, mà gần nhất là Hiến pháp 2013, đã bộc lộ những trục trặc bản chất, tiếp tục gây ra nhiều hệ lụy kinh tế - xã hội, làm tổn thương nhân tâm, khoét sâu thêm các mâu thuẫn không có lối thoát như vấn đề sở hữu đất đai. Hiện thực này sẽ được phản ánh và lý giải cụ thể thông qua hệ thống các bài viết chuyên sâu đăng tải trong số báo tháng Mười Một.

Ngoài ra, để giúp độc giả quan sát toàn diện, đối chiếu khách quan và củng cố niềm tin vào một tương lai xán lạn khi quyền lập hiến thực sự thuộc về nhân dân, Luật Khoa xin giới thiệu thêm các bài viết cùng chủ đề, liên quan đến câu chuyện lập hiến ở Đài Loan, lược sử hình thành Hiến pháp Hoa Kỳ, điểm tiến bộ trong các bản hiến pháp Việt Nam Cộng hòa và tinh thần lập hiến mang tính thời đại của các chí sĩ yêu nước Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh.

Luật Khoa hy vọng số báo tháng Mười Một sẽ mở ra một hướng tiếp cận gần gũi và thấu đạt về hiến pháp, để mọi tầng lớp nhân dân đều ý thức được rằng đây là một vấn đề trọng đại nhưng thiết thực.

Mọi góp ý, thắc mắc xin gửi tới:
bbt@mail.luatkhoa.org

Trân trọng cảm ơn,
Ban biên tập Luật Khoa tạp chí.



- 04** *Đội ngũ Luật Khoa*
Lịch sử lập hiến Việt Nam
- 06** *Trần Hà Linh*
Điều 4 có tự bao giờ?
- 10** *Trần Hà Linh*
Hiến pháp Việt Nam không cấm đa đảng
- 12** *Phan Bảo Ân*
Ba lý do khiến Hiến pháp 1946 vẫn luôn hấp dẫn
- 17** *Trịnh Hữu Long*
Việt Nam Cộng hòa Hiến pháp Việt Nam Cộng hòa nói gì về đảng phái?
- 24** *Võ Văn Quân*
Biên niên sử “sở hữu đất đai” Việt Nam đương đại: Hiểu sao cho đúng?
- 32** *Đội ngũ Luật Khoa*
Phong trào Lập hiến 2013 - một lịch sử ngắn
- 38** *Trịnh Hữu Long*
5 sáng kiến lập hiến đáng chú ý đầu thế kỷ 21

48 *Võ Văn Quân*
Độc sách cùng Đoàn Trang
Hai chí sĩ họ Phan và buổi
đầu của tư tưởng lập hiến ở
Việt Nam

54 *Tài Nhân*
Có thể bạn chưa đến
Quảng Nam: Khi dân
quyền trời dậy

60 *Y Chan*
Hiến pháp Đài Loan:
Thay đổi cùng nhịp đập
của nền dân chủ

65 *Y Chan*
Các hội nghị lập hiến tại
Đài Loan: Đi đường vòng
để về đích nhanh

69 *Trương Tự Minh*
Tiếng Anh
Lược sử hình thành
Hiến pháp Hoa Kỳ

75 *Võ Văn Quân*
Một góc nhìn không hoa mỹ
về hiến pháp

LỊCH SỬ LẬP HIẾN VIỆT NAM

1945

Tháng 3/1945, Hoàng đế Bảo Đại tuyên bố Việt Nam độc lập, lập ra nhà nước Đế quốc Việt Nam, cử Trần Trọng Kim làm thủ tướng, bổ nhiệm 15 người vào một ủy ban soạn thảo hiến pháp. Việc lập hiến chưa thành thì tháng 8/1945, Việt Minh cướp chính quyền, lập ra nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Hồ Chí Minh đứng đầu. [1]



1946

Hiến pháp đầu tiên của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được Quốc hội Lập hiến thông qua, xác lập chế độ dân chủ đại nghị bán tổng thống và quyền phúc quyết hiến pháp của toàn dân. Tuy nhiên, bản hiến pháp này chưa từng được phúc quyết. [2]

1949

Bảo Đại - dưới sự hậu thuẫn của Pháp theo Hiệp định Elysée ký cùng năm - lập ra nhà nước Quốc gia Việt Nam, xưng là Quốc trưởng và ban hành Dự số 1 quy định về cấu trúc và sự vận hành của bộ máy chính quyền. [3]

1955

Ngô Đình Diệm phế truất Quốc trưởng Bảo Đại của nhà nước Quốc gia Việt Nam, lập ra nhà nước Việt Nam Cộng hòa ở miền Nam, ban hành Hiến ước Tạm thời số 1 trong khi chờ ban hành hiến pháp chính thức.

1956

Hiến pháp đầu tiên của Việt Nam Cộng hòa ở miền Nam được Quốc hội Lập hiến thông qua, mở ra nền Đệ Nhất Cộng hòa. [4]



1959

Quốc hội Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở miền Bắc thông qua Hiến pháp 1959, chính thức hiến định hóa nền kinh tế kế hoạch, xây dựng bộ máy chính quyền theo mô hình xã hội chủ nghĩa, và bãi bỏ quyền phúc quyết hiến pháp của toàn dân. [5]

1963

Tổng thống Ngô Đình Diệm bị ám sát, Việt Nam Cộng hòa bước vào thời kỳ khủng hoảng chính trị, chính quyền mới ban hành Hiến ước Tạm thời số 1 thay thế cho Hiến pháp 1956.

1967

Quốc hội Lập hiến Việt Nam Cộng hòa thông qua Hiến pháp 1967, mở ra nền Đệ Nhị Cộng hòa. [6]

1980

Quốc hội Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua Hiến pháp 1980, bản hiến pháp đầu tiên của Việt Nam sau năm 1975, hiến định hóa sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, lập ra Hội đồng Nhà nước - “chủ tịch tập thể” - và Hội đồng Bộ trưởng theo mô hình Liên Xô, bãi bỏ hoàn toàn sở hữu tư nhân, công hữu hóa toàn bộ đất đai, áp đặt mô hình kinh tế kế hoạch lên toàn bộ nền kinh tế. [7]

1992

Quốc hội thông qua Hiến pháp 1992, bãi bỏ Hội đồng Nhà nước và Hội đồng Bộ trưởng, khôi phục lại các chế định Chủ tịch nước và Chính phủ, khôi phục lại sở hữu tư nhân và nền kinh tế thị trường. [8]

2001

Quốc hội thông qua Nghị quyết 51/2001/QH10 sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992, đưa ra khái niệm “kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”. [9]

2013

Quốc hội thông qua Hiến pháp 2013, hiến định hóa việc thu hồi đất, bổ sung cơ chế đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt. [10]

Nguồn ảnh: Wikipedia.
Đồ họa: Luật Khoa.

ĐIỀU 4 CÓ TỰ BAO GIỜ?



Tranh minh họa: Luật Khoa.

*Về điều khoản nổi tiếng
nhất của các bản
hiến pháp cộng sản.*

Trần Hà Linh

Nói hơi ngoa một chút thì ở nước ta, khi nào không còn gì để đọc thì người ta mới đọc Hiến pháp. Thế nhưng nỗ lực tuyên truyền của Đảng Cộng sản cũng như thông tin “ngoài luồng” đã giúp một điều khoản trong Hiến pháp trở nên nổi tiếng: Điều 4.

Nói “Điều 4” là người ta đủ hiểu nói đến cái gì, đó chính là điều khoản hiến định hóa vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng như chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Cái này cũng giống như bên Mỹ, thay vì nói quyền tự do ngôn luận thì người ta nói “quyền theo Tu chính án thứ Nhất”, thay vì nói quyền sở hữu súng thì người ta nói “quyền theo Tu chính án thứ Hai”, rồi thay vì nói tôi từ chối cung khai thì người ta nói “I take the Fifth”, ý chỉ là Tu chính án thứ Năm của Hiến pháp Mỹ vốn đảm bảo quyền im lặng cho những người bị chính quyền lấy lời khai.

Điều 4 nay không những đã là một nguyên tắc lập hiến quan trọng bậc nhất, mà còn trở thành một phần của văn hóa chính trị nước ta. Nó là thứ người ta có thể nghe được ở vỉa hè, và với từ vỉa hè, tôi bao gồm cả không gian Internet, bởi Internet ở nước ta đích thực là một loại vỉa hè ngôn luận và không được tính là không gian thảo luận chính thống.

Thế nhưng tự bao giờ mà Điều 4 xuất hiện và được nói nhiều đến như vậy?

Mọi sinh viên luật - nếu học đảng hoàng môn luật hiến pháp - đều biết nó xuất hiện từ Hiến pháp 1980. Nhưng chớ dừng lại ở việc chỉ đọc bản văn hiến pháp mà hãy tìm hiểu thêm qua nghiên cứu có tên “Constitutionalizing Single Party Leadership in Vietnam: Dilemmas of Reform” của Tiến sĩ Bùi Hải Thiêm - Viện Nghiên cứu Lập pháp, được đăng trên tạp chí *Asian Journal of Comparative Law* năm 2016. [1]

Để dễ dàng tìm hiểu vấn đề hơn thì chúng ta có thể điểm qua các bản hiến pháp mà Đảng Cộng sản Việt Nam đã từng ban hành (hoặc là có vai trò quyết định trong việc ban hành): Hiến pháp 1946, Hiến pháp 1959, Hiến pháp 1980, Hiến pháp 1992 (được sửa đổi, bổ sung năm 2001 bằng Nghị quyết 51), và Hiến pháp 2013.

Hãy trở lại năm 1959: Đảng Cộng sản - khi đó có tên là Đảng Lao động - đã nắm quyền lực tuyệt đối ở miền Bắc, quyết tâm theo đuổi chủ nghĩa xã hội theo mô hình của Liên Xô và Trung Quốc. Vậy thì có lý do gì mà không hiến định hóa vai trò lãnh đạo của đảng luôn mà phải chờ đến tận năm 1980?

Theo nghiên cứu kể trên, mặc dù chỉ chính thức xuất hiện từ Hiến pháp 1980, nhưng mầm mống của ý định xác lập vai trò lãnh đạo của đảng thực ra đã nảy sinh từ Hiến pháp 1959, cũng tại Điều 4. [2]
Ta hãy đọc:

HIẾN PHÁP 1959 | ĐIỀU 4

Tất cả quyền lực trong nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đều thuộc về nhân dân. Nhân dân sử dụng quyền lực của mình thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân.

Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp và các cơ quan Nhà nước khác đều thực hành nguyên tắc tập trung dân chủ.

Điểm đáng chú ý ở đây là việc hiến định hóa nguyên tắc tập trung dân chủ - một nguyên tắc tổ chức đảng cách mạng/ đảng cộng sản do Lênin đề ra. Nguyên tắc này cơ bản gồm hai phần: (1) thảo luận tự do trong nội bộ đảng, tức là *dân chủ* và (2) một khi đã thông qua đường lối, chủ trương, chính sách của đảng rồi thì phải tuyệt đối tuân theo, không bàn lại, tức là *tập trung*. Để thực hiện thì nó đòi hỏi cá nhân phải phục tùng tập thể, thiểu số phải phục tùng đa số, và cấp dưới phải phục tùng cấp trên.

Nếu đọc toàn văn Hiến pháp 1959, ta sẽ còn thấy rằng sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản (khi đó có tên là Đảng Lao động Việt Nam) - dù không được đưa vào điều khoản nào - đã được nhắc đến trong phần Lời nói đầu: “Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Lao động Việt Nam, Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và Chủ tịch Hồ Chí Minh, toàn dân ta đoàn kết rộng rãi trong Mặt trận dân tộc thống nhất, nhất định sẽ giành được những thắng lợi vẻ vang trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và thực hiện thống nhất nước nhà.”

Tác giả Bùi Hải Thiêm cho rằng, vào thời điểm 1959, lãnh đạo Đảng Lao động Việt Nam hoàn toàn có thể hiến định hóa sự lãnh đạo của đảng, tương tự như Điều 126 của Hiến pháp Liên Xô 1936. Thế nhưng, do mục tiêu thống nhất đất nước được ưu tiên trong thời kỳ này, Đảng Lao động đã không đi xa đến mức như vậy, với mục đích huy động được nhiều thành phần khác nhau trong quần chúng, nhất là ở miền Nam.

Cách lý giải này rất phù hợp với logic vận hành của Đảng Cộng sản suốt từ năm 1941 với việc thành lập Mặt trận Việt Minh, rồi tuyên bố tự giải tán năm 1945, rồi khi ra hoạt động công khai trở lại năm 1951 thì không lấy tên Đảng Cộng sản mà lấy tên Đảng Lao động. Họ phải giấu thân phận cộng sản của mình để tranh thủ được sự ủng hộ của các lực lượng phi cộng sản trong xã hội.

Nhưng hoàn cảnh năm 1980 thì hoàn toàn khác.

Đó là khi Đảng Lao động đã hoàn tất mục tiêu thống nhất đất nước (1975), đổi tên đảng thành Đảng Cộng sản (1976), và đổi tên nước thành Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (1976). Một trong những việc còn lại họ cần làm để khẳng định vị thế độc quyền và bản chất ưu việt là hiến định hóa sự lãnh đạo của chính mình. Và thế là Điều 4 Hiến pháp 1980 ra đời:

HIẾN PHÁP 1980 | ĐIỀU 4

Đảng cộng sản Việt Nam, đội tiên phong và bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp công nhân Việt Nam, được vũ trang bằng học thuyết Mác - Lênin, là lực lượng duy nhất lãnh đạo Nhà nước, lãnh đạo xã hội; là nhân tố chủ yếu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Đảng tồn tại và phấn đấu vì lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam.

Các tổ chức của Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp.

TS. Bùi Hải Thiêm chỉ ra rằng, điều khoản này trùng khớp với Điều 6 của Hiến pháp Liên Xô 1977.

Điều cần lưu ý ở đây là cụm từ “duy nhất”. Cho tới nay, có lẽ hầu hết công chúng - bao gồm cả giới trí thức và các nhà hoạt động chính trị nói chung - vẫn nói đến Điều 4 theo cách hiểu của Hiến

pháp 1980, trong khi ở các bản hiến pháp sau không còn từ “duy nhất” trong Điều 4 nữa.

Và đó là một lịch sử ngắn về điều khoản nổi tiếng nhất trong các bản hiến pháp của Đảng Cộng sản Việt Nam.□

HIẾN PHÁP 1992 | ĐIỀU 4:

Đảng cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành quyền lợi của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, theo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội.

Mọi tổ chức của Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Đảng tồn tại và phấn đấu vì lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam.

Các tổ chức của Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp.

HIẾN PHÁP 2013 | ĐIỀU 4:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam - Đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình.

3. Các tổ chức của Đảng và đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

HIẾN PHÁP VIỆT NAM KHÔNG CẤM ĐA ĐẢNG

Mời xem lại Điều 4.

Bài được đăng lần đầu trên
luatkhoa.org ngày 26/8/2020.
Có sửa đổi so với bản đăng lần đầu.

Trần Hà Linh

Chuyện Việt Nam hiện nay không có chế độ đa đảng không nhất thiết đồng nghĩa với chuyện luật Việt Nam cấm đa đảng. Hai chuyện này hoàn toàn khác nhau.

Điều 4 nức danh của Hiến pháp Việt Nam hoàn toàn không cấm đa đảng. [1] Ta hãy xem nó nói gì.

Điều 4

- 1. Đảng Cộng sản Việt Nam – Đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của Nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội.*
- 2. Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình.*
- 3. Các tổ chức của Đảng và đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.*

Như vậy, điều 4 nói Đảng Cộng sản Việt Nam là “lực lượng lãnh đạo”, chứ không phải là lực lượng lãnh đạo duy nhất.

Và nếu Hiến pháp có nói Đảng Cộng sản là lực lượng lãnh đạo “duy nhất” (như trong Hiến pháp năm 1980) đi chăng nữa, thì điều đó cũng không có nghĩa là các đảng phái khác không được phép ra đời và tồn tại. [2] Đảng Cộng sản muốn độc quyền lãnh đạo thì cứ độc quyền, còn chuyện các đảng khác được lập ra và hoạt động vẫn hợp hiến, miễn là họ không trở thành lãnh đạo.

Để chứng minh, ta có thể lấy thực tế tồn tại của Đảng Dân chủ và Đảng Xã hội suốt từ trước Cách mạng Tháng Tám đến khi họ giải tán năm 1988. [3][4] Họ đã tồn tại và hoạt động xuyên suốt qua các thời kỳ Hiến pháp 1946, 1959, và cả Hiến pháp 1980 kể trên, có chân trong Quốc hội, có người còn làm bộ trưởng (Dương Đức Hiền, Cù Huy Cận, Nghiêm Xuân Yêm, Vũ Đình Hòe, v.v.). [5] Nếu như sự tồn tại của họ là phù hợp với bản Hiến pháp hà khắc nhất, độc đoán nhất, “xã hội chủ nghĩa” nhất là Hiến pháp 1980, thì không có lý do gì đến Hiến pháp 2013 lại thành phi pháp.

Hiến pháp nói nhà nước Việt Nam là nhà nước xã hội chủ nghĩa, nhưng không ở đâu nói nhà nước xã hội chủ nghĩa thì không được phép tồn tại đa đảng.

Quan điểm này cũng được luật sư Nguyễn Lệnh và luật sư Trần Vũ Hải chia sẻ nhiều năm trước đây trong các bài viết cũng như kiến nghị gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội. [6][7][8]

Dù Hiến pháp nói vậy, nhưng người Việt Nam vẫn có niềm tin rất vững chắc rằng lập đảng, hoạt động đảng phái đối lập ở Việt Nam là phạm pháp. Niềm tin vững chắc này có lẽ hình thành từ công tác tuyên truyền của Đảng Cộng sản, và được củng cố bằng hoạt động đàn áp các đảng đối lập ở Việt Nam trên thực tế.

Nhưng trên hết, công dân được làm những gì pháp luật không cấm. Đó là nguyên tắc pháp lý bất di bất dịch. Theo nguyên tắc này thì ngay cả trong khuôn khổ Hiến pháp do Đảng Cộng sản lập ra, công dân Việt Nam vẫn có quyền lập đảng, vận động, tranh cử. □

3 LÝ DO KHIẾN HIẾN PHÁP 1946 *vẫn luôn hấp dẫn*

*Các bản hiến pháp sau không tiến bộ
hơn bản Hiến pháp đầu tiên.*



Bài được đăng lần đầu trên
luatkhoa.org ngày 2/9/2017.
Có sửa đổi so với bản đăng lần đầu.

Phan Bảo Ân

Cách đây hơn 70 năm, Quốc hội khóa I đã thông qua bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa – Hiến pháp 1946.

Tuy chưa được áp dụng trên thực tế do hoàn cảnh chiến tranh, nhưng bản Hiến pháp này vẫn mang trong mình những điểm thú vị hơn hẳn các bản hiến pháp về sau.

Không có chữ “đảng” trong Hiến pháp 1946

Hiến pháp 1946 không khẳng định sự lãnh đạo của bất kỳ đảng phái, nhóm hội hay giai cấp nào.

Trên thực tế, trong Quốc hội khóa I có rất nhiều đảng phái và các nhóm khác nhau: Việt Minh, Việt Quốc, Việt Cách, Đảng Xã hội, Đảng Dân chủ, Nhóm Mác xít.

Đảng phái bắt đầu được đề cập trong Hiến pháp 1959 với việc ca ngợi sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương và Đảng Lao động Việt Nam.

Trong lời nói đầu, Hiến pháp 1959 khẳng định: *“Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng lao động Việt Nam, Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và Chủ tịch Hồ Chí Minh, toàn dân ta đoàn kết rộng rãi trong Mặt trận dân tộc thống nhất, nhất định sẽ giành được những thắng lợi vẻ vang trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và thực hiện thống nhất nước nhà.”*

Ngoại trừ đoạn này, Hiến pháp 1959 không đề cập thêm điều gì về đảng phái. Trong thời gian Hiến pháp 1959 có hiệu lực, Đảng Xã hội và Đảng Dân chủ vẫn tồn tại và hoạt động song song với Đảng Lao động Việt Nam.

Từ “Đảng” chỉ bắt đầu xuất hiện trong các điều khoản chính thức của Hiến pháp 1980. Hiến pháp 1980 không chỉ khẳng định sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong lời nói đầu, mà nó còn quy định cụ thể tại Điều 4. Tuy nhiên nó vẫn thừa nhận sự tồn tại của các “chính đảng” khác tại Điều 9 về Mặt trận Tổ quốc và Điều 86 về Quyền trình dự án luật ra quốc hội.

Năm 1988, Đảng Dân chủ và Đảng Xã hội tuyên bố giải thể, kết thúc thời kỳ đa đảng chính thức tại Việt Nam. Đến Hiến pháp 1992 và Hiến pháp 2013, cụm từ “chính đảng” đã không còn được sử dụng. Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam được khẳng định trong cả lời nói đầu và tại Điều 4 của cả hai bản hiến pháp trên.

Nhìn lại 5 bản hiến pháp của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (mà sau này là Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam), Hiến pháp 1946 không có chữ “đảng” nào, Hiến pháp 1959 có 4 chữ, Hiến pháp 1980 có 15 chữ, Hiến pháp 1992 có 5 chữ và Hiến pháp 2013 có 9 chữ.

Trong phiên họp của Kỳ họp thứ 11, Quốc hội Khóa I đã thông qua Hiến pháp 1946.
Ảnh tư liệu.



Quyền công dân rõ ràng và không bị hạn chế

Trong Hiến pháp 1946, các quyền công dân đều được quy định rất rõ ràng. Cụ thể, quyền của công dân được quy định tại Điều 10:

“Công dân Việt Nam có quyền:

- Tự do ngôn luận*
- Tự do xuất bản*
- Tự do tổ chức và hội họp*
- Tự do tín ngưỡng*
- Tự do cư trú, đi lại trong nước và ra nước ngoài.”*

Trong phần còn lại, Hiến pháp 1946 không hề đưa ra một quy định nào giới hạn các quyền công dân này. Hiến pháp 1959 cũng

ghi nhận các quyền công dân tương tự Hiến pháp 1946, thậm chí còn đề cập tới các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa khác.

Tuy nhiên, khác biệt lớn nhất lại là việc quy định thêm một “vùng cấm” cho các quyền tự do dân chủ. Cụ thể, Điều 38 Hiến pháp 1959 quy định: *“Không ai được lợi dụng các quyền tự do dân chủ để xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước và của nhân dân.”* Điều này được lặp lại trong Hiến pháp 1980 (Điều 67, đoạn 3). Quy định mơ hồ này cũng được tái hiện trong hai điều luật khá nổi tiếng tại Việt Nam những năm gần đây – Điều 258 Bộ luật Hình sự 1999 và Điều 331 Bộ luật Hình sự 2015.

Đến năm 1992, các quyền công dân đã được quy định chi tiết hơn và thêm một số quyền mới so với các bản hiến pháp



trước. Đoạn 3 của Điều 67 Hiến pháp 1980 cũng đã được lược bỏ. Tuy nhiên, Hiến pháp 1992 vẫn có một kẽ hở khiến cho các quyền tự do của công dân có thể bị xâm phạm. Cụ thể, các quyền công dân được quy định trong Điều 68 và 69 của Hiến pháp 1992 được thực thi “*theo quy định của pháp luật*”.

“Điều 68

Công dân có quyền tự do đi lại và cư trú ở trong nước, có quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước theo quy định của pháp luật.

Điều 69

Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí; có quyền được thông tin; có quyền hội họp, lập hội, biểu tình theo quy định của pháp luật.”



Vì “pháp luật” được hiểu là gồm cả luật và các văn bản dưới luật (như nghị định, thông tư) nên cách quy định này khiến cho các quyền của công dân có thể bị bó hẹp.

Đơn cử như Nghị định 38/2005/NĐ-CP quy định một số biện pháp bảo đảm trật tự công cộng. Điều 6 của nghị định này cấm tập trung đông người tại nơi công cộng nếu không được phép của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền. Đồng thời, nó cho phép bộ máy công quyền cưỡng chế những người vi phạm phải rời khỏi địa điểm tập trung. Đây chính là cơ sở để chính quyền giải tán nhiều cuộc biểu tình tại Việt Nam những năm gần đây.

Cách quy định nêu trên vẫn còn tồn tại trong Hiến pháp 2013 với cụm từ dài hơn: “*việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định.*” Về cơ bản, quy định này vẫn giữ nguyên kẽ hở, do đó nhà nước có thể ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh việc thực hành quyền.

Điểm khác biệt của Hiến pháp 2013 so với các bản Hiến pháp còn lại là sự xuất hiện của cụm từ “quyền con người”, kèm theo đó là quy định về các trường hợp hạn chế “quyền con người” tại Khoản 2 Điều 14: “*Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.*”

Tuy nhiên Hiến pháp 2013 cũng không giải thích hay định nghĩa cụ thể thế nào là “an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe cộng đồng”.

Toàn cảnh kỳ họp Quốc hội khóa I lần đầu tiên với sự tham gia của nhiều đảng phái, ngày 2 tháng 3 năm 1946.
Ảnh tư liệu.

Quốc hội cởi mở

Hiến pháp 1946 quy định nghị viện “*hợp công khai, công chúng được vào nghe*” và “*báo chí được phép thuật lại các cuộc thảo luận và quyết nghị của Nghị viện*” (Điều 30).

Quy định này hoàn toàn không xuất hiện trong các bản hiến pháp 1959, 1980 và 1992. Việc quốc hội hợp công khai chỉ được quy định trở lại một cách mơ hồ trong Điều 83 của Hiến pháp 2013. Trên thực tế, kể từ sau khi Hiến pháp 2013 có hiệu lực, người dân vẫn chưa được tự do dự thính các phiên họp quốc hội.

Mặc dù Hiến pháp 2013 quy định quốc hội hợp công khai, tuy nhiên phải đợi tới tháng 11 năm 2015 thì việc tham dự của công chúng mới được quy định trong Nội quy họp quốc hội (sửa đổi). Theo Khoản 5, Điều 8 của Nội quy thì “*công dân có thể được dự thính các phiên họp công khai của Quốc hội. Tổng thư ký Quốc hội tổ chức việc công dân dự thính các phiên họp công khai của Quốc hội*”.

Trước khi Nội quy được sửa đổi, người dân vẫn bị hạn chế trong việc dự thính các phiên họp quốc hội. Nói về điều này, trong một lần trả lời phỏng vấn các báo được VOV dẫn lại, đại biểu quốc hội khóa XIV Lê Như Tiến nhận xét: “*Ta chưa làm được, chỉ dừng lại mời những người của các cơ quan có văn bản pháp luật đến nghe để chỉnh lý. Vừa qua một vài lần các em học sinh, sinh viên được vào nghị trường. Tôi từng kiến nghị nên để học sinh ở các trường vào nhiều hơn, để các em thấy được không khí hoạt động của Quốc hội và chấp cánh ước mơ làm nghị sĩ. Nên để người dân vào để hiểu hơn hoạt động của Quốc hội*.”

Trong một bài trả lời phỏng vấn được đăng tải trên báo Pháp luật TP.HCM ngày 4/6/2017, Tổng thư ký Quốc hội khóa IV Nguyễn Hạnh Phúc cho biết: “*Văn phòng Quốc hội đang chuẩn bị cơ sở vật chất để người dân thực sự được quan sát, dự thính trực tiếp hoạt động của các đại biểu. Có thể kỳ họp cuối năm hoặc đầu năm sau là triển khai*.”

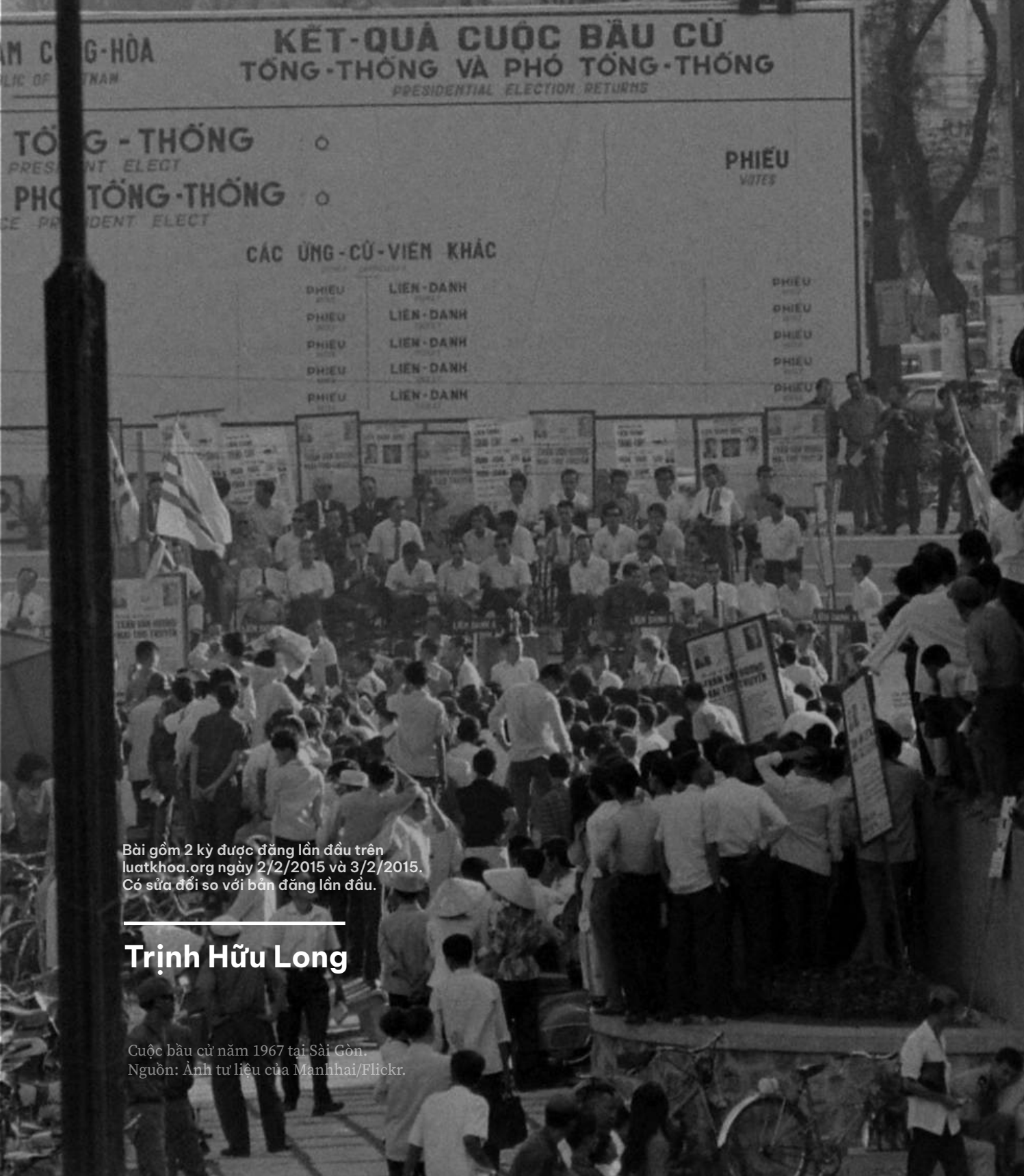
Mặc dù đã có nhiều phương tiện thông tin đại chúng đưa tin về các phiên họp quốc hội, tuy nhiên ông Phúc cho hay: “*Tất nhiên như vậy là chưa đủ. Người dân, cử tri có quyền dự thính, theo dõi trực tiếp hoạt động của Quốc hội cũng như những đại biểu mà mình bầu ra. Trước đây, ở Hội trường Ba Đình cũ hay các vị trí mà Quốc hội thuê họp như hội trường Bộ Quốc phòng thì không có điều kiện tổ chức. Còn nay có Nhà Quốc hội mới thì ngay từ đầu khi thiết kế đã tính tới yêu cầu này rồi nên nội quy kỳ họp mới có một khoản để công dân có thể dự thính phiên họp công khai của Quốc hội. Nay chúng tôi hoàn thiện quy chế riêng cho việc tham quan, dự thính, rồi có thể lắp đặt thêm kính cách âm bao lơn phía trên phòng Diên Hồng, lúc đấy có thể tổ chức để người dân đăng ký vào quan sát Quốc hội làm việc*.”

Như vậy, dẫu có quy định quốc hội hợp công khai thì người dân cũng khó lòng dự thính, khi mà chính quyền lắp kính cách âm tại hội trường quốc hội. Như vậy, quyền tham dự phiên họp quốc hội của người dân trong Hiến pháp 2013 không hề tiến bộ hơn so với bản Hiến pháp đầu tiên. □

VIỆT NAM CỘNG HÒA

HIẾN PHÁP VIỆT NAM CỘNG HÒA NÓI GÌ VỀ ĐẢNG PHÁI?

*Đa đảng hướng đến lưỡng đảng, quân đội
phi đảng phái, Điều 4 chống cộng sản.*



Bài gồm 2 kỳ được đăng lần đầu trên
luatkhoa.org ngày 2/2/2015 và 3/2/2015.
Có sửa đổi so với bản đăng lần đầu.

Trịnh Hữu Long

Cuộc bầu cử năm 1967 tại Sài Gòn.
Nguồn: Ảnh tư liệu của Mạnhhai/Flickr.

Xét riêng về chế định đảng chính trị, Hiến pháp Việt Nam Cộng hòa năm 1967 tương phản toàn diện với Hiến pháp Việt Nam hiện hành.

Ngày 26/10/1955, Tổng thống Ngô Đình Diệm long trọng tuyên bố sự ra đời của quốc gia Việt Nam Cộng hòa ở phía Nam của vĩ tuyến 17, mở ra trang sử 20 năm ngắn ngủi của quốc gia này với những thành tựu lập hiến không thể nói là nhỏ.

Đúng một năm sau, cũng chính ông Ngô Đình Diệm ký lệnh ban bố bản Hiến pháp đầu tiên của Việt Nam Cộng hòa sau khi nhận toàn văn bản hiến này từ Quốc hội Lập hiến, mở ra nền Đệ nhất Cộng hòa.

Mặc dù tiếm cận nhiều giá trị dân chủ và tự do, Hiến pháp 1956 vẫn bị coi là đã tạo ra một chế độ mà Giáo sư Nguyễn Văn Bông của Học viện Quốc gia Hành Chánh (trước 1975) gọi là “chế độ quyền uy, khung cảnh của một sự chớm nở độc tài cá nhân trên thực tế”.

Quả thực, ông Diệm đã thẳng tay đàn áp các đảng phái chính trị đối lập, tập trung quyền lực tối cao vào tay mình, rồi bị quân đội giết chết trong cuộc đảo chính ngày 1/11/1963, mở ra thời kỳ khủng hoảng chính trị kéo dài với các chính phủ được lập lên và sụp xuống liên tục.

Bối cảnh đó đưa đẩy Việt Nam Cộng hòa đến những ý tưởng lập hiến mới để thiết lập sự ổn định của nền chính trị quốc gia. Một quốc hội lập hiến được bầu ra vào tháng 9/1966, thông qua bản Hiến pháp mới ngày 18/3/1967 và chính thức ban bố văn kiện này ngày 1/4 cùng năm, mở ra nền Đệ nhị Cộng hòa và cũng là nền cộng hòa cuối cùng của miền Nam Việt Nam.

Thừa nhận thể chế đa đảng

Không điều khoản nào trong Hiến pháp năm 1956 nhắc tới đảng chính trị, nhưng Hiến pháp 1967 thì dành riêng một chương với 4 điều quy định về “chánh đảng và đối lập”.

CHƯƠNG VII: CHÁNH ĐẢNG VÀ ĐỐI LẬP

Điều 99.

- 1.- Quốc gia công nhận chánh đảng giữ vai trò thiết yếu trong chế độ dân chủ.*
- 2.- Chánh đảng được tự do thành lập và hoạt động theo các thể thức và điều kiện luật định.*

Điều 100.- Quốc gia khuyến khích việc tiến tới chế độ lưỡng đảng.

Điều 101.- Quốc gia công nhận sự định chế hóa đối lập chính trị.

Điều 102.- Một đạo luật sẽ ấn định quy chế chánh đảng và đối lập chính trị.

Như vậy, Hiến pháp 1967 thừa nhận vai trò quan trọng của các đảng chính trị và đảm bảo cho công dân của họ có quyền được thành lập các đảng chính trị riêng của mình mà không thể bị coi là chống chính quyền.

Sự thừa nhận này rất quan trọng, bởi nó loại bỏ hoàn toàn khả năng bị đàn áp hoặc bỏ tù đối với những ai muốn hoạt động đảng phái, điều mà nhiều người dưới thời Ngô Đình Diệm đã phải gánh chịu như đảng viên của các đảng Xã hội, Việt Nam Phục quốc hội, Đại Việt và Việt Nam Quốc dân đảng.

Trên thực tế, chính trường miền Nam sau thời kỳ Ngô Đình Diệm và thời kỳ quân quản (1963-1967) ghi dấu ấn đậm nét của nhiều đảng chính trị, trong đó có đảng Dân chủ của Nguyễn Văn Thiệu, đảng Việt Nam Nhân xã cách mạng của Trương Công Cừu và đảng Công Nông Việt Nam của Trần Quốc Bửu.

Bên cạnh đó, còn có đảng Nhân dân Cách mạng miền Nam (năm 1975 sáp nhập vào đảng Lao động Việt Nam, tức đảng Cộng sản Việt Nam ngày nay) và đảng Xã hội Cấp tiến miền Nam (năm 1975 sáp nhập vào đảng Xã hội Việt Nam, một tổ chức do đảng Cộng sản Việt Nam chi phối).

Sự thừa nhận vai trò của đảng chính trị trong Hiến pháp 1967 hoàn toàn ngược lại với các bản Hiến pháp của Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 1980, 1992 và 2013, vốn quy định đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo nhà nước và xã hội, thậm chí là “lực lượng duy nhất” như quy định tại Hiến pháp 1980.

Các bản hiến pháp này tuy không triệt tiêu khả năng thành lập các đảng chính trị, nhưng việc thực thi chúng trên thực tế lại triệt tiêu hoàn toàn khả năng đó.

Khuyến khích chế độ lưỡng đảng

Ngoài ra, Điều 100 của Hiến pháp 1967 “*khuyến khích việc tiến tới chế độ lưỡng đảng*”. Điều này có lẽ xuất phát từ hai nỗi ám ảnh chính, đồng thời cũng là hai kinh nghiệm xương máu của nền chính trị Sài Gòn thời kỳ đó: sự tái lập một tổng thống độc tài như Ngô Đình Diệm, và những chính phủ được lập ra rồi sụp xuống liên tục sau Diệm.

Cả hai khả năng này đều là điểm yếu của hệ thống chính trị đa đảng.

Chế độ đa đảng kết hợp với mô hình nhà nước đại nghị tiềm ẩn khả năng tạo ra tình

Liên danh Nguyễn Văn Thiệu - Nguyễn Cao Kỳ trong cuộc bầu cử Tổng thống - Phó Tổng thống năm 1967.
Nguồn: Ảnh tư liệu của Manhhai/Flickr.



trạng hỗn loạn và bất ổn định ở quốc hội khi không có phe nào nắm đa số. Chính phủ chỉ được thành lập khi có nhiều đảng liên hiệp với nhau để tạo lập một liên minh chiếm đa số, và chính phủ vì thế cũng sẽ được dựng lên và sụp xuống liên tục do độ bền của những liên minh đó là không cao.

Chế độ đa đảng kết hợp với mô hình nhà nước tổng thống chế, với sự hỗn loạn ở quốc hội như kể trên, sẽ làm nổi bật hình ảnh tổng thống, vì chỉ có ông ta là người duy nhất khi đó do đa số người dân bầu ra, chứ không có ai nắm được đa số ở quốc hội cả. Đây là một khả năng đáng kể dẫn đến độc tài cá nhân.

Chế độ lưỡng đảng đặt trong mô hình tổng thống chế hoặc mô hình bán tổng thống của Hiến pháp 1967 được kỳ vọng sẽ giải quyết được cả hai nỗi ám ảnh đó.

Một mặt, nó giúp quốc hội mạnh hơn và ổn định hơn, nhờ có phe đa số đại diện cho tiếng nói của đa số cử tri. Nhờ vậy, quốc hội kiểm soát được vị tổng thống dân cử, ngăn ngừa ông ta trở thành nhà độc tài.

Chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương (Thủ tướng) Nguyễn Cao Kỳ và tân Bộ trưởng Quốc phòng, Thiếu tướng Nguyễn Hữu Cồ. Nguồn: Ảnh tư liệu của Manhhai/Flickr.

Mặt khác, vị tổng thống dân cử cũng duy trì được chính phủ của mình trong ít nhất một nhiệm kỳ mà không phải lo sợ bị quốc hội giải tán.

Cũng cần lưu ý rằng, chế độ lưỡng đảng không có nghĩa là chỉ có hai đảng được phép hoạt động. Đây là hình thái đặc biệt của chế độ đa đảng, nhưng có hai đảng nổi trội hơn các đảng khác và thay nhau chi phối được chính trường.

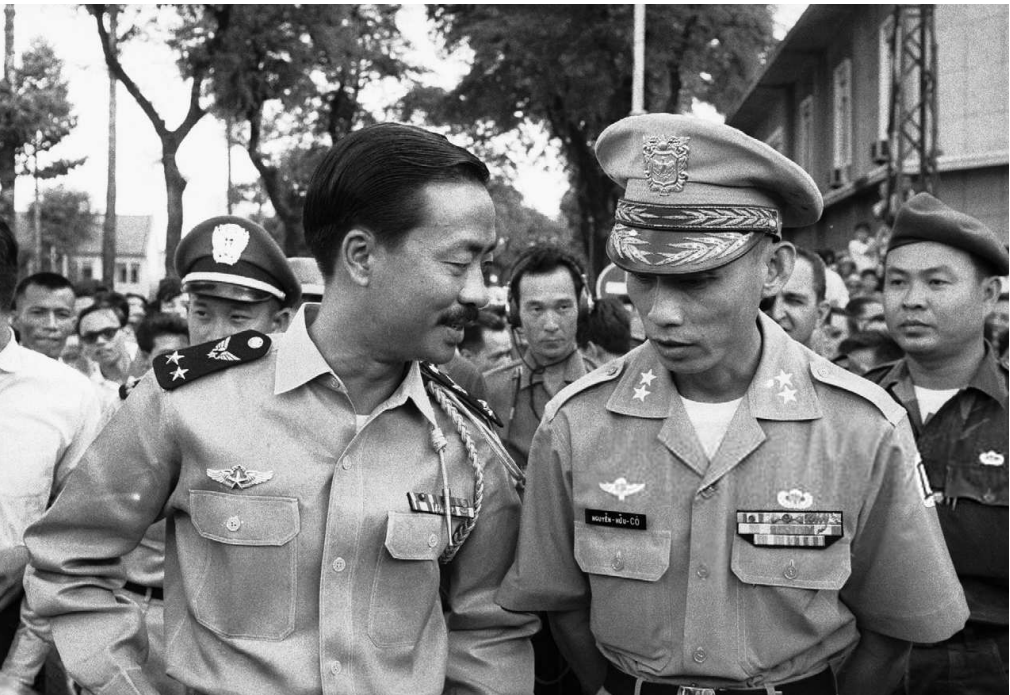
Dĩ nhiên, không phải muốn là có ngay chế độ lưỡng đảng. Nó cần lịch sử sàng lọc, và do đó, bản Hiến pháp năm 1967 không thể làm gì hơn là “khuyến khích” sự hình thành chế độ đó.

Quân đội phi đảng phái

Hiến pháp Việt Nam Cộng hòa năm 1956 không quy định gì về mối quan hệ giữa quân đội và đảng phái, nhưng bản Hiến pháp 1967 thì nói rất rõ tại khoản 2, Điều 23: **“Quân nhân tại ngũ không được sinh hoạt đảng phái”**.

Quy định này, một mặt xuất phát từ những học thuyết tách rời quân đội khỏi chính trị, mặt khác có căn nguyên từ một nỗi ám ảnh chính trị khác ở Sài Gòn: chế độ quân quản sau Diệm.

Đó là thời kỳ kéo dài 4 năm, từ 1963 đến 1967, bắt đầu từ cuộc đảo chính quân sự lật đổ Ngô Đình Diệm ngày 1/11/1963. Trong 4 năm sau đó, lần lượt 5 chính phủ được các phe quân đội và dân sự dựng lên rồi đập xuống liên tục với liên tiếp các cuộc đảo chính và chỉnh lý khác.





Các liên danh tranh cử Tổng thống và Phó Tổng thống ra mắt tại trụ sở Thượng Viện (Hội trường Diên Hồng). Nguồn: Ảnh tư liệu của Manhhai/Flickr.

Chỉ đến khi Nguyễn Văn Thiệu lên nắm giữ quân đội từ năm 1965 và thiết lập chính phủ dân sự do tướng Nguyễn Cao Kỳ làm Thủ tướng thì tình hình mới bắt đầu ổn định. Cả hai người này, sau khi Hiến pháp 1967 được thông qua, đã liên minh tranh cử vào vị trí Tổng thống và Phó Tổng thống, và thành công.

So sánh với các bản Hiến pháp của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Hiến pháp 1967 cho ta thấy sự khác biệt đáng kể trong quan điểm lập hiến về quân đội.

Ngoại trừ Hiến pháp năm 1946 của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa không đề cập đến quân đội, các bản hiến pháp sau đó đều quy định quân đội phải “bảo vệ thành quả cách mạng” (Hiến pháp 1959, 1980, 1992) hay “tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, Nhân dân, với Đảng và Nhà nước, có nhiệm vụ bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ Nhân dân, Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa, cùng toàn dân xây dựng đất nước và thực hiện nghĩa vụ quốc tế” như Hiến pháp 2013.

Điều 4: “Chống lại chủ nghĩa cộng sản dưới mọi hình thức”

Mặc dù thừa nhận chế độ chính trị đa đảng và đối lập, bản Hiến pháp Việt Nam Cộng hòa năm 1967 lại có một điều khoản gây tranh cãi, đó là Điều 4.

Nếu như Điều 4 ở các bản Hiến pháp của Việt Nam thống nhất sau này, cũng gây rất nhiều tranh cãi, nổi tiếng với sự hiến định hóa quyền lãnh đạo nhà nước và xã hội của đảng Cộng sản Việt Nam, thì Điều 4 trong Hiến pháp Việt Nam Cộng hòa 1967 lại chống chủ nghĩa cộng sản đến cùng.

- Điều 4.**
- 1.— *Việt Nam Cộng hòa chống lại chủ nghĩa cộng sản dưới mọi hình thức.*
 - 2.— *Mọi hành vi nhằm mục đích tuyên truyền hay thực hiện chủ nghĩa cộng sản đều bị cấm chỉ.*

Không phải đến năm 1967, Hiến pháp của Việt Nam Cộng hòa mới hiến định hóa điều cấm này. Điều 7 của Hiến pháp 1956 cũng ghi rõ:

Những hành vi có mục đích phổ biến hoặc thực hiện một cách trực tiếp hay gián tiếp chủ nghĩa cộng sản dưới mọi hình thức đều trái với các nguyên tắc ghi trong Hiến pháp.

Điều này có nghĩa là, chế độ đa đảng ở miền Nam Việt Nam không có chỗ cho bất kỳ đảng phái nào cổ súy cho chủ nghĩa cộng sản. Nói cách khác, không thể có một đảng cộng sản ở phía Nam vĩ tuyến 17.

Rõ ràng, sự tồn tại của quy định này là rất dễ hiểu trong bối cảnh đối đầu một mặt một còn giữa chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa tư bản trên thế giới trong thời kỳ đó, mà Việt Nam chính là chiến trường đẫm máu nhất. Nhưng mặt khác, đây cũng là quy định hạn chế tự do ở một chế độ lấy các giá trị tự do, dân chủ làm căn bản như Việt Nam Cộng hòa.

So sánh với các nước khác trong cùng thời kỳ, có thể thấy các đảng cộng sản ở Mỹ và Tây Âu vẫn được hoạt động. Đảng cộng sản Hoa Kỳ thậm chí còn nắm vai trò lớn trong phong trào đòi quyền dân sự thập niên 50 và 60 của thế kỷ XX, đồng thời đã từng nắm giữ các vị trí khác nhau trong các cơ quan lập pháp của nước này. Tuy dần thoái trào ở nửa sau thế kỷ XX, các đảng cộng sản vẫn có thể được thành lập và hoạt động hợp hiến, hợp pháp tại những quốc gia được cho là thù địch với chủ nghĩa cộng sản này.

Trở lại với miền Nam Việt Nam thời Đệ nhị Cộng hòa, mặc dù Điều 4 của Hiến pháp cấm đoán tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản, nhưng nó lại tỏ ra kém hiệu lực trên thực tế.

Sài Gòn trước năm 1975 vẫn có những chuyên gia về chủ nghĩa cộng sản. Một trong những đại diện tiêu biểu là học giả Nguyễn Ngọc Lan với tạp chí Đối Diện, một tạp chí được cho là “thân Cộng”. Bên cạnh đó, các tập bài giảng về chủ nghĩa Mác – Lênin của Giáo sư Nguyễn Văn Trung, Đại

Một bức áp phích từ miền Nam Việt Nam.
Nguồn: pritzkermilitary.org.



học Văn khoa Sài Gòn, vẫn được in ấn và tự do lưu hành, các lớp học về chủ nghĩa Mác – Lênin của ông vẫn được tổ chức bình thường như mọi lớp học khác.

Điều đặc biệt nữa là trong nhiều luận văn cao học của Học viện Quốc gia Hành Chánh của miền Nam trước 1975, hiện còn đang lưu trữ trong thư viện của học viện này ở TP. Hồ Chí Minh, khi bàn đến vấn đề hòa giải dân tộc và thống nhất đất nước, các tác giả vẫn có thể đề xuất giải pháp “bỏ Điều 4” ra khỏi Hiến pháp năm 1967 và được bảo vệ quan điểm đó trước hội đồng thẩm định.

Nói cách khác, khi Điều 4 của Hiến pháp 1967 bị lấn át bởi các quyền tự do ngôn luận, tự do học thuật, tự do báo chí và quyền tự trị của các trường đại học, chính quyền Việt Nam Cộng hòa có xu hướng làm ngơ và ngầm thừa nhận các luồng quan điểm về chủ nghĩa cộng sản như một phần của xã hội đa nguyên. □



TỦ SÁCH VIỆT NAM CỘNG HÒA *của Luật Khoa tại Đài Bắc*

Kho báu của Luật Khoa tạp chí là đây: gần 1.000 cuốn sách tiếng Việt và tiếng Anh, chủ yếu là sách về Việt Nam học.

Trong số đó, có khoảng 250 đầu sách được xuất bản dưới thời Việt Nam Cộng hòa, nay đã ố vàng. Chúng tôi đã số hóa và in mỗi cuốn một bản sao để phục vụ công tác bảo tồn. Một phần kinh phí mua số sách này đến từ khoản đóng góp của bạn đọc.

Thư viện được đặt tại văn phòng của Luật Khoa tại khuôn viên trường Đại học Chính trị Quốc lập Đài Loan (NCCU) và hướng tới phục vụ không những Luật Khoa mà cả sinh viên, giáo sư, nghiên cứu viên ở Đài Loan quan tâm đến Việt Nam.

Trong tương lai, Luật Khoa muốn mở rộng thư viện này và ưu tiên đầu tư cho sách xuất bản dưới thời Việt Nam Cộng hòa.

Nếu muốn tặng sách hoặc hợp tác với Luật Khoa, xin liên hệ: lib@liv.ngo.



BIÊN NIÊN SỬ “SỞ HỮU ĐẤT ĐAI” VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI: HIỂU SAO CHO ĐÚNG?

*Phức tạp và trực trặc trong suốt
tiến trình lịch sử lập hiến.*

Võ Văn Quân

Sở hữu đất đai có lẽ vẫn là tranh cãi pháp lý dai dẳng và căng thẳng nhất trong xã hội Việt Nam.

“Công hữu”, “tư hữu”, “sở hữu toàn dân”, “sử dụng đất ổn định lâu dài”, “thu hồi đất”, v.v. đều là những thuật ngữ được sử dụng nhiều đến ám ảnh trong cả không gian pháp lý lẫn không gian dân sự Việt Nam.

Một mặt, các đời lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục cương quyết với đường lối “sở hữu toàn dân”. Chỉ mới đây, vào tháng Năm năm 2022, trong buổi bế mạc Hội nghị Trung ương 5 khóa XIII, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Nguyễn Phú Trọng tiếp tục khẳng định một lần nữa đất đai là “sở hữu toàn dân”, “do nhà nước thống nhất quản lý”, người dân có “quyền sử dụng đất”, và quyền sử dụng đất là một loại tài sản, nhưng nó chắc chắn không phải quyền sở hữu. [1]

Ông Nguyễn Phú Trọng vốn nói khá nhiều về vấn đề này, các thuật ngữ kinh điển được lặp đi lặp lại cho chúng ta thấy một tương lai khó có thay đổi quan trọng nào về vấn đề sở hữu đất đai tại Việt Nam. Trong đó, người dân Việt Nam sẽ không có quyền sở hữu đất.

Nhưng tiếp cận ở một góc độ khác, thị trường quyền sử dụng đất tại Việt Nam, đặc biệt ở các thành phố lớn, lại là một trong những thị trường sôi động nhất châu Á. [2]

Vì sao tồn tại những nghịch lý như thế? Tại sao một quốc gia, nơi người dân không thật sự sở hữu đất đai, lại có thị trường đất đai phát triển nhất nhì khu vực?

Trong bài viết này, người viết tập hợp những vấn đề cơ bản nhất về sở hữu đất đai qua lịch sử các bản hiến pháp Việt Nam. Và trên cơ sở đó, người viết kỳ vọng có thể giải đáp phần nào câu hỏi trên.

Để bảo đảm tính thống nhất và xuyên suốt của quá trình nghiên cứu với hệ thống pháp luật Việt Nam đương đại, chúng ta sẽ chỉ xem xét vấn đề sở hữu đất đai trong các bản hiến pháp của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (VNDCCH) - nay là Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (CHXHCNVN).

SỞ HỮU ĐẤT ĐAI QUA CÁC BẢN HIẾN PHÁP VIỆT NAM

Khoan bàn đến bản chất xấu hay tốt của chế độ sở hữu toàn dân, có một điều đáng buồn là qua bao nhiêu lần sửa đổi hiến pháp thì có bấy nhiêu lần người ta sửa đổi chế định về sở hữu đất đai.

Nhiều người cho rằng lý do là bởi vì chiến tranh. Tuy nhiên, theo người viết, nó lại cho thấy sự thiếu nhất quán, tính phiêu lưu cao độ của các đời lãnh đạo.

Ngay ở giai đoạn 1946-1954, trong khoảng thời gian ngặt nghèo và sống còn nhất của chính phủ VNDCCH, quyền tư hữu tài sản nói chung và quyền tư hữu đất đai vẫn được duy trì một cách bình thường. Điều này cho chúng ta thấy tham vọng công hữu hóa đất đai và hợp tác xã hóa hoạt động khai thác đất đai trong nhiều thập niên sau đó mang tính chất “chỉ tiêu chính trị” nhiều hơn là bởi vì các khó khăn ngoại cảnh khác như chiến tranh hay không chiến tranh.

Trở lại với các thảo luận lập hiến, Hiến pháp 1946 có những quy định minh thị về bảo vệ quyền sở hữu tài sản và các hình thức khác nhau của quyền tài sản.

Điều 12 của bản hiến pháp này chỉ ghi nhận ngắn gọn rằng “quyền tư hữu tài sản của công dân Việt Nam được bảo đảm”. Tuy nhiên, các nghiên cứu chính thống tại Việt Nam đồng thuận là nhà nước VNDCCH, trong suốt giai đoạn kháng

chiến chống Pháp, đều cho phép người dân tự do mua bán, chuyển nhượng, cũng như tạo điều kiện cho các chủ thể khai thác, sử dụng đất một cách hiệu quả, dù theo mô hình “thực dân - phong kiến” cũ. [3]

Những nhận định này càng được củng cố nếu chúng ta xem xét các văn bản quy phạm được ban hành trong suốt giai đoạn 1946-1954.

Ví dụ, xem xét Sắc lệnh 149 quy định về chính sách ruộng đất (ngày 12/4/1953), [4] nhà nước VNDCCH cho thấy họ vẫn còn tiếp tục duy trì chế độ tư hữu đất đai, tiếp tục thừa nhận mô hình thu tô, chấp nhận khái niệm địa chủ, không ngăn cản đoàn thể sở hữu đất cho thuê canh tác, cũng như không có ghi nhận hạn chế gì về các biện pháp khai thác đất đai tư nhân khác.

Song điều này không có nghĩa là chính quyền VNDCCH giai đoạn 1946-1954 bao dung hoàn toàn với tư hữu. Cần nhắc một số quy định trong Sắc lệnh 88 (1950) về thể lệ lĩnh canh ruộng đất, [5] Sắc lệnh 03 (1951) về vấn đề thu thóc quân lương trên các ruộng tạm cấp, [6] hay bản thân Sắc lệnh 149 về việc giới hạn mức thu tô và yêu cầu bắt buộc các địa chủ phải giảm tô, rất dễ nhận thấy được một nhà nước luôn trong tình trạng sẵn sàng can thiệp vào thị trường đất đai và quá trình thực hiện quyền tư hữu đất đai.

Thật vậy, chỉ vài tháng sau khi Sắc lệnh 149 được ban hành, chương trình Cải cách Ruộng đất - với sự hậu thuẫn bạo lực của Sắc lệnh 150 (1953) về việc thành lập Tòa án Nhân dân Đặc biệt, [7] cũng như văn bản chính yếu là Luật Cải cách Ruộng đất (1953) [8] khiến lời hô hào bảo vệ quyền tư hữu tài sản của Hiến pháp 1946 chính thức mất đi giá trị thực tế của nó.

Về lý thuyết, có thể gọi Luật Cải cách Ruộng đất là vi hiến bởi vì nó không chỉ tước đoạt quyền tư hữu đất đai bằng vũ

lực mà còn trừng phạt công dân chỉ vì họ sở hữu đất đai. Để hiểu thêm chi tiết về chương trình này, trong tương quan với các chương trình cải cách ruộng đất khắp đất nước Việt Nam, bạn đọc có thể tham khảo bài viết “Cải cách ruộng đất, Cải cách điền địa và Người cày có ruộng” được đăng tải trên Luật Khoa cách đây khá lâu. [9]

Luật Cải cách Ruộng đất cho thấy nền tảng quyền tư hữu đất đai hoàn toàn có thể dễ dàng bị bung rã trong tư duy pháp lý lẫn chính trị của giới lãnh đạo Việt Nam. Việc trao quyền sở hữu đất đai rồi tước đoạt nó chỉ nằm trong phạm vi quyền lực muốn hay không muốn, tuân theo ý chí chính trị của chính quyền mà thôi.

Quyền tư hữu tài sản nói chung và tư hữu đất đai nói riêng trong Hiến pháp 1959, khá bất ngờ, vẫn còn được ghi nhận.

Tại Điều 14 của bản Hiến pháp này, chính quyền VNDCCH vẫn ghi nhận khá rõ là “nhà nước chiếu theo pháp luật bảo hộ quyền sở hữu về ruộng đất và các tư liệu sản xuất khác của nông dân”. Khi nhìn tổng quan các quy định, đúng là Hiến pháp 1959 cho phép đến bốn hình thức sở hữu chủ yếu về tư liệu sản xuất: sở hữu toàn dân, sở hữu hợp tác xã, sở hữu của những người lao động riêng lẻ và sở hữu của nhà tư sản dân tộc.

Tuy nhiên, một lần nữa, ngôn ngữ của các văn bản hiến pháp Việt Nam thường không có giá trị lắm trong việc hướng dẫn thực hiện các vấn đề pháp lý về quyền sở hữu. Ý chí chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn vượt trội so với hiến pháp.

Một ví dụ dễ thấy và dễ hiểu nhất là trong giai đoạn này, theo tổng kết của Đảng Cộng sản Việt Nam vào năm 1986, ruộng đất nói chung thuộc quyền sở hữu của người dân, nhưng họ vẫn bị buộc phải

tham gia vào các hợp tác xã nhà nước. Trên cơ sở đó, chính quyền đưa toàn bộ đất đai do xã viên sở hữu vào hợp tác xã và từ đó thống nhất sử dụng. [10] Xã viên chỉ được thực dùng diện tích đất không quá 5% diện tích bình quân của mỗi người để trồng rau, trồng cây ăn quả, chăn nuôi, với mục tiêu được cho là tận dụng vốn lao động của người dân lúc nhàn rỗi.

Hoạt động nghiên cứu bên trong Việt Nam có xu hướng tránh né việc nói quá nhiều về quyền sở hữu đất đai, hay thậm chí là quyền khai thác, sử dụng đất đai ở giai đoạn này. Một số còn cố gắng mô tả đời sống kinh tế nông dân (mà đặc biệt là miền Nam Việt Nam) cải thiện so với trước 1975.

Song có thể nói rằng, khi mà kịch bản chính trị về đất đai của Đảng Cộng sản Việt Nam được thể hiện vào hiến pháp, thực tiễn nhanh chóng chỉ ra tính duy ý chí của những tham vọng này.

Để có nền tảng so sánh công bằng, một số bài viết trước đây của người viết trên Luật Khoa (như bài “Ba hiểu lầm phổ biến về tình hình đất đai và đời sống nông dân thời Việt Nam Cộng hòa”) đã phân tích khá rõ những thành tựu mà chính sách “Người cày có ruộng” của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu đạt được. Những bài viết này cũng tổng hợp rất nhiều số liệu khả tín.

Cho đến năm 1973, cùng lúc với thời điểm Hoa Kỳ rút quân lực chính quy khỏi Việt Nam, 2,7 triệu mẫu đất đã được phân phối cho hơn 800.000 hộ tá điền. Chế độ sản xuất nông nghiệp tá điền hoàn toàn được loại bỏ.

Đến năm 1975, chỉ tính tại vùng đồng bằng sông Cửu Long, 70% dân số nông thôn đã thuộc nhóm thu nhập trung bình, sở hữu hơn 80% đất và hơn 60% nông cụ (bao gồm cả các loại nông cụ hiện đại như máy cày, máy tuốt lúa). [11]

Chính vì hệ thống sở hữu tư nhân đất đai và tư liệu sản xuất nông nghiệp phát triển rộng khắp sau các cải cách của ông Thiệu (thậm chí có thể gọi đó là bình quân chủ nghĩa), nên mô hình quản lý đất đai không ai có quyền tư hữu đất, sở hữu toàn dân và



Ngày 26/3/1970, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu cho ban hành luật Người Cày Có Ruộng (NCCR) và lấy ngày này làm Ngày Nông Dân. Nguồn: ongvo.wordpress.com.

Đây rõ ràng không phải là quyền sở hữu đất đai mà bất kỳ hệ thống pháp luật minh bạch nào muốn nói đến khi họ sử dụng thuật ngữ này.

Như vậy, một lần nữa thói quen vi hiến trong việc giải thích và thực hiện quyền sở hữu đất đai được bộc lộ trong cơ chế quản lý của nhà nước VNDCCH.

Đến Hiến pháp 1980, diễn ngôn và mong muốn chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam chính thức đồng nhất với các quy định của Hiến pháp.

Quyền sở hữu tư nhân chính thức bị loại khỏi nhóm quyền cơ bản của công dân. Các giao dịch dân sự cơ bản thời điểm đó như mua bán hoa tiêu, hoa lợi sản xuất được từ đất đai, v.v. đều bị xem là vi phạm pháp luật.

sản xuất hợp tác xã du nhập cưỡng bức từ phía Bắc vào bởi chính quyền mới không tạo ra bất kỳ động lực và hứng thú nào cho các nông dân miền Nam nói chung.

Trong khi đó, giới quản lý trung cấp miền Bắc, nay đã được chứng kiến thành tựu về quản lý đất đai của chính quyền Việt Nam Cộng hòa, dần đặt câu hỏi về hiệu quả của mô hình hợp tác xã đã tồn tại ở miền Bắc suốt hàng mấy thập niên. Và họ cũng dần đặt câu hỏi về tính đúng đắn của các chính sách sở hữu, sản xuất cũ ở miền Bắc.

Dù nói thế nào đi chăng nữa, đây là giai đoạn lịch sử chứng minh rõ ràng nhất hình thức sở hữu toàn dân và mô hình sản xuất hợp tác xã gây ra những hạn chế nghiêm trọng về năng lực sản xuất và ảnh hưởng đến sự phát triển xã hội gần như ở mọi phương diện.

Khi các xu hướng đổi mới, cải cách, thí điểm sản xuất tư nhân hóa dần nở rộ khắp đất nước, chúng bắt đầu biến thành lựa chọn bắt buộc dĩ của Đảng Cộng sản Việt Nam, đặc biệt là trong bối cảnh chính trị thế giới thay đổi với sự suy yếu rõ rệt của khối xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, diễn ngôn sở hữu đất đai toàn dân vẫn không bị xem xét lại. Ví dụ, Luật Đất đai năm 1987 vẫn khẳng định: “Đất đai thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước thống nhất quản lý”.

Với hai bản Hiến pháp 1992 và Hiến pháp 2013, mà tương ứng là Luật Đất đai 2003 và Luật Đất đai 2013, dù có rất nhiều điểm thay đổi nhưng tinh thần “đất đai thuộc sở hữu toàn dân, do nhà nước thống nhất quản lý” tiếp tục được duy trì.

Song vì sao thị trường nhà đất Việt Nam lại sôi động đến như vậy, khi mà chúng ta không thật sự sở hữu đất đai tại Việt Nam?

DIỄN GIẢI HAI CHIỀU VẤN ĐỀ TƯ HỮU ĐỐI VỚI ĐẤT ĐAI TẠI VIỆT NAM

Như bài viết đã chỉ ra, thói quen hiến pháp quy định cứ quy định, chúng ta làm gì cứ làm đã là một phần căn tính của giới chính trị Việt Nam.

Cho đến hiện nay, có thể nói quyền sở hữu đất đai tại Việt Nam là một phiên bản sở hữu đất đai lai tạp với các tính chất của quyền tư hữu đất đai được công nhận ở gần như mọi mặt - lý do chủ yếu khiến cho người dân cảm thấy khá thoải mái trong việc tiếp tục đổ tiền vào lĩnh vực bất động sản. Tuy nhiên, kèm theo đó là một điều khoản để cố tình lập lờ quyền này từ phía nhà nước - chỉ dấu của “sở hữu toàn dân”.

Theo pháp luật về đất đai, công dân được quyền sử dụng đất tư nhân; được quyền nhận hoa lợi và lợi ích phát sinh từ đất; được quyền chuyển nhượng quyền sử dụng và tài sản trên đất; được quyền sử dụng đất ổn định và lâu dài đối với đất và tài sản trên đất có tính cá nhân; được quyền sử dụng đất đang thuộc quyền cá nhân cho các hoạt động dịch vụ, thương mại, sản xuất khác (hiển nhiên nếu quy hoạch cho phép).

Khách quan mà nói, tất cả những nhóm quyền kể trên cho chúng ta một phạm vi khai thác tài sản đất đai không khác mấy với hầu hết các quốc gia.

Bạn có quyền sử dụng và khai thác mảnh đất mình đang sử dụng.

Bạn được quyền bán quyền sử dụng đất ra thị trường với giá hời.

Bạn được quyền để lại thừa kế quyền sử dụng đất của mình cho con cái.

Nếu chúng ta đang nói về nhà ở và đất ở, hoặc đất nông nghiệp cá nhân, quyền sử

dụng đất được ghi nhận là ổn định và lâu dài. Chúng gần như hình thành nên quyền sở hữu thực tế của bạn và gia đình bạn đối với mảnh đất đó.

Vậy thì còn gì để than phiền và bàn cãi?

Tương tự như cái cách mà nhà nước cưỡng chế và tái phân phối 81 vạn ha ruộng đất trong giai đoạn Cải cách Ruộng đất, diễn



Vợ và con của Đặng Văn Hiến chụp cùng bố mẹ, anh chị em của anh. Chị Mai Thị Khuyên bế con trai 5 tuổi, Đặng Thị Nhung (áo xanh, hàng thứ hai), ông Đặng Văn Lợi – cha của Hiến (ngoài cùng, bên phải). Ảnh: Thịnh Nguyễn.

ngôn “sở hữu toàn dân, do nhà nước thống nhất quản lý” có sức mạnh của nó: bạn luôn trong tình trạng có thể mất toàn bộ quyền “sử dụng” đất của mình cùng tất cả những tài sản, công sức và đầu tư của mình trên mảnh đất chỉ với một tờ giấy - quyết định thu hồi quyền sử dụng đất. Và tệ hơn, với một cái giá rẻ mạt.

Nếu đất mà bạn sử dụng là đất nông nghiệp?

Hãy sẵn sàng tâm thế rằng thứ tài sản nuôi sống cả đời bạn và thậm chí đời con cháu của bạn có thể được mua với mức giá tối thiểu 20.000 đồng/ m2. Đó là con số mà một số khu vực ruộng lúa của gia đình người viết từng bị thu hồi vào năm 2006. Và giá cả nhà nước có vẻ vẫn không tăng lên bao nhiêu sau gần 20 năm.

Vì một lý do đơn giản này mà tranh chấp - khiếu kiện đất đai trở thành loại tranh chấp và khiếu kiện phổ biến nhất, dai

dẳng nhất, và dễ dẫn đến chết người nhất ở Việt Nam.

Bạn có thể đã từng nghe về Đoàn Văn Vươn, Đặng Văn Hiến hay vụ Đồng Tâm. [12] Vài ba vụ xung đột nghe có vẻ không quá nặng nề hay đặc biệt, nước nào cũng có những vụ việc tương tự. Nhưng chúng ta cần nhận ra rằng ở Việt Nam đó chỉ là phần nổi của một tảng băng chìm với hằng hà sa số những tranh chấp uất ức khác. Chúng ta ít biết đến chúng vì chúng không dẫn đến thiệt hại về mạng người mà thôi.



Vợ của Lê Đình Kinh, Lê Đình Công và Lê Đình Chúc, cùng các phiên tòa xét xử các bị cáo trong vụ Đồng Tâm. Đồ họa: Luật Khoa.

Cho đến tận năm 2022, các báo cáo của Quốc hội cho thấy chính quyền trung ương lẫn địa phương vẫn còn loay hoay tìm lời giải cho các tranh chấp đất đai mà nguồn gốc sâu xa luôn luôn đến từ khái niệm thu hồi quyền sử dụng đất. [13]

Mục tiêu xây dựng chế định sở hữu toàn dân đối với đất đai, về cơ bản, là nhằm thu hồi đất nhanh chóng, dễ dàng, áp đặt giá và sử dụng mệnh lệnh hành chính dưới lá cờ phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

Mục tiêu này thậm chí được thừa nhận rất rõ ràng trong chính sách chung của Đảng Cộng sản Việt Nam, quan điểm của chính phủ, cũng như các nghiên cứu nhà nước khác. [14]

Lấy ví dụ, trong nghiên cứu “Chế độ sở hữu toàn dân về đất đai do Nhà nước đại diện chủ sở hữu ở Việt Nam” được đăng tải trên tạp chí Tuyên giáo (tạp chí của Ban Tuyên giáo Trung ương), tác giả Vũ Văn Phúc thậm chí than thở rằng: “Mặc dù đất đai là sở hữu toàn dân, Nhà nước rất khó khăn để thu hồi đất phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội [...]” [15]

Nhưng ai là nhà nước? Và có phải mọi quyết định thu hồi đất đai để “phát triển kinh tế - xã hội” là luôn đúng và công bằng hay không?

Mới đây, việc hàng loạt địa phương thu hồi vài chục dự án bất động sản trị giá hàng nghìn tỷ đồng của Tập đoàn FLC gắn với tên tuổi Trịnh Văn Quyết cho thấy các quyết định thu hồi đất và các dự án phát triển kinh tế - xã hội địa phương (lẫn trung ương) không phải bao giờ cũng “trong sạch, vững mạnh”, luôn vì lợi ích công như các nhà lãnh đạo tuyên bố. [16]

Về tinh thần, có thể thấy vấn đề pháp lý liên quan đến sở hữu đất đai tại Việt Nam quay trở lại vị trí xuất phát hồi những năm 1950. Người dân vẫn sở hữu (dưới hình thức quyền sử dụng đất), vẫn thực hiện quyền của họ đối với đất, nhưng tâng đá quyền lực nhà nước “thống nhất quản lý” luôn treo lơ lửng và có thể rớt xuống họ một cách tùy tiện bất kỳ lúc nào.

Nhưng nói như vậy không có nghĩa là người viết phủ nhận hoàn toàn chế độ sở hữu đất đai toàn dân hiện nay tại Việt Nam.

Một điểm sáng cần được công nhận của chính sách này là tránh được hiện tượng tích tụ đất đai tuyệt đối ở một số nhóm tài phiệt, tư bản.

Vingroup, dù được xem là ông trùm bất động sản Việt Nam, thật ra lại không sở hữu bất kỳ mảnh đất nào mà họ đang khai

thác thương mại. Hầu hết các mảnh đất mà họ tiến hành xây dựng căn hộ, biệt thự bán lại đều là đất thuê/ đất được giao có thời hạn từ 50 năm đến 70 năm. Dù cá nhân mua lại sản phẩm bất động sản từ doanh nghiệp này có quyền sử dụng đất và tài sản trên đất ổn định, lâu dài, nhưng đối với Vingroup, họ chưa bao giờ thật sự có quyền tuyệt đối hay thực chất liên quan đến vấn đề quyền tài sản trên những mảnh đất này.

Ví dụ, Khoản 2 và 3, Điều 49 Nghị định 43/2014/NĐ-CP quy định việc phân quyền sử dụng, sở hữu những công trình, diện tích đất có trong khu nhà chung cư như sau:

“Quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất được dùng để xây dựng khối nhà chung cư, văn phòng làm việc, cơ sở thương mại, dịch vụ trong nhà chung cư, làm sân, trồng hoa, cây xanh xung quanh nhà và đất xây dựng các công trình hạ tầng bên ngoài nhà chung cư nhưng để phục vụ trực tiếp cho nhà chung cư là quyền sử dụng đất chung theo phần không thể phân chia của chủ sở hữu căn hộ chung cư/ chủ sở hữu văn phòng làm việc, cơ sở thương mại, dịch vụ trong nhà chung cư.”

Đây là một lợi thế rất lớn so với cơ chế sở hữu đất đai tư nhân tại phương Tây mà ít người Việt Nam nhận ra, nhưng muốn làm rõ, có lẽ chúng ta cần phải có thời gian và không gian trong một bài viết khác.

Về mặt lý thuyết, hệ thống sở hữu này tạo cơ hội cho các chính quyền tương lai, nếu nhận thấy bất bình đẳng đất đai tăng quá cao và không thể điều hòa giữa các nhóm tài phiệt, những nhà đầu cơ so với đại chúng, có thể can thiệp và thay đổi cơ cấu chiếm hữu và sử dụng đất.

Song đáng tiếc là với cơ chế này, hiện nay chính quyền Việt Nam đang để các nhà đầu tư tích tụ tư bản thông qua lợi nhuận đất đai nhiều hơn là bảo vệ quyền lợi của đại chúng. □



CỘNG TÁC VỚI LÚẬT KHOA

Chúng tôi luôn mong chờ bài viết cộng tác của bạn.

Cùng là những người viết, chúng tôi trân trọng nỗ lực của bạn với con chữ và luôn dành mức nhuận bút cao nhất có thể cho mỗi tác phẩm của bạn.

Gửi bài cho Luật Khoa tại:
luatkhoa.org/guibai

PHONG TRÀO LẬP HIẾN 2013

MỘT LỊCH SỬ NGẮN

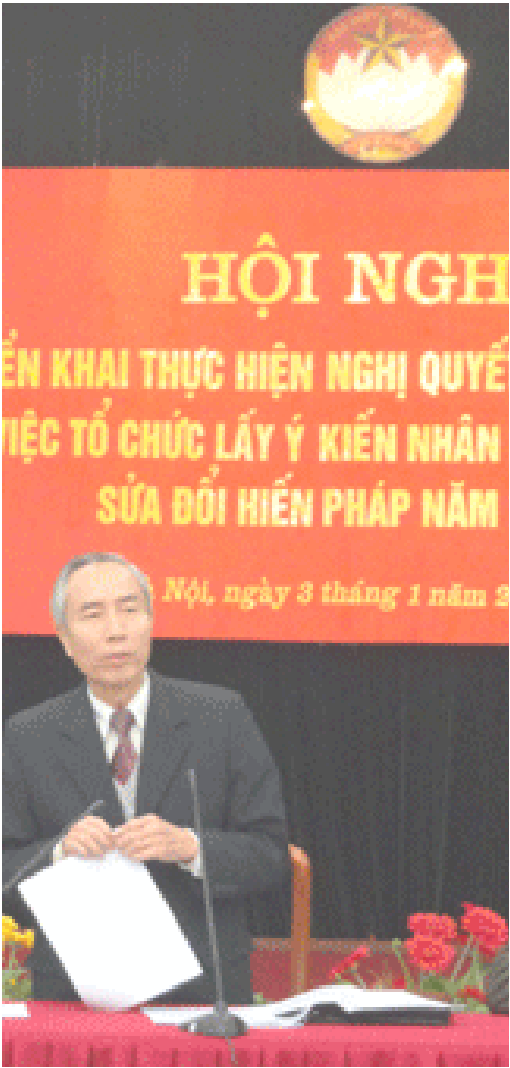
Tranh minh họa: Luật Khoa.

Đội ngũ Luật Khoa



Phong trào Lập hiến 2013 là một hiện tượng hiếm hoi trong lịch sử Việt Nam với việc người dân tham gia tích cực vào quá trình sửa đổi Hiến pháp 1992. Phong trào này gồm các hoạt động của các cá nhân hoặc hội nhóm độc lập, không theo sự điều phối hay chỉ phối của chính quyền. Những cá nhân, tổ chức tham gia các hoạt động góp ý do chính quyền tổ chức không được tính vào phong trào này.

Luật Khoa có tham khảo bài viết “Lược sử cuộc sửa đổi Hiến pháp Việt Nam 1992” của nhà báo Phạm Doan Trang để viết bài này. [1]



Ông Huỳnh Đàm, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, phát biểu ý kiến tại hội nghị.
Nguồn: cn.dangcongsan.vn.

6/8/2011

Quốc hội thông qua Nghị quyết số 06/2011/QH13 về việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992 và thành lập Ủy ban Dự thảo Sửa đổi Hiến pháp năm 1992. [2]

23/11/2012

Quốc hội thông qua Nghị quyết số 38/2012/QH13 về việc tổ chức lấy ý kiến nhân dân về Dự thảo Sửa đổi Hiến pháp năm 1992, ấn định thời hạn lấy ý kiến từ ngày 2/1/2013 tới ngày 31/3/2013. [3] Toàn văn dự thảo cũng được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng. [4]

19/1/2013

Nhóm 72 trí thức ký và công bố “Kiến nghị về sửa đổi Hiến pháp 1992”, [5] về sau được gọi tắt là Kiến nghị 72. Nhóm 72 người khởi xướng có một số đại diện tiêu biểu như Nguyễn Đình Lộc (cựu bộ trưởng tư pháp), Nguyễn Quang A (nhà hoạt động), Phạm Chi Lan (chuyên gia kinh tế).

Kiến nghị này đề xuất sửa đổi Hiến pháp theo hướng tôn trọng nhân quyền, tam quyền phân lập, phi chính trị hóa quân đội, khôi phục sở hữu tư nhân về đất đai, khôi phục quyền phúc quyết hiến pháp của toàn dân, và kéo dài thời hạn lấy ý kiến tới hết năm 2013.

Kèm theo bản kiến nghị, nhóm khởi xướng cũng đề xuất một bản dự thảo hiến pháp để thảo luận. Bản dự thảo hiến pháp này được thiết kế theo hướng bãi bỏ chế độ độc tài, xây dựng chế độ dân chủ theo mô hình tổng thống chế, Quốc hội lưỡng viện, có tòa án hiến pháp và các cơ quan độc lập nằm bên trong chính quyền, đồng thời lập Hội đồng Hòa giải Dân tộc để khắc phục những sai lầm trong quá khứ.

- 1/2 Nhóm Cùng viết Hiến pháp ra mắt công chúng với website hienphap.wordpress.com. Nhóm khởi xướng gồm Ngô Bảo Châu (giáo sư toán - Đại học Chicago), Đàm Thanh Sơn (giáo sư vật lý - Đại học Chicago) và Nguyễn Anh Tuấn (cựu tổng biên tập VietNamNet). Nhóm có chủ trương “tạo ra một không gian đối thoại dân chủ về việc sửa đổi Hiến pháp, và sẽ được duy trì ít nhất đến ngày 31/03/2013 để phục vụ việc đóng góp ý kiến vào bản dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992”.
- 4/2 Một phái đoàn gồm 15 người ký kiến nghị đến Văn phòng Quốc hội tại 37 Hùng Vương, Hà Nội, để trao bản Kiến nghị 72 cho Ủy ban Dự thảo Sửa đổi Hiến pháp năm 1992.
- 7/2 Ủy ban Dự thảo gửi công văn cho ông Nguyễn Đình Lộc - trưởng phái đoàn trao kiến nghị - phản hồi Nhóm Kiến nghị 72, bác bỏ kiến nghị công bố bản Kiến nghị 72 và bác bỏ yêu cầu kéo dài thời hạn góp ý Hiến pháp. [6]
- 18/2 Nhóm Kiến nghị 72 ra thông báo nêu quan điểm về công văn của Ủy ban Dự thảo, nói:

Giao diện trang Cùng viết Hiến pháp.
Nguồn: hienphap.wordpress.com.



“Chúng tôi đề nghị Ủy ban tôn trọng và đưa ra công khai một cách trung thực các kiến nghị về sửa đổi Hiến pháp, kể cả những ý kiến khác với dự thảo của Ủy ban, để nhân dân bàn bạc, tranh luận; đó là điều kiện nhất thiết phải có để đi tới tổ chức trưng cầu ý dân nhằm xây dựng một bản Hiến pháp đúng là của nhân dân Việt Nam.” [7]

21/2 Nhóm chín sinh viên và cựu sinh viên Đại học Luật Hà Nội công bố “Kiến nghị về việc sửa đổi Hiến pháp 1992”, trong đó đề nghị “bãi bỏ thời hạn góp ý sửa đổi Hiến pháp” và “ghi nhận và tổ chức để nhân dân thực hiện quyền phúc quyết Hiến pháp”.

25/2 Đài Truyền hình Việt Nam phát sóng bài phát biểu của ông Nguyễn Phú Trọng - Tổng bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam: *“Vừa rồi đã có các luồng ý kiến, cũng có thể quy vào được là suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống”, “Xem ai có tư tưởng muốn bỏ Điều 4 Hiến pháp không? Phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng không? Muốn đa nguyên đa đảng không? Có tam quyền phân lập không? Có phi chính trị hóa quân đội không? Người ta đang có những quan điểm đấy,*

đưa cả lên phương tiện thông tin đại chúng đấy. Thế là suy thoái chứ còn gì nữa. Tham gia khiếu kiện, biểu tình, ký đơn tập thể, thì nó là cái gì? Nên phải quan tâm xử lý những điều đó.” [8]



Các thành viên của nhóm Kiến nghị 72. Nguồn: Bauxite Vietnam.

26/2

Nhà báo Nguyễn Đắc Kiên - báo Gia đình và Xã hội - đăng lên mạng bài viết “Vài lời với TBT ĐCS VN Nguyễn Phú Trọng”, phê phán phát biểu của ông Trọng, đồng thời kêu gọi bỏ Điều 4 Hiến pháp, tổ chức Hội nghị Lập hiến, tam quyền phân lập, phân quyền cho địa phương, và phi chính trị hóa quân đội. [9]

26/2

Báo Gia đình và Xã hội thông báo ông Nguyễn Đắc Kiên “không còn tư cách là phóng viên Báo Gia đình & Xã hội” do “vi phạm Quy chế hoạt động của Báo và Hợp đồng lao động”. [10]

28/2

35 cá nhân đã ký và khởi xướng “Lời tuyên bố công dân tự do” nhằm “sát cánh bên Nhà báo Nguyễn Đắc Kiên”. Lời tuyên bố lặp lại lời kêu gọi của ông Kiên và kêu gọi công chúng ký tên hưởng ứng. [11] Trong số những người ký tên khởi xướng có blogger Nguyễn Hoàng Vi, blogger Trịnh Kim Tiến, nhà báo Huy Đức, nhà thơ Đỗ Trung Quân. Tới ngày 29/3, đã có 8.600 người ký tên ủng hộ.

1/3

Hội đồng Giám mục Việt Nam công bố bản nhận định và góp ý sửa đổi Hiến pháp, trong đó kêu gọi

tôn trọng nhân quyền, bãi bỏ quyền lãnh đạo đương nhiên của bất kỳ đảng phái nào, xây dựng chính quyền tam quyền phân lập, công nhận sở hữu tư nhân về đất đai, v.v. Đặc biệt, Hội đồng kêu gọi tôn trọng quyền sống của con người “từ khi thành thai đến khi chết”. [12]

Đầu tháng 3/2013 Nhiều người phản ánh việc bị công an, chính quyền sách nhiễu sau khi ký Kiến nghị 72. Truyền thông nhà nước bắt đầu tấn công các nhóm kiến nghị độc lập.

6/3 Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Sinh Hùng ký công thư về việc kéo dài thời hạn góp ý sửa đổi Hiến pháp tới ngày 30/9/2013. [13]

8/3 Trang anhbasam.wordpress.com bị tấn công cướp quyền quản trị. Các trang dự phòng sau đó cũng tiếp tục bị tấn công. [14] Đây là một trong những trang tin độc lập phổ biến nhất vào thời điểm đó, thường xuyên đưa tin về việc sửa đổi Hiến pháp.

22/3 Đài Truyền hình Việt Nam phát sóng cuộc phỏng vấn ông Nguyễn Đình Lộc - cựu bộ trưởng tư pháp, một trong 72 người ký tên vào Kiến nghị 72. Trong đó, ông Lộc nói: *“Vì tôi là nguyên Bộ trưởng Bộ Tư pháp, cho nên các đồng chí, các bạn ấy có vẻ tín nhiệm giao việc trao đổi, chứ còn tôi không tham gia vào việc xây dựng cái tờ văn bản ấy”, “Phải nói rằng... nói là trường đoàn thì có vẻ như to lắm, nhưng thật ra thì đến đây mới được lên trường đoàn, đến lúc trao thì mới được lên trường đoàn”, “Còn trước đó thì thật ra những cái bản ấy tôi không tham gia. Tôi không tham gia.”* [15]

30/3 Nhóm Cùng viết Hiến pháp ký một văn bản có tên “Một số ý kiến về việc sửa đổi Hiến pháp”, đề nghị công nhận sở hữu tư nhân về đất đai, bầu trực tiếp chủ tịch ủy ban nhân dân từ cấp quận/ huyện trở xuống, giữ Điều 4 về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam nhưng có sửa đổi, trao quyền tài phán hiến pháp cho Hội đồng Hiến pháp cũng như quy định rõ chức năng, cơ cấu của cơ quan này, v.v. [16]

31/3

Nhóm Cùng viết Hiến pháp ký một văn bản có tên “Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số quy định của Dự thảo Hiến pháp sửa đổi năm 2013”, trong đó nêu cụ thể quan điểm nên bỏ, sửa đổi một số điều trong bản Dự thảo Hiến pháp đang được lấy ý kiến hoặc giữ nguyên như Hiến pháp 1992. [17]

2/4

Nhóm soạn thảo và ký tên vào Kiến nghị 72 ra thông cáo, nói: *“Dùng bạo lực và những thủ đoạn không chính đáng để duy trì chế độ toàn trị, củng cố ý chí của nhân dân sẽ gây nguy hại lớn cho đất nước, cho dân tộc và cho cả ĐCSVN.”* [18]

Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Sinh Hùng, Chủ tịch Ủy ban Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992, chủ trì và phát biểu khai mạc Phiên họp lần thứ 8 của Ủy ban. Nguồn: baochinhpvu.vn.





HIẾN PHÁP NƯỚC
QUỐC HỘI KHÓA XIII

Hà

13/4 Nhóm Công dân Tự do ra tuyên bố “Quyền lập hiến phải thuộc về nhân dân”, kêu gọi người dân tiếp tục thực hiện quyền lập hiến bất chấp các hoạt động sách nhiễu, đe dọa của chính quyền. [19]

Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Sinh Hùng ký chứng thực Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
Nguồn: baochinhpvu.vn.

16/4 Nhóm 15 người đã trao Kiến nghị 72 ký vào thư gửi cho các đại biểu Quốc hội nhằm kêu gọi sự ủng hộ. [20]

17/5 Ủy ban Dự thảo trình Quốc hội dự thảo mới sau quá trình lấy ý kiến nhân dân, kèm theo văn bản giải trình. [21] [22]

3/6 40 người soạn thảo và ký tên vào Kiến nghị 72 gửi văn bản có tên “Phản đối Dự thảo sửa đổi Hiến pháp trình Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 5”, nhằm phản đối nội dung của bản dự thảo ngày 17/5/2013 của Ủy ban Sửa đổi Hiến pháp. [23]

22/10 Ủy ban Dự thảo trình Quốc hội dự thảo mới sau khi hết thời hạn nhận ý kiến góp ý ngày 30/9. [24]

15/11 Nhóm Kiến nghị 72, với chữ ký của 164 người, gửi thư cho Quốc hội kêu gọi dừng việc thông qua hiến pháp tại kỳ họp diễn ra cùng tháng. Thư nêu: “Chúng tôi khẩn thiết kêu gọi các đại biểu Quốc hội khóa XIII, với tất cả lương tri và

ý thức trách nhiệm của những người có danh nghĩa đại diện cho nhân dân, hãy nhìn thẳng vào thực trạng đất nước, lắng nghe những ý kiến tâm huyết đóng góp xây dựng hiến pháp, để có đủ dũng khí quyết định dừng việc thông qua Dự thảo hiến pháp sửa đổi và trả lại quyền lập hiến cho nhân dân.” Cũng tại bức thư này, nhóm Kiến nghị 72 cho biết đã có gần 15.000 chữ ký ủng hộ Kiến nghị.

28/11

Quốc hội thông qua Hiến pháp 2013. Các kiến nghị độc lập về cơ bản không được tiếp thu. □

Mọi sáng kiến lập hiến đều bình đẳng



Trịnh Hữu Long

Thời nay, người ta nhớ đến một sáng kiến lập hiến từ cả trăm năm trước của “Nguyễn Ái Quốc”, nhưng gần như không biết gì về những ý tưởng lập hiến mới gần đây.

Nguyễn Ái Quốc là bút danh chung của một nhóm nhà hoạt động An Nam ở Paris vào cuối thập niên 1910. Năm 1919, nhóm này đã gửi cho Hội nghị Versailles một kiến nghị thư có tên “Yêu sách của nhân dân An Nam”, hay còn được gọi là “Yêu sách 8 điểm”, với nội dung đòi quyền tự do cho người dân Việt Nam và thiết lập một nền pháp quyền. [1] Ngày nay, người ta sẽ gọi những người như vậy là “phản động”.

Đó có thể được coi là một sáng kiến lập hiến trong bối cảnh thuộc địa, tiếp nối những nỗ lực truyền bá chủ nghĩa lập hiến của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh. Lý do nó được biết đến thì cũng dễ hiểu, chắc người Việt Nam nào cũng hiểu.

Đến thập niên 2010, tức là trên dưới một trăm năm sau, các sáng kiến lập hiến, dự án lập hiến lại nở rộ ở một trình độ cao hơn nhiều. Dĩ nhiên, trong hơn một trăm năm đó, lịch sử lập hiến Việt Nam đã chứng kiến nhiều thời kỳ sôi động hơn nhiều, và thậm chí ở một khía cạnh nào đó còn chất lượng hơn nhiều. Bài viết này sẽ tập trung vào những sáng kiến lập hiến đáng lẽ ra nên được bàn luận công khai, rộng rãi ngay lúc này bởi nội dung của chúng đều hướng tới việc cải cách hiến pháp đương thời của nước ta. Rất tiếc, vì nạn kiểm duyệt, chúng không những không được thảo luận và lắng nghe, mà còn bị quy cho là “phản động” và sau cùng không được mấy ai để mắt tới nữa.

Bài viết lần lượt trình bày năm dự án tính theo thời điểm chúng được công bố.

01.

BẢN ĐỀ XUẤT KHUNG SOẠN THẢO HIẾN PHÁP CỦA ĐẢNG DÂN CHỦ VIỆT NAM (2010)

Trong hai thập niên đầu từ khi khối xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ, không khí chính trị Việt Nam luôn tồn tại một niềm hy vọng mơ hồ: Việt Nam sẽ nổi gót và bắt đầu dân chủ hóa, dù sớm hay muộn. Ở một góc vĩa hè nào đó, bên ly trà đá, có những người sẽ nhỏ to thì thầm với nhau “2000 là muộn nhất”, rồi khi năm 2000 qua đi thì hy vọng lại được đặt vào năm 2010.

Bản đề xuất khung soạn thảo hiến pháp của Đảng Dân chủ Việt Nam ra đời năm 2010 giữa không khí chính trị vừa bế tắc, vừa có một niềm hy vọng mơ hồ như vậy trong một bộ phận công chúng.

Xin lưu ý đây không phải là Đảng Dân chủ từng tồn tại hợp pháp ở Việt Nam từ năm 1988 đổ về trước, mà là Đảng Dân chủ được ông Hoàng Minh Chính - cựu tổng thư ký của đảng này trước năm 1988 - phục hoạt năm 2006 và gọi chính thức là Đảng Dân chủ Việt Nam thế kỷ XXI. [2] Dĩ nhiên, họ không được chính quyền công nhận là một đảng hợp pháp ở Việt Nam.

Bản đề xuất của Đảng Dân chủ Việt Nam gồm hai phần:

- Phần 1: Tại sao Việt Nam cần sửa đổi căn bản và toàn diện hiến pháp? [3]
- Phần 2: Bản đề xuất khung soạn thảo hiến pháp của toàn dân. [4]

Một số điểm đáng chú ý trong bản đề xuất:

- Quốc hội lưỡng viện: Hạ viện và Thượng viện.
- Hành pháp gồm chủ tịch nước do Thượng viện bầu ra và thủ tướng do Hạ viện bầu ra.
- Thẩm phán Tòa án Tối cao và Tòa án Hiến pháp do chủ tịch nước bổ nhiệm với sự phê chuẩn của Thượng viện. Thẩm phán hưởng nhiệm kỳ trọn đời cho tới tuổi 65. Tòa án Hiến pháp có bảy thẩm phán.
- Chủ tịch tỉnh do cử tri bầu trực tiếp hoặc do hội đồng tỉnh bầu ra.
- Bãi bỏ hội đồng nhân dân cấp huyện, xã.
- Bầu trực tiếp chủ tịch xã.

02.

DỰ THẢO HIẾN PHÁP CỦA NHÓM KIẾN NGHỊ 72 (2013)

Năm 2013 có đến hai việc hệ trọng gắn với số 72: Nghị định 72 và Kiến nghị 72. Nghị định 72 là văn bản pháp luật thuộc loại quan trọng nhất và có tuổi thọ kéo dài tới tận ngày nay, góp phần đặt nền tảng cho việc hình thành cả một bộ máy kiểm soát Internet ở nước ta. Còn Kiến nghị 72 thì đi vào lịch sử như là dự án lập hiến được chú ý và ủng hộ nhiều nhất kể từ sau 1975 đến nay. [5]

Kiến nghị 72 được công bố ngày 19/1/2013 trong quá trình sửa đổi Hiến pháp 1992. Đến tháng 11 cùng năm, khi Quốc hội thông qua Hiến pháp 2013, bản kiến nghị này đã có tới 15.000 chữ ký ủng hộ, dù dĩ nhiên nó không được chính quyền tiếp thu.

Trong số 72 người ký tên đầu tiên vào bản kiến nghị này, hầu hết là những người từng làm việc trong chính quyền, thậm chí lên tới cả chức bộ trưởng như ông Nguyễn Đình Lộc (cựu bộ trưởng tư pháp). Ngoài ra còn có cựu thứ trưởng Chu Hào, cựu đại biểu Quốc hội Nguyễn Minh Thuyết, một số cựu thành viên trong Ban nghiên cứu của

Thủ tướng Võ Văn Kiệt và Phan Văn Khải. Cùng với đó là nhiều nhà văn, nhà giáo, nhà báo, nhà nghiên cứu, doanh nhân như Nguyễn Quang A, Nguyễn Ngọc, Võ Thị Hào. Có rất ít người là nữ và hầu hết là người cao tuổi.

Giáo sư Bùi Ngọc Sơn gọi cách tiếp cận của nhóm Kiến nghị 72 là thực tiễn và thực dụng (realistic pragmatism), [6] với các tính chất: sử dụng diễn đàn lập hiến chính thống do chính quyền khởi xướng, duy trì đối thoại với chính quyền, tránh các hành vi bị coi là bất hợp pháp như thành lập tổ chức chính trị và biểu tình, có mối liên hệ cá nhân với chính quyền (thông qua các cựu quan chức chẳng hạn), kết hợp tư tưởng dân chủ và tư tưởng dân tộc, và cuối cùng, họ ý thức được giới hạn của kiến nghị này và không kỳ vọng chính quyền sẽ chấp nhận.

Bản kiến nghị gồm hai phần:

- Kiến nghị bảy điều liên quan tới việc sửa đổi Hiến pháp 1992.
- Dự thảo Hiến pháp dùng để tham khảo và thảo luận.

Một số điểm đáng chú ý trong bản Dự thảo Hiến pháp của nhóm Kiến nghị 72:

- Đặt tên nước là Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
- Hiến định hóa quyền thành lập đảng phái và chính trị đối lập.
- Công chức, quân đội, cảnh sát phải trung lập về chính trị.
- Quốc hội lưỡng viện: Hạ viện và Thượng viện.
- Hành pháp do tổng thống đứng đầu, có nhiệm kỳ 5 năm. Tổng thống do cử tri bầu trực tiếp.
- Chánh án và các thẩm phán của Tòa án Tối cao do tổng thống bổ nhiệm với sự phê chuẩn của Quốc hội. Nhiệm kỳ của thẩm phán có giới hạn.
- Tòa án Hiến pháp có 15 thẩm phán do Quốc hội bầu.
- Thành lập các cơ quan hiến định độc lập gồm Ngân hàng Trung ương, Kiểm toán Nhà nước, Ủy ban Bầu cử, Ủy ban Nhân quyền, và Hội đồng Hòa giải Dân tộc.
- Chính quyền địa phương có hội đồng và người đứng đầu cơ quan hành chính do cử tri trực tiếp bầu ra.
- Hiến pháp phải được cử tri phúc quyết.

Dự thảo Hiến pháp theo Kiến nghị 72 cũng có một điều khoản chuyển tiếp, hay trong tiếng Anh được gọi là “sunset provision”. [7] Điều khoản nêu rõ: “Trong vòng 2 năm sau khi Hiến pháp này có hiệu lực, pháp luật đang có hiệu lực vào thời điểm Hiến pháp được Quốc hội thông qua vẫn còn giá trị. Sau thời hạn 2 năm này, tất cả các quy định trái với Hiến pháp này đều trở nên vô hiệu, các quy định khác vẫn còn giá trị.”

Ngày 15/11/2013, nhóm Kiến nghị 72, với chữ ký của 164 người, gửi thư cho Quốc hội kêu gọi dừng việc thông qua dự thảo Hiến pháp 2013 tại kỳ họp diễn ra cùng tháng. Thư nêu: “Chúng tôi khẩn thiết kêu gọi các đại biểu Quốc hội khóa XIII, với tất cả lương tri và ý thức trách nhiệm của những người có danh nghĩa đại diện cho nhân dân, hãy nhìn thẳng vào thực trạng đất nước, lắng nghe những ý kiến tâm huyết đóng góp xây dựng hiến pháp, để có đủ dũng khí quyết định dừng việc thông qua Dự thảo hiến pháp sửa đổi và trả lại quyền lập hiến cho nhân dân.”

Lời kêu gọi của họ, sau cùng, không được Quốc hội tiếp thu.

03.

ĐỀ XUẤT CỦA NHÓM CÙNG VIẾT HIẾN PHÁP (2013)

Ra mắt công chúng ngày 2/1/2013, tức là ngày đầu tiên lấy ý kiến nhân dân về dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992, nhóm Cùng viết Hiến pháp là dự án lập hiến thuộc loại nổi bật nhất ở nước ta sau năm 1975.

Xuất hiện sau Kiến nghị 72 gần hai tuần, nhóm Cùng viết Hiến pháp do một nhóm trí thức nổi tiếng khác lập ra: giáo sư toán Ngô Bảo Châu, giáo sư vật lý Đàm Thanh Sơn, và cựu tổng biên tập VietNamNet Nguyễn Anh Tuấn. Ban biên tập của nhóm này cũng quy tụ nhiều thành viên là học giả, chuyên gia: Nguyễn Đăng Dung, Nguyễn Ái Cần, Vũ Công Giao (Khương Duy), Trần Kiên, Bùi Đức Lại, và Nguyễn Xuân Long.

Cách tiếp cận của nhóm Cùng viết Hiến pháp rất khác với nhóm Kiến nghị 72. Họ chọn trở thành một diễn đàn, thay vì một nhóm vận động. Diễn đàn của họ là website hienphap.wordpress.com, nơi đăng tải các ý kiến trái chiều về việc sửa đổi Hiến pháp. Hàng trăm bài viết đã được đăng tải cho tới ngày 5/12/2013.

Cùng viết Hiến pháp cũng khảo sát ý kiến độc giả trong một nghiên cứu định lượng, với khoảng 4.800 người tham gia và 3.400 người hoàn thành khảo sát. Kết quả khảo sát được công bố với gần 87% số người cho rằng không nên quy định sự

lãnh đạo của Đảng Cộng sản trong hiến pháp. [8]

Mặc dù đóng vai trò chính là một diễn đàn, nhóm Cùng viết Hiến pháp cũng có kiến nghị riêng của họ, với một số điểm đáng chú ý sau đây: [9]

- Cho rằng Điều 4 là không cần thiết nhưng là thực tế lịch sử, nếu bỏ “có thể dẫn đến những hậu quả chưa thể lường định đối với tiến trình phát triển trong ổn định của đất nước”.
- Công nhận sở hữu tư nhân đối với đất đai.
- Hội đồng Hiến pháp có quyền xem xét tính hợp hiến của các văn bản pháp luật, dự thảo văn bản pháp luật, và các hành vi công quyền. Hội đồng có chín thẩm phán; chủ tịch nước, thủ tướng và chánh án Tòa án Tối cao, mỗi người đề cử ba thẩm phán cho Quốc hội quyết định.
- Chủ tịch ủy ban nhân dân từ cấp quận, huyện trở xuống do

cử tri trực tiếp bầu ra.

Đặc biệt, bản đề xuất này có hai khoản có thể giải quyết được những rào cản lớn trong việc thực thi Hiến pháp:

“Việc liệt kê các quyền trong Hiến pháp không phủ nhận hoặc xem nhẹ các quyền con người, quyền công dân khác.”

“Các quyền hiến định có hiệu lực trực tiếp. Các cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước không được viện dẫn lý do chưa có luật liên quan để ngăn cấm hoặc từ chối thực hiện các quyền hiến định.”

Trong thư tạm biệt đề ngày 28/11/2013, tức ngày thông qua Hiến pháp 2013, nhóm viết: “Hiến pháp sửa đổi mà Quốc hội thông qua ngày 28/11/2013 khác hẳn với những đề xuất của chúng tôi và đa số ý kiến bạn đọc.” [10]

04.

ĐỀ XUẤT CỦA TẬP HỢP DÂN CHỦ ĐA NGUYÊN (2015)

Tập hợp Dân chủ Đa nguyên là một tổ chức chính trị có thâm niên hoạt động bậc nhất trong các tổ chức ở hải ngoại, với cơ sở thành viên chính là ở châu Âu. [11] Tổ chức hoạt động từ năm 1982 và thường xuất bản các ấn phẩm bàn luận và đề xuất các giải pháp dân chủ hóa đất nước theo con đường dân chủ đa nguyên, trong đó có các đề xuất lập hiến.

Văn bản có thể được coi là luận cương chính trị của tổ chức này có tên “Dự án Chính trị Dân chủ Đa nguyên”, với bản cập nhật gần nhất là tài liệu “Khai sáng Kỷ nguyên Thứ hai”, phát hành năm 2015. [12] Tài liệu này dành riêng một chương để bàn về “Thể chế và hiến pháp của Cộng hòa Việt Nam”.

Có lẽ ít người Việt Nam nào từng đọc tài liệu này, nhưng có rất nhiều người từng nhìn thấy tài liệu này qua một sự kiện hy hữu và cực kỳ chấn động: cựu phó chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Hậu Giang Trịnh Xuân Thanh chụp hình với cuốn sách này tại Berlin (Đức) năm 2017 ngay trước khi bị bắt cóc về

Việt Nam để hầu tòa trong một vụ án tham nhũng. [13]

Một số điểm đáng chú ý trong dự án lập hiến của Tập hợp Dân chủ Đa nguyên:

- Đặt tên nước là Cộng hòa Việt Nam.
- Cả nước được chia ra làm 10-15 vùng, mỗi vùng gồm một số tỉnh, thành hiện nay nhập lại.
- Mỗi vùng có nghị viện riêng, có thẩm quyền cao hơn hội đồng nhân dân hiện nay nhưng thấp hơn so với chính quyền bang ở các thể chế liên bang.
- Số lượng cảnh sát vùng bị hạn chế theo tỷ lệ so với dân cư.
- Chính quyền trung ương theo chế độ đại nghị, với hai nghị viện: Thượng nghị viện đại diện cho các vùng, mỗi vùng có số lượng đại diện như nhau; Quốc hội đại diện cho toàn dân được bầu theo tỷ lệ dân cư.
- Hành pháp do thủ tướng đứng đầu, được Quốc hội bầu ra. Tổng thống là nguyên thủ do Quốc hội bầu ra, có tính đại diện.

05.

DỰ THẢO HIẾN PHÁP NĂM 2019 CỦA TRUNG TÂM DÂN CHỦ VIỆT NAM

Dự thảo Hiến pháp này được trình bày song ngữ Anh-Việt trong cuốn sách có tên “A model constitution for a democratic Vietnam” (tạm dịch: Một mô hình hiến pháp cho một Việt Nam dân chủ) do Trung tâm Dân chủ Việt Nam (Vietnam Democracy Center) phát hành trên Amazon. [14]

Trung tâm này được đăng ký là tổ chức phi lợi nhuận ở Hoa Kỳ năm 2019, do ông Nguyễn Nhất Thiên làm chủ tịch. [15]

Trong cuốn sách, trung tâm này nói rằng họ đã quảng bá bản dự thảo tới 3,1 triệu người trong nước và thông qua một cuộc khảo sát có hơn 59.000 người tham gia thì có đến 82% ủng hộ dự thảo này. Trong một phát biểu công khai được RFA tường thuật, ông Thiên lại nói “chúng tôi đã gửi vào trong nước, được 3,1 triệu người coi qua từng chương và họ đã đồng ý 87% đến 97% tùy các chương”. Luật Khoa không có điều kiện kiểm chứng các thông tin này.

Trong bản Dự thảo Hiến pháp của Trung tâm Dân chủ Việt Nam, có một số điểm đáng chú ý sau đây:

- Quốc hội lưỡng viện: Thượng viện và Hạ viện.
- Dân biểu Hạ viện có nhiệm kỳ 4 năm, không được làm quá 4 nhiệm kỳ.
- Mỗi tỉnh có một thượng nghị sĩ trong Thượng viện, với nhiệm kỳ 6 năm, không được làm quá 3 nhiệm kỳ.
- Hành pháp do tổng thống đứng đầu, được cử tri bầu trực tiếp. Tổng thống và phó tổng thống có nhiệm kỳ 5 năm, không được làm quá hai nhiệm kỳ.
- Thẩm phán Tối cao Pháp viện có nhiệm kỳ 15 năm, do tổng thống bổ nhiệm và 2/3 Thượng viện phê chuẩn, không được tái bổ nhiệm.
- Trong tất cả các vụ án hình sự, bồi thẩm đoàn quyết định bị cáo có tội hay không có tội.

Những nỗ lực lập hiến của người Việt Nam cả trong và ngoài nước suốt thập niên 2010 không mang lại kết quả thể chế nào. Mọi sáng kiến lập hiến đều bình đẳng, nhưng có một sáng kiến bình đẳng hơn những sáng kiến khác.

Tuy vậy, điều quan trọng không kém vào lúc này là thực hành quyền lập hiến, như ông Nguyễn Quang A - một trong những thành viên chủ chốt của nhóm Kiến nghị 72 - đã nói: “Quyền ta, ta cứ làm.” [16] □

An illustration of two hands, one from the top right and one from the bottom left, holding a yellow rectangular sign. The sign has the text 'ĐÓNG GÓP CHO' in a smaller font at the top and 'LUẬT KHOA' in a larger, bold font below it. The background is a light green with a subtle geometric pattern.

ĐÓNG GÓP CHO

LUẬT KHOA

Chúng tôi làm báo độc lập.
Không sợ ai.
Không nịnh ai.

Hãy đóng góp cho Luật Khoa để
xây dựng báo chí độc lập Việt Nam:

donorbox.org/luatkhoa

Luật Khoa là một dự án của tổ chức
Sáng kiến Pháp lý Việt Nam (Legal
Initiatives for Vietnam), một tổ chức
phi lợi nhuận đăng ký ở California,
Hoa Kỳ theo quy chế 501(c)(3).

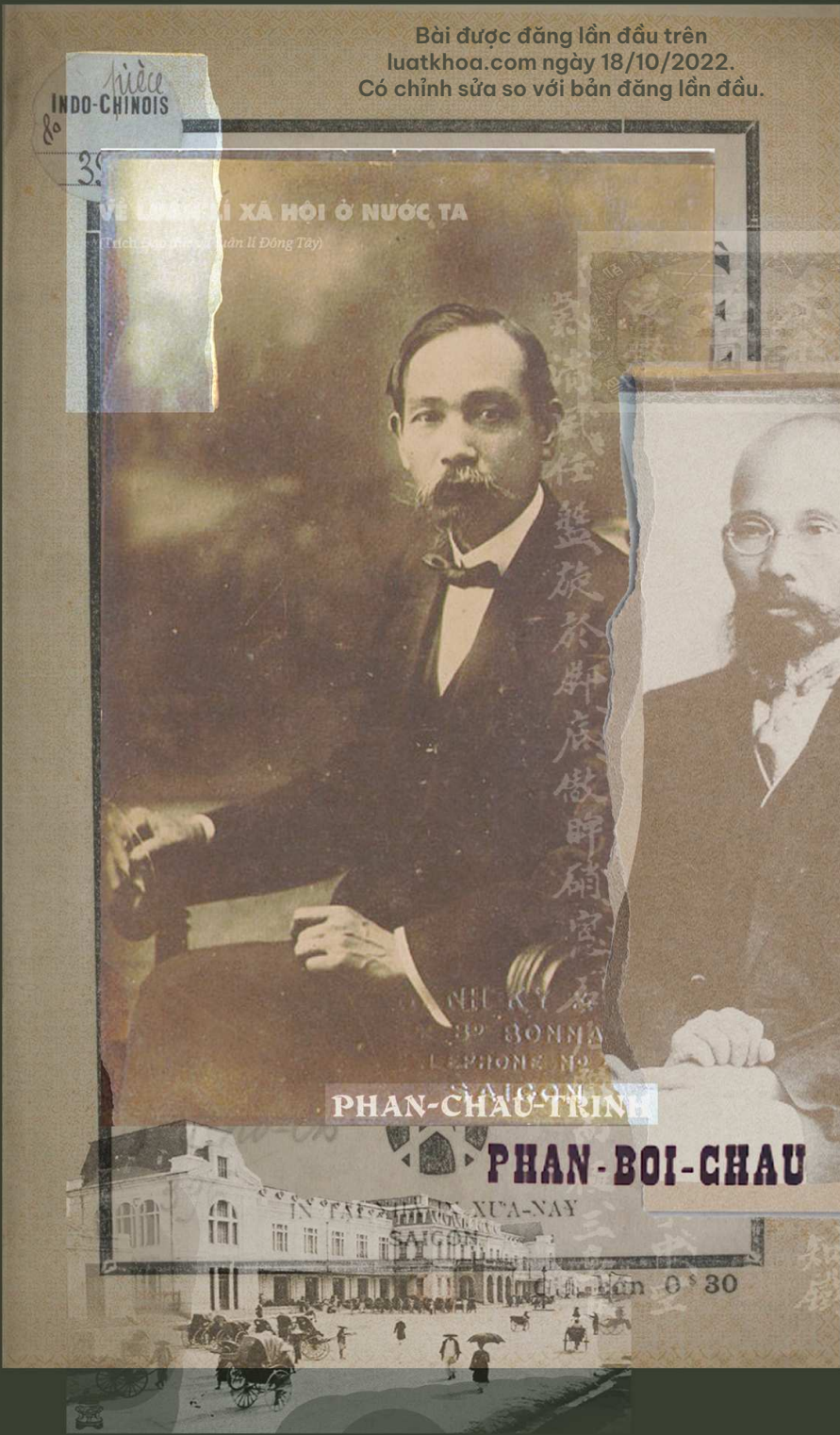
Mọi khoản đóng góp của độc giả ở
Hoa Kỳ đều được khấu trừ thuế (tax
deduction). Số EIN của chúng tôi:
81-5257301.

Đã có Báo cáo Thường niên 2021
tại đây: [www.liv.ngo/bao-cao-
thuong-nien-annual-report-2021](https://www.liv.ngo/bao-cao-thuong-nien-annual-report-2021)

Liên hệ: editor@mail.luatkhoa.org

ĐỌC SÁCH CÙNG ĐOÀN TRANG

Bài được đăng lần đầu trên
luatkhoa.com ngày 18/10/2022.
Có chỉnh sửa so với bản đăng lần đầu.



Tranh minh họa: Luật Khoa.

HAI CHÍ SĨ HỌ PHAN VÀ BUỔI ĐẦU
CỦA TƯ TƯỞNG LẬP HIẾN Ở VIỆT NAM

Võ Văn Quân

“Confucian Constitutionalism in East Asia” (tạm dịch: Chủ nghĩa hợp hiến Nho giáo tại Đông Á) là một trong những quyển sách có tầm ảnh hưởng đối với giới nghiên cứu lập pháp, nghiên cứu hiến pháp Đông Á nói riêng và nghiên cứu pháp lý phương Tây nói chung. Tác giả của cuốn sách này là một người Việt Nam: Tiến sĩ Bùi Ngọc Sơn.

Nhóm đề tài Nho giáo và chủ nghĩa lập hiến Đông Á vốn thường do các tác giả Trung Quốc và Nhật Bản thống trị. Việc tác giả Bùi Ngọc Sơn “chiếm sóng” và phân tích đề tài này từ góc nhìn Việt Nam, lồng ghép lịch sử lập hiến của Việt Nam vào lịch sử của các nước lớn trong khu vực dường như đã tạo cho người đọc quốc tế cảm giác tươi mới và thú vị.

Việc gọi Việt Nam là một quốc gia Đông Á trước tiên phản ánh niềm tin cá nhân của tác giả vào vai vế lịch sử của Việt Nam trong khu vực, cũng như tham vọng xem mình là quốc gia đồng văn với Trung Hoa trong suốt các giai đoạn lịch sử chính trị Việt Nam.

Tuy nhiên, đi sâu vào nội dung các chương, tác giả Bùi Ngọc Sơn cho thấy việc phân tích chủ nghĩa hợp hiến Nho giáo tại Việt Nam trong mối tương quan sâu rộng với các quốc gia Đông Á khác như Trung Quốc và Nhật Bản là hoàn toàn chính đáng.

Điều này được thể hiện hoàn hảo nhất trong chương Ba của quyển sách có tên “Chủ nghĩa hợp hiến Nho giáo hiện đại”. Trong đó, tác giả giới thiệu chủ nghĩa hợp hiến Nho giáo Việt Nam thông qua hai nhà Nho của phong trào dân tộc dân chủ có tầm ảnh hưởng nhất Việt Nam: Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh.

NỀN TẢNG LỊCH SỬ CỦA CHỦ NGHĨA HỢP HIẾN NHO GIÁO TẠI VIỆT NAM

Khác với nhiều nghiên cứu quốc tế về pháp lý mà bạn đọc có thể đã từng tiếp cận, vốn thường khá sâu, các lát cắt thông tin đôi khi phân mảnh thiếu thống nhất, kèm theo đó là nhiều thuật ngữ chuyên môn, phong cách viết của tác giả Bùi Ngọc Sơn gợi nhớ về những cuốn sách giáo khoa Việt Nam những năm 1990.

Mỗi khi nhắc đến bất kỳ chủ đề nào mà tác giả cho là không quen thuộc với độc giả, ông đều dành ít nhất hai đến ba đoạn để mô tả khái quát các nội dung cơ bản liên quan đến vấn đề.

Ví dụ, khi nói về Phan Bội Châu, tác giả Bùi Ngọc Sơn thậm chí dành hẳn một trang để nói về tiểu sử của vị này, với những tình tiết thường chỉ xuất hiện trong sách lịch sử và sách tập đọc của học sinh Việt Nam như: cụ Phan từ lúc ba tuổi đã thuộc lòng Tam tự kinh, 18 tuổi đỗ thủ khoa trong các kỳ thi truyền thống. Cách tiếp cận các thông tin lịch sử cùng với lối hành văn chính thống và trong sáng có lẽ là một trong những ưu điểm khiến cho các tác phẩm của tác giả Bùi Ngọc Sơn được cộng đồng khoa học phương Tây đón nhận.

Và cũng nhờ lợi thế này, cuốn sách đã giải thích được nền tảng chính trị hay thậm chí là lý do hình thành của trào lưu chủ nghĩa hợp hiến Nho giáo tại Việt Nam chỉ trong phần mở đầu chương Ba của cuốn sách.

Ví dụ, để lý giải vì sao các nhà dân tộc dân chủ yêu nước đầu tiên của Việt Nam không trực tiếp sử dụng các hệ tư tưởng phương Tây, tác giả chỉ ra rằng tiếng Hoa lúc đó là thứ ngôn ngữ nước ngoài duy nhất mà

các nhóm trí thức này rành rọt và tự tin sử dụng. Do đó, giới học giả trong nước tiếp thu tư duy chính trị phương Tây trước tiên thông qua các học giả và phong trào ở Trung Quốc, Nhật Bản. Tự thân cách tiếp cận này có nhiều hạn chế.

Thay vì đọc và hiểu trực tiếp Jean- Jacques Rousseau hay Montesquieu để cân nhắc tình hình trong nước, giới trí thức yêu nước Việt Nam tìm hiểu thông qua phong trào Bách nhật Duy tân của Khang Hữu Vi, Cách mạng Tân Hợi của Tôn Trung Sơn hay các tài liệu cải cách của Lương Khải Siêu.

Những tài liệu này thường được biết đến với tên gọi “Tân thư”, du nhập sang Việt Nam qua các cảng biển lớn như Hải Phòng, Sài Gòn, hay Đà Nẵng. Trước tiên, chúng đến tay các Hoa kiều đang sinh sống và làm việc tại Việt Nam, rồi sau đó được giới thiệu với các trí thức yêu nước.

Tác giả Bùi Ngọc Sơn không bình luận nhiều về tác động của vấn đề này, nhưng tổng hợp lại, có thể thấy, với rào cản ngôn ngữ và rào cản địa lý ảnh hưởng đến cách thức mà các tài liệu thứ cấp này du nhập vào Việt Nam, không khó hiểu khi giới yêu nước và ủng hộ cải cách đời đầu như Phan Bội Châu hay Phan Châu Trinh gặp rất nhiều khó khăn trong việc cụ thể hóa đường lối cách mạng của họ.

Thêm vào đó, phần mở đầu tác phẩm cũng chỉ ra một thực tế là trong những năm đầu thế kỷ thứ 20, các nhóm trí thức được đào tạo theo phong cách Tây học vẫn còn chưa nghĩ đến cách mạng hay cải cách, mà chủ yếu tiếp tục làm việc trong hệ thống hành chính Pháp thuộc. Các nhóm Nho gia thì lại chia ra làm

hai phe gồm nhóm quan lại Nho giáo và nhóm nhà Nho tự do.

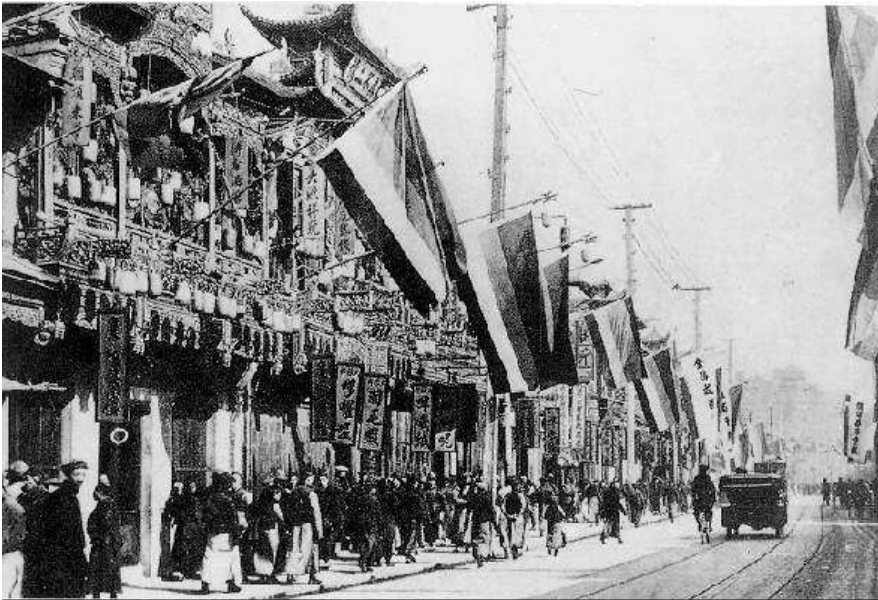
Nhìn chung, khó khăn trong tập hợp tiếng nói của các nhóm yêu nước, khó khăn trong rào cản ngôn ngữ, cũng như việc tiếp cận các tư tưởng cải cách phương Tây chỉ thông qua tư liệu Hán văn là các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của trào lưu chủ nghĩa hợp hiến Nho giáo tại Việt Nam.

CHỦ NGHĨA HỢP HIẾN NHO GIÁO CỦA PHAN BỘI CHÂU - PHAN CHÂU TRINH

Sau phần giới thiệu, tác giả Bùi Ngọc Sơn trình bày hệ thống tư tưởng của hai nhà cách mạng Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh một cách vô cùng trực quan và dễ hiểu thông qua các đầu mục quan điểm và chính sách.

Trong đó, chúng ta có thể kể đến mối quan hệ giữa quân chủ chuyên chế và dân chủ lập hiến (despotic monarchy vs. constitutional democracy), các nhóm dân quyền tự do (liberal rights), quan điểm về phân chia quyền lực (separation of powers), hay sự lồng ghép của tư tưởng Nho giáo (Confucianism) vào những khái niệm mới này.

(Hình ảnh cuộc Cách mạng Tân Hợi) Đường Nam Kinh sau cuộc khởi nghĩa Thượng Hải năm 1911, hai bên đường đều treo cờ Ngũ tộc cộng hòa, sau này trở thành quốc kỳ chính thức của Trung Hoa Dân Quốc.
Nguồn: Wikipedia.



Đối với Phan Bội Châu, tư tưởng lập hiến nhanh chóng trở thành đường lối chủ trương của ông mà không cần đấu tranh hệ tư tưởng giữa “Nho giáo” và “phương Tây”. Tuy nhiên, tác giả cũng ghi nhận sự thay đổi cơ bản trong tư tưởng của ông về việc lựa chọn giữa quân chủ lập hiến và một nền cộng hòa toàn diện.

Trước Cách mạng Tân Hợi Trung Quốc năm 1911, Phan Bội Châu dường như vẫn còn kỳ vọng duy trì mô hình quân chủ hạn chế (limited monarchy) mà ông lý giải là bởi vì dân chúng Việt Nam có vẻ vẫn còn yêu quý và quen thuộc với mô hình này.

Tuy nhiên, sau cuộc cách mạng của Tôn Trung Sơn, Phan Bội Châu nhận ra rằng đã đến lúc cần xây dựng một mô hình cộng hòa mới hoàn chỉnh. Điều này được ghi nhận trong “Việt Nam Quang phục quân phương lược”.

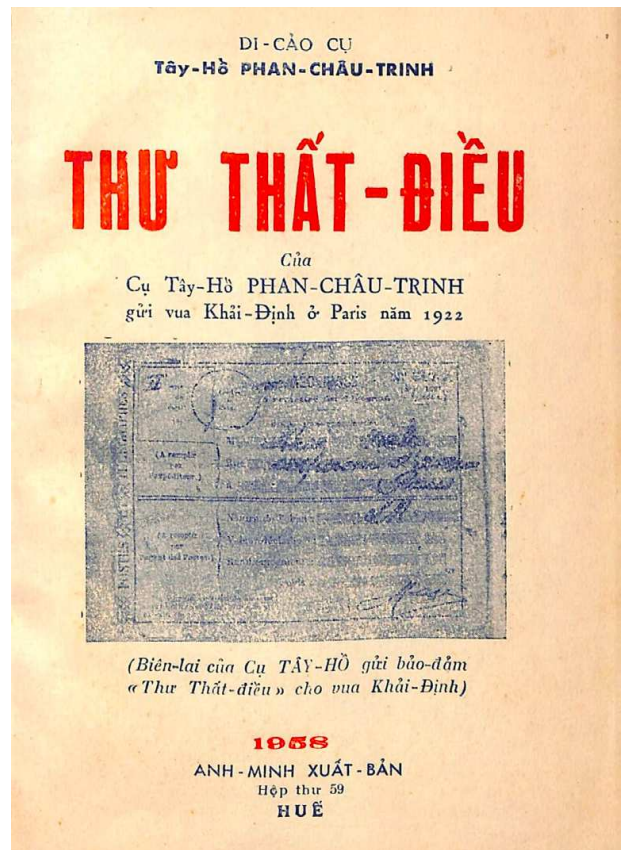
Về nhóm quyền tự do cá nhân, Phan Bội Châu sử dụng lại gần như hoàn toàn các lý thuyết nhân quyền/ dân quyền của chính trị phương Tây, với các nhóm quyền mà cho đến nay chúng ta vẫn còn sử dụng như quyền bầu cử, quyền tự do báo chí, quyền tự do hội họp.

Về vấn đề xây dựng và phân chia quyền lực trong bộ máy nhà nước, Phan Bội Châu mô tả một hệ thống tương tự với dân chủ đại nghị, nơi nghị viện là đại diện cao nhất của quyền lực nhân dân, và chính quyền dựa theo chủ quyền tối cao này mà thực hiện.

Điểm thú vị nhất trong tư tưởng của Phan Bội Châu về nghị viện có lẽ là việc chia nghị viện ra ba nhánh gồm Thượng viện, Trung viện và Hạ viện với khả năng đối trọng và kiểm soát lẫn nhau. Tuy nhiên, đáng tiếc là tác giả Bùi Ngọc Sơn không phân tích sâu thêm phần này.

Về phía Phan Châu Trinh, tác giả cho rằng ông thể hiện sự chống đối với chế độ phong kiến Việt Nam hơn Phan Bội Châu.

Bìa cuốn Thư Thất Điều. Nguồn: sangtao.org.



Điều này được phản ánh rõ nhất thông qua “Thất điều thư” kể ra bảy tội lỗi đối với quốc gia của vua Khải Định.

Đi xa hơn nữa so với tiền bối cùng họ, Phan Châu Trinh cho rằng sự thất bại của chính quyền nhà Nguyễn trước Pháp không đơn thuần chỉ là định mệnh lịch sử, mà còn là sự yếu kém và cố chấp có tổ chức của triều đình khi không chấp nhận phát triển dân quyền và cải cách đất nước. Vì lý do này, ngay từ đầu, Phan Châu Trinh đã kêu gọi việc dỡ bỏ hoàn toàn gốc rễ phong kiến Việt Nam để xây dựng một nền cộng hòa dân chủ trọn vẹn.

Không chỉ vậy, Phan Châu Trinh còn nhấn mạnh việc kiểm soát quyền lực nhà nước, bổ sung và gầy dựng hệ thống dân quyền - nhân quyền cấp tiến với đầy đủ các quyền chính trị - dân sự như Phan Bội Châu đề xuất. Quan trọng hơn, Phan Châu Trinh cũng được xem là một trong những nhà cách mạng Việt Nam đầu tiên chú trọng xây dựng tư pháp độc lập.

YẾU TỐ NHO GIÁO TRONG CHỦ NGHĨA HỢP HIẾN: VÀI LỜI PHẢN BIỆN

Với *tư cách* một độc giả và một nhà nghiên cứu, người viết có cảm giác không thỏa mãn với lối hành văn cũng như lượng thông tin được cung cấp.

Theo người viết, việc liệt kê thông tin với lối hành văn mô phạm mà chúng ta nhắc đến ban đầu như một lợi thế lại khiến cho nghiên cứu thiếu đi độ sâu về quan điểm, độ kết nối về thông tin và quan trọng nhất là tính tổng quan cho toàn nghiên cứu với một góc nhìn mới mẻ hơn cho độc giả.



Phan Bội Châu (phải) và Cường Để (trái) tại Nhật Bản, năm 1907. Nguồn: Wikipedia.

Người viết mạn phép chứng minh sơ lược thông qua cách mà tác giả nói về Nho giáo trong chủ nghĩa hợp hiến của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh.

Dù yếu tố Nho giáo là yếu tố quan trọng nhất khiến cho tư tưởng của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh mới lạ hơn và “có khả năng” so sánh được với các tư tưởng lớn khác trên thế giới, nhưng việc tác giả Bùi Ngọc Sơn tách phần tư tưởng Nho giáo này thành một phần riêng biệt khiến cho người đọc rất khó để hiểu tác giả muốn mô tả chủ nghĩa hợp hiến Nho giáo là như thế nào.

Ví dụ, tác giả chỉ liệt kê Phan Bội Châu ủng hộ mô hình giáo dục Khổng giáo để phát triển đạo đức và tri thức của quần chúng, hay Phan Châu Trinh chỉ trích cách hiểu Nho giáo xưa cũ. Những yếu tố này không đủ sức nặng để chúng ta thật sự hiểu và hình dung được thế nào là một mô hình hợp hiến Nho giáo.

Nói cách khác, nếu đã cho rằng Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh mong muốn xây dựng chủ nghĩa hợp hiến Nho giáo, thì việc quan trọng nhất cần làm là giải thích Nho giáo được thể chế hóa như thế nào vào mô hình nhà nước hợp hiến mà chúng ta kể ở trên.

Dù người viết còn nhiều thắc mắc cho nghiên cứu này, không thể phủ nhận rằng tác giả Bùi Ngọc Sơn và tác phẩm “Confucian Constitutionalism in East Asia” cho đến nay vẫn được xem là nền tảng tiên phong cho làn sóng phát triển của luật học Việt Nam trên trường quốc tế. Đây chắc chắn là một sản phẩm nghiên cứu không thể bỏ qua. □

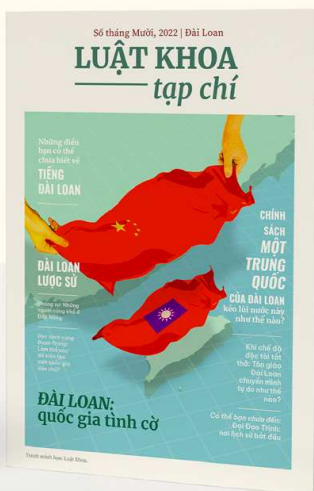
Sạp báo LUẬT KHOA

Nơi bày bán các ấn phẩm của Luật Khoa tạp chí

Báo tháng Mười Một 2022
\$5



Báo tháng Mười 2022
\$5



Báo tháng Chín 2022
\$5



Báo tháng Tư 2022
\$5



Báo Tết 2022
\$0



store.luatkhoa.com

MUA NGAY

Địa chỉ hỗ trợ bạn đọc: store@mail.luatkhoa.org

CÓ THỂ BẠN CHƯA ĐẾN

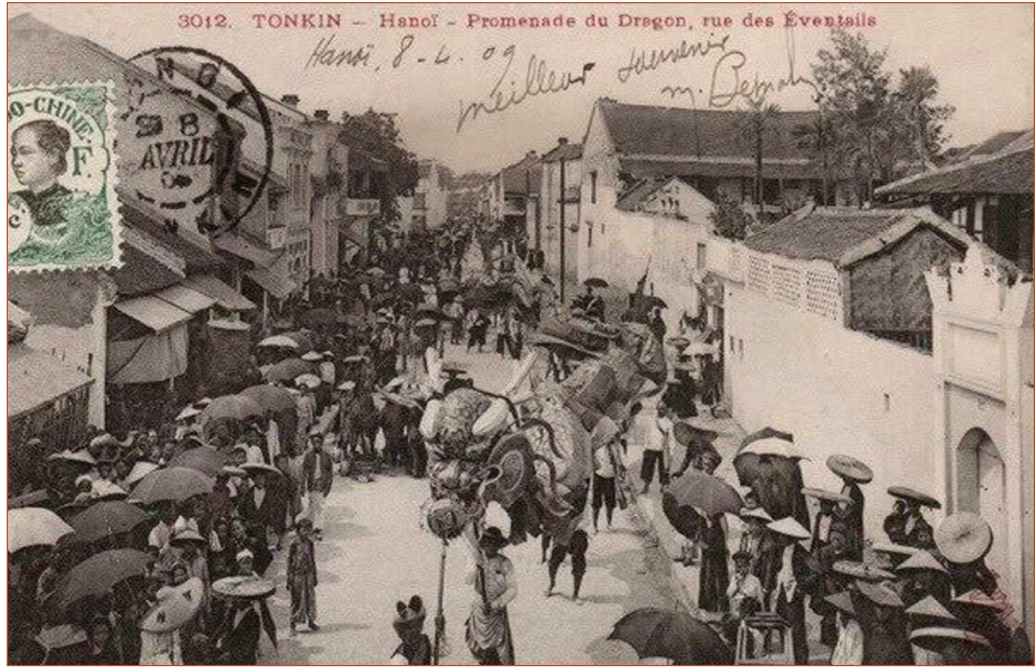
QUẢNG NAM: KHI DÂN QUYỀN TRỞI DẬY

*Một cơn bão lớn thức tỉnh ý thức
về dân quyền.*

Tài Nhân

Hội An những năm đầu thế kỷ 20
Nguồn: hoian60s.com.
Đồ họa: Luật Khoa.

Năm 1904, một tuyến đường sắt được khai trương, đón khách từ bán đảo Sơn Trà, men theo hữu ngạn sông Hàn, rồi xuyên qua khu đất cát Ngũ Hành Sơn tiến về một vùng đất thịnh vượng bậc nhất khi đó, nơi mà mọi con đường, mọi con sông gặp nhau. Người ngoại quốc gọi nơi đó là Faifo. Người Việt gọi vùng đất ấy là Hội An. [1]



Hội An thuộc tỉnh Quảng Nam có hai phố nhà ngói liên tiếp nhau dài hàng cây số, trên bến dưới thuyền, kẻ bán người mua tấp nập, hàng hóa từ mọi miền đổ về rồi phân phối đi khắp thế giới.

Nhiều hạng người sinh sống, tới lui nơi đây. Người Hoa với các hãng buôn lớn đang chi phối nền thương mại. Thực dân Pháp đặt Tòa Công sứ tại Hội An để điều hành công việc cai trị hà khắc của mình. Không chỉ thực dân mới đối xử khắc nghiệt với người dân mà người Việt cũng ức hiếp người Việt. Nhóm người đó là các quan lại triều đình. Họ không biết rồi chẳng bao lâu nữa một tai họa sẽ giáng xuống đầu họ.

Lần trong đám quan lại đó, có một nhóm các chí sĩ cũng đã từng ra làm quan nhưng họ suy nghĩ rất khác. Đêm đêm, họ thao thức nghĩ cách cứu lấy đất nước. Ngày ngày, họ hội họp bạn bè để biến hoài bão thành hiện thực. Nhiều năm trước, họ có lẽ đã gặp nhau ở trường tỉnh Thanh Chiêm, phủ Điện Bàn, cách Hội An chừng 10 cây số. [2]

Gống như Đại Đạo Trình của Đài Loan, thương nghiệp tại Hội An không chỉ mang đến hàng hóa mà còn chở theo sách vở, văn minh Đông Tây. Nhưng ảnh

Lễ hội múa Rồng truyền thống của người Hội An.
Nguồn: hoian60s.com.

hưởng đến các chí sĩ hơn cả là tư tưởng dân quyền đang nở ra ở bên Tàu cùng với sự thành công của công cuộc Duy Tân và hiện đại hóa của Nhật Bản.

Những thanh niên theo học trường tỉnh ấy chắc chắn được tiếp xúc đủ các tư tưởng mới mẻ, tiến bộ. Họ đã nhìn thấy sự tụt hậu thảm hại của đất nước. Giờ đây, họ đang cùng nhau khơi dậy một phong trào lớn lao nhưng thực tế, chậm rãi nhưng chắc chắn, dũng cảm nhưng khôn ngoan. Đối tượng của họ không phải là người Pháp hay đám quan lại, mà chính là người dân. Tên của họ là Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng cùng nhiều sĩ phu khác.

Hai năm sau khi khai trương tuyến đường sắt, người ta thấy dân chúng ở các vùng nông thôn của Quảng Nam bắt đầu rũ nhau cắt tóc ngắn. Còn các quan hễ thấy ai “cúp tóc” thì liền bắt bớ, đánh đập, giam cầm. [3] Những người cắt tóc này đang học theo một phong trào tân văn hóa, tân sinh hoạt do các chí sĩ khuếch trương, mà người đời sau gọi là phong trào Duy Tân. Thanh niên bắt đầu bỏ tục lệ lạc hậu để tiến kịp nền văn minh, thôi học chữ Hán,

theo học chữ Tây, chữ Quốc ngữ, tập thể dục, tập mặc đồ Tây, tập tranh luận. Mấy năm sau, người xin cúp tóc nhiều đến nỗi không sao cắt xuể. Họ phải cúp tóc cho nhanh để còn gia nhập đoàn xin sưu đang kéo đến Tòa Công sứ.

Cuối tháng Giêng năm 1908, người đến dự một đám giỗ ở làng Phiếm Ái, huyện Đại Lộc đã làm nảy sinh một cuộc biểu tình kéo dài hơn một tháng trời. [4] Không ai ngờ rằng khí thế của cuộc biểu tình ấy lan ra khắp Quảng Nam rồi tràn sang các tỉnh lân cận.

Ngày hôm đó, người dân sau khi ăn đám giỗ xong thì nổi hứng bàn chuyện sưu cao thuế nặng làm khổ cực dân chúng. Họ nảy ra ý tưởng cùng nhau làm đơn xin giảm sưu thuế. Đơn thảo xong được đem cho lý trưởng ba làng Phiếm Ái, La Đái và Hà Tân ký tên. Sau khi ký đơn, lý trưởng làng La Đái lên xuống báo cho quan huyện biết tin. Liên sau đó, 400 người dân kéo nhau xuống huyện. [5] Quan huyện bỏ chạy xuống tỉnh. Dân liền kéo nhau xuống tỉnh. Khi đến tỉnh thì được hỏi:

- Dân chúng ở đâu tới và muốn làm gì?
- Dân Đại Lộc theo quan huyện xin sưu.
- Quan huyện các anh đã báo rằng dân Đại Lộc tụ tập khởi ngụy, nay không có ở đây, đã xuống báo Tòa Công sứ biết rồi. [6]

Nghe đến đây, dân chúng cùng kéo nhau đến Tòa Công sứ. Cả nghìn người vây lấy tòa, 10 người đại diện được cho vào để thưa chuyện. Viên Công sứ tên Charles đáp rằng ông không có quyền giảm sưu thuế rồi lệnh cho dân giải tán. Chiều hôm đó, ba lãnh đạo của đoàn biểu tình bị đầy đi Lao Bảo. [7]

Người đời không quên được dòng người đầu cúp tóc, mặc quần áo rách rưới lũ lượt kéo nhau về Tòa Công sứ năm ấy. Ngày cũng như đêm, lớp này về thì lớp khác đến. Biết bao nhiêu trận mưa roi vọt lên đầu, lên lưng nhưng người xin sưu không hề phản kháng, chỉ biết lấy mo cau mà đội lên đầu, lót vào lưng. Thời đó, Hội An là đất buôn bán nhộn nhịp, tin tức truyền đi khắp nơi, tin thật cũng có mà tin giả cũng nhiều. Tin đồn Tòa Công sứ đã nhượng bộ về sưu thuế được truyền đi khắp nơi khiến người nghèo ùn ùn cúp tóc, kéo nhau về đây. [8]

Số người vây lấy Tòa Công sứ có khi lên đến 8.000 người. Dân xin sưu đông quá mà Hội An thì chật hẹp nên một kế hoạch mới được truyền đi - ai ở phủ, huyện nào thì vây lấy phủ, huyện ấy. Cuộc bao vây phủ, huyện lan ra khắp Quảng Nam, trở thành một cuộc nổi dậy vượt quá sức tưởng tượng mà chúng ta sẽ trở lại sau đây. [9]



Năm 1906, giáp vào huyện Hòa Vang và phủ Điện Bàn, người ta thấy một nhóm người cùng khánh thành một nông hội rộng chừng 20 mẫu. Nhiều người góp vốn, góp sức để mở mang nông hội ấy. Lợi tức làm ra được dành hết cho các học sinh đi du học.

Những người tham gia kháng thuế năm 1908.
Nguồn: wikipedia.org.

[10] Trong những người góp sức vào nông hội, có một người khí phách hiên ngang, nhưng cũng chính vì tính cách này mà chuốc lấy cho mình một cái chết oan ức. Người đó là Trần Quý Cáp.

Trần Quý Cáp, người phủ Điện Bàn, làm nghề dạy học rất có tiếng. Dân chúng ai cũng biết ông rất hiếu thảo với mẹ. Ông đỗ đồng tiến sĩ muộn vào năm 34 tuổi nhưng chưa ra làm quan mà theo Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng phát động Duy Tân. Năm 1906, Trần Quý Cáp cùng nhiều người tìm đất mở trang trại theo tinh thần hiện đại hóa nền nông nghiệp của phong trào Duy Tân. Tuy nhiên, không được bao lâu thì triều đình bổ nhiệm ông làm giáo thụ phủ Thăng Bình. Được mẹ động viên nên ông chấp nhận ra làm quan. [11]

Trần Quý Cáp ra làm quan nhưng không hề bỏ nghiệp Duy Tân. Đến Thăng Bình, ông biến trường học của chính quyền thành trường của Duy Tân. Ông mời người đến dạy chữ Pháp, chữ Quốc ngữ. Lúc này, đất nước vẫn còn trọng Nho học, xem học hành là để ra làm quan. Nhưng phong trào Duy Tân thì bài xích nền cựu học. Đối với họ, học là để tự thân lập nghiệp. Trần Quý Cáp đã không kể gian lao, thường xuyên đi diễn thuyết khắp các vùng Quảng Nam về tân học và dân quyền. Phan Châu Trinh cho rằng nhờ sự kiên trì của Trần Quý Cáp mà hai danh từ “dân quyền”, “công lý” đã lan rộng trong dân gian. [12]

Cũng trong năm 1906, hai trường Diên Phong và Phước Bình được thành lập. Trường Diên Phong có hai chi nhánh, một đặt tại Thương hội Diên Phong ở làng Phong Thử, phủ Điện Bàn. Vì là trường tư nhân nên nhà trường tự chọn thầy, tự chọn sách. Học sinh được chia ra làm hai ban. Học sinh được học các môn tư tưởng, khoa học, địa lý, lịch sử. Ban II và ban người lớn còn có giảng thuyết dân quyền, giảng sách của hai nhà duy tân người Tàu rất nổi tiếng khi ấy là Lương Khải Siêu và Khang Hữu Vi. [13]

Muốn lập trường thì cần có đất đai, tiền bạc. Một phần tài chính khi đó đến từ các thương hội. Các thương hội do nhiều người góp vốn vào để kinh doanh, ngoài lập trường còn để sử dụng cho những việc khác. [14] Thương hội lớn nhất của Duy Tân ở Quảng Nam khi ấy là hợp thương Diên Phong, đặt tại làng Phong Thử thuộc phủ Điện Bàn do Phan Thúc Duyện điều hành. [15] Phong trào cũng có thương cuộc đặt ở Hội An.

Đến năm 1908, số trường học của phong trào lên đến 40 trường dân lập, hầu hết đều đặt tại nông thôn. [16] Đáng tiếc là không bao lâu sau thành quả trên bị gián đoạn, vì thực dân dẹp bỏ các ngôi trường này sau cuộc bạo động của đoàn người xin sưu.

Quảng Nam hồi ấy có một đề đốc tên là Trần Tuệ, một võ quan cao cấp của triều đình. Trần Tuệ là người tham lam lại có quyền hành lớn nên thẳng tay ức hiếp dân chúng. Khi phong trào hiện đại hóa nông nghiệp của phong trào Duy Tân lên cao, các vườn chè, vườn quế được khai thác mạnh. Trần Tuệ cũng mở vườn, không những bắt người dân lên làm không công mà còn đánh đập họ. Khi nhận nhiệm vụ đắp đường dẫn vào mỏ vàng Bồng Miêu cho thực dân Pháp, y cũng hành hạ không biết bao nhiêu người dân. [17]

Tai họa giáng xuống đầu Trần Tuệ vào ngày 22/3/1908. Dân chúng kéo nhau vây bắt Trần Tuệ như bắt cướp, y trốn được về phủ, dân kéo nhau vây lấy phủ. Khoảng 4.000 dân được cho là đã vây lấy phủ lý Tam Kỳ khi ấy để bắt cho được Trần Tuệ. Hay tin, Tòa Đại lý của Pháp đem xe đến giải thoát cho Trần Tuệ. Xe chở y vừa ra khỏi phủ thì Trùm Thuyết, một thủ lĩnh của cuộc vây bắt ngày hôm đó, hô lớn: “Dân ta xin quan đại lý giao ông Đề để dân ăn gan” - toàn thể người dân đồng thanh đáp vang lừng: “Dạ”. Trần Tuệ ngồi

trong xe khiếp vía, học máu mồm, tắt thở khi về đến Tòa Đại lý. [18]

Sau Trần Tuệ thì đến lượt Trần Quát. Trần Quát là quan chánh tổng ở Gia Cốc, nay là Duy Xuyên. Biết có dân biến nên y này kế trấn áp người dân xin sưu với mong muốn được thăng chức. Y lập một nhà lao, hề thấy ai đi xin sưu giảm thuế thì bắt về đánh đập, giam giữ. Nửa đêm ngày 7/4/1908, người dân kéo nhau vây bắt Trần Quát, [19] rồi đem ra bờ sông để giết, có người nói y bị cột đá ném xuống sông, có người nói y bị thui dái rồi mới nhận nước. [20]

Cuộc vây phủ Điện Bàn sau đó đã trở thành một bi kịch. Khi ấy, Tri phủ Điện Bàn Trần Văn Thống đang chuẩn bị cưới vợ cho con thì dân ùn ùn kéo đến bủa vây tư gia, mời tri phủ dắt dân đi xin sưu. Tri phủ lúc đầu không muốn đi nhưng không đi thì dân cũng ép đi cho bằng được. Quân lính trốn hết. Dân tổng quan vào xe rồi kéo xe xuống Tòa Công sứ Hội An. Đoàn người dẫn tri phủ xuống tòa nhưng chưa đến được tòa thì thực dân cho một toán lính cầm súng dàn hàng ngang, chặn đoàn người lại. Viên công sứ bước ra thương lượng để đánh lạc hướng đoàn biểu tình rồi cho quân lính đánh đập, vây bắt các thủ lĩnh. Dân hoảng sợ chạy tán loạn, có người đã chết đuối vì nhảy xuống sông để thoát thân. [21]

Còn nhiều cuộc nổi dậy khác nữa như cuộc vây bắt Tổng đốc Hồ Đắc Trung tại tỉnh thành La Qua, cai phu Lãnh Diêm tại huyện Hòa Vang. [22] Cũng có những

cuộc vây bắt giờ chỉ còn được biết qua những bài về như cuộc nổi dậy ở Thanh Hà (bến đò Phú Chiêm). [23] Sau cuộc nổi dậy ở phủ Điện Bàn, thực dân ra lệnh giới nghiêm, quan lính được tăng cường cho các phủ, huyện.

Ở Hòa Vang lúc này, có một người trẻ tuổi cầm đầu phong trào nổi dậy mà người đời nay vẫn còn nhớ đến. Đó là Ông Ích Đường, con trai của nghĩa sĩ Nghĩa hội Cần Vương Ông Ích Kiềng và cháu nội của danh tướng Ông Ích Khiêm. Người thanh niên này chịu ảnh hưởng của phong trào Duy Tân, từng theo Phan Châu Trinh vào Nam ra Bắc. Ông Ích Đường đã đến tận căn cứ của Hoàng Hoa Thám để học cách đánh Pháp rồi trở về dạy võ nghệ cho dân chúng trong vùng. [24] Khi lãnh đạo dân chúng nổi dậy chống sưu thuế, người thanh niên ấy biết mình đã cầm trước cái chết.

Ông Ích Đường trước giờ tuấn nạn.
Nguồn:
baoquangnam.vn



Ngày 16/4/1908, Ông Ích Đường bị kết tội kích động nhân dân, xử chém đầu. Người thanh

niên ấy trước khi bị chém tại chợ Túy Loan đã ngẩng cao đầu mà nói: “Dân nước Nam như cỏ cú, giết Đường này còn có trăm nghìn Đường khác. Bao giờ hết mía mới hết Đường!”, rồi quay mặt nói với đao phủ: “Đứa nào chém tao thì chém một nhát cho đứt”. Ngày hôm đó, người bán vải ở chợ Túy Loan xé vải trắng, phát không cho người đi chợ đội lên đầu để tang “Cậu Đường”, cả một chợ trắng màu khăn tang. [25]

Sau vụ dân biến kéo dài hơn một tháng, thực dân Pháp mở một cuộc khủng bố trắng trên toàn tỉnh Quảng Nam và các tỉnh chịu ảnh hưởng của phong trào như Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Thừa Thiên, Quảng Trị, Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa.

Các nhà lao của Quảng Nam đầy ắp tù nhân với hơn 2.000 người bị giam giữ. [26] Bắt giam người xin sưu hay chém đầu các lãnh đạo của đoàn người xin sưu chỉ là bước đầu của cuộc đàn áp. Thực dân Pháp còn muốn làm cỏ tận gốc. Thực dân cho rằng chính các chí sĩ của phong trào Duy Tân qua các hoạt động giáo dục, diễn thuyết đã khiến quần chúng nổi dậy chống chính quyền. [27]

Trong vòng mấy tuần, họ đã bắt gần như toàn bộ lãnh đạo của phong trào Duy Tân. Dù các lãnh đạo này không có dính líu gì đến cuộc biểu tình đòi giảm sưu thuế nhưng thực dân Pháp đã lập cho họ những bản án không bằng chứng, không nhân chứng.

Phan Châu Trinh, 36 tuổi, bị bắt ở Hà Nội rồi áp giải về Huế. Huỳnh Thúc Kháng, 32 tuổi, bị bắt tại nhà đưa đi giam ở Hội An. Hai ông sau đó đều bị đày đi Côn Lôn.

Trần Quý Cáp, 38 tuổi, đã bị chuyển vào Khánh Hòa trước cuộc dân biến nhưng cũng không tránh khỏi bị kết tội một cách hết sức bi đát. Trần Quý Cáp bị kết án “bất trung, bất hiếu” vì các vụ cúp tóc, mặc đồ Tây, vu cho ông có mưu đồ lên theo nước ngoài (ám chỉ Nhật Bản), xử tội lăng trì (xẻo một trăm miếng thịt). Tòa Khâm sứ Huế giam án từ lăng trì xuống còn

xử trảm. [28] Khi Hội Nhân quyền ở Pháp kêu gọi hoãn lại việc hành hình thì tỉnh Khánh Hòa đã chém đầu Trần Quý Cáp vào ngày 17/5/1908. [29]

Một người Minh Hương tên là Châu Thượng Văn, 52 tuổi, sống tại Hội An và có hiệu buôn. Ông là người tham gia phong trào đưa học sinh sang Nhật và ủng hộ Duy Tân hội của Phan Bội Châu. Lúc bị bắt, Châu Thượng Văn nhận hết tội về cho mình, bị kết án tù chung thân. [30] Ông tuyệt thực suốt 20 ngày và qua đời tại Huế trên đường đày đi Lao Bảo. [31] Rất nhiều chí sĩ khác cũng bị án đày đi Côn Lôn hay Lao Bảo sau vụ dân biến như Nguyễn Thành, Trần Cao Vân, Phan Thúc Duyện, Lê Bá Trinh, Trương Bá Huy, Dương Thường, Nguyễn Văn Côn, v.v. [32]

Tám năm sau, Việt Nam Quang Phục Hội với sự lãnh đạo của Trần Cao Vân, Thái Phiên - đều là người Quảng Nam - đã liên kết với vua Duy Tân khởi nghĩa chống Pháp. Tuy nhiên, kế hoạch bị bại lộ. Hai ông cùng với những sĩ phu khác bị chém đầu. [33] Cũng trong năm đó, một cơn bão dữ thổi qua vùng đất Quảng Nam chôn vùi tuyến đường sắt dẫn vào Hội An. [34] □

Cụ Huỳnh Thúc Kháng (phải) và cụ Ngô Đức Kế sau khi ra khỏi nhà tù Côn Đảo đã cùng nhau lập nên báo Tiếng Dân. Ảnh tư liệu chụp lại từ Nhà lưu niệm Huỳnh Thúc Kháng, Tiên Phước. Nguồn: baodanang.vn



HIẾN PHÁP
ĐÀI LOAN:

THAY ĐỔI CÙNG NHỊP ĐẬP CỦA NỀN DÂN CHỦ

Từng bước, từng bước một.

Y Chan

Ảnh: Một trang trong Hiến pháp
của Trung Hoa Dân Quốc.
Nguồn: Wikipedia. Đồ họa: Luật Khoa.

Trong bất kỳ một cộng đồng nào, dù là của người hay của các động vật khác, thứ duy trì sự gắn kết và tồn tại là các “luật chơi”.

Cùng với sự phát triển của xã hội loài người, các luật chơi hoang sơ dần được quy chuẩn hóa, được gọi là pháp luật.

Trong các loại pháp luật của một nhà nước, hiến pháp đóng vai trò nền tảng, là cơ sở để xây dựng mọi luật lệ khác.

Vì vậy, khi đất nước xảy ra những biến động lớn về chính trị, kinh tế hay xã hội, hiến pháp cũng thường được thay đổi để theo kịp các dòng chảy mới.

Đó là điều đã xảy ra ở Đài Loan trong quá trình dân chủ hóa, đặc biệt vào thập niên 1990. Trong vòng chưa đến 10 năm, từ năm 1991 đến 2000, nước này đã có đến sáu lần sửa đổi Hiến pháp.

Những thay đổi trong Hiến pháp của Đài Loan là thước phim minh họa sinh động cho hành trình dân chủ hóa của đảo quốc này.

BẢN HIẾN PHÁP QUÈ QUẬT

Sau khi Thế chiến II kết thúc, Đài Loan được Nhật trao trả cho Trung Quốc, lúc này có tên là Trung Hoa Dân Quốc do Quốc Dân Đảng (KMT) nắm quyền.

Cuối tháng 12/1946, Quốc dân Đại hội (National Assembly) thông qua bản Hiến pháp của Trung Hoa Dân Quốc. Nó được chính quyền ban hành vào ngày 1/1/1947, có hiệu lực từ ngày 25/12/1947 trên toàn bộ lãnh thổ của Trung Quốc, bao gồm Đài Loan. [1]

Bản Hiến pháp 1947 tuy còn nhiều vấn đề gây tranh cãi, [2] vẫn được xem là tiến bộ

khi tiếp thu tinh thần hiến pháp của Âu-Mỹ, ghi nhận các quyền tự do cơ bản của người dân, đồng thời xác lập một thể chế giám sát và cân bằng giữa các cơ quan nhà nước.

Nhưng trên thực tế, nó chỉ tồn tại chưa tới nửa năm.

Đối diện với mối đe dọa từ Đảng Cộng sản Trung Quốc, chính quyền Quốc Dân Đảng thông qua “Điều khoản lâm thời chống phản loạn cộng sản” (Temporary Provisions Effective during the Period of Communist Rebellion), có hiệu lực từ tháng 5/1948. Đạo luật này đóng băng các quyền công dân trong Hiến pháp 1947, trong khi gia hạn thẩm quyền gần như tuyệt đối cho Tổng thống Tưởng Giới Thạch. [3]

Cùng với thiết quân luật được áp đặt từ năm 1949, người dân Đài Loan trong suốt hơn nửa thế kỷ sống dưới một bản hiến pháp vừa què quặt vừa lệch pha.

Hiến pháp 1947 vốn dĩ được tạo ra cho toàn bộ lãnh thổ Trung Quốc, nhưng cuối cùng lại chỉ được áp dụng cho một vùng đất rộng chưa tới 0,4% diện tích đại lục. Đã vậy, nó còn bị “Điều khoản lâm thời” trói chân, chỉ được dùng tới trong những trường hợp Quốc Dân Đảng cảm thấy phù hợp với lợi ích của họ, và bị gạt qua một bên khi chính quyền thấy bất tiện. [4]

Thay đổi hiến pháp vì vậy là điều không thể tránh khỏi trong quá trình dân chủ hóa.

SỬA HAY LÀM MỚI, VÀ VÌ SAO PHẢI SỬA NHIỀU LẦN?

Tính đến nay, Đài Loan đã trải qua bảy lần sửa đổi Hiến pháp. Trong đó, sáu lần diễn ra trong giai đoạn “Mr. Dân chủ” Lý Đăng Huy nắm quyền tổng thống.

Một câu hỏi được đặt ra là vì sao lại không sửa một lần cho xong?

Câu trả lời nằm ở hoàn cảnh phức tạp của Đài Loan trong quá trình chuyển đổi.

Thời điểm đó, các thế lực cũ vẫn nắm rất nhiều quyền hành, lợi ích không dễ buông bỏ, còn xã hội chia rẽ trong vấn đề căn tính dân tộc, mối quan hệ với Trung Quốc, và cùng với đó là định hướng tương lai của đất nước.

Một ví dụ cụ thể là theo Hiến pháp 1947, cơ quan có thẩm quyền thông qua việc sửa đổi hiến pháp là Quốc dân Đại hội, có vai trò gần tương tự như Đại cử tri đoàn (Electoral College) ở Mỹ.

Phần lớn các đại biểu của Quốc dân Đại hội là những người đã được bầu ở Trung Quốc đại lục, trước khi Quốc Dân Đảng thất trận phải rút về Đài Loan. Vì Tưởng Giới Thạch không từ bỏ hy vọng tái chiếm đại lục, toàn bộ bộ máy nhà nước của Trung Hoa Dân Quốc chạy sang Đài Loan vẫn được giữ nguyên, chờ ngày “giải phóng” để bầu cử lại. Các đại biểu của Quốc dân Đại hội là một phần trong số các đại biểu trọn đời đó.

Việc chỉnh sửa từng bước bản Hiến pháp vì vậy dễ thực hiện hơn khi dung hòa được lợi ích của các bên, trong đó có những thành phần nắm quyền đã hơn nửa thế kỷ.

Câu hỏi quan trọng khác là nên chỉnh sửa bản hiến pháp cũ hay lập ra một bản hiến pháp hoàn toàn mới?

Nhiều người đấu tranh cho dân chủ và độc lập của Đài Loan ủng hộ việc viết ra một bản hiến pháp mới. [5] Theo họ, Hiến pháp 1947 vốn dĩ không hề được tạo ra cho người Đài Loan, và chứa đựng quá nhiều điểm lạc hậu, bất cập so với hoàn cảnh mới của đảo quốc.

Tuy nhiên, việc xé bỏ hiến pháp cũ và lập ra hiến pháp mới gần như đồng nghĩa với

việc tuyên bố độc lập cho Đài Loan, một bước đi không nhận được nhiều sự đồng tình của người Đài vào thập niên 1990, nhất là khi nó dễ dẫn đến xung đột trực tiếp với Trung Quốc đại lục.

Lựa chọn thỏa hiệp được đưa ra là chỉnh sửa, hay cập nhật bản Hiến pháp 1947.

SÁU LẦN TRONG 10 NĂM

Bản sửa đổi Hiến pháp thứ Nhất (First revision) được thông qua vào tháng 4/1991, với 10 Điều khoản Bổ sung (Additional Articles) được thêm vào Hiến pháp 1947. [6]

Có ba thay đổi đáng chú ý:

- (1) xác lập quy tắc bầu cử đại biểu cho các cơ quan lập pháp, thay cho những đại biểu trọn đời;
- (2) xác định những ai có tư cách cử tri bằng việc đưa ra thuật ngữ “vùng tự do” (free area) để chỉ Đài Loan, tách biệt với Trung Quốc đại lục;
- (3) chấm dứt “Điều khoản lâm thời” được lập ra vào năm 1948.

Một năm sau, tháng 5/1992, Bản tu chính Hiến pháp thứ Hai (Second revision) được thông qua với tám Điều khoản Bổ sung. [7]

Thay đổi quan trọng nhất là việc quy định tổng thống và phó tổng thống sẽ được người dân bầu ra (tuy chưa xác định là theo phương thức nào). Trước đó, theo Hiến pháp cũ, Quốc dân Đại hội là cơ quan bầu ra tổng thống và phó tổng thống.

Tranh luận nổ ra về việc có nên để cử tri bầu trực tiếp tổng thống (phương thức phổ thông đầu phiếu). Những người có xu hướng độc lập ủng hộ hình thức này, còn những người thuộc phe đại lục lo ngại sẽ khó giành được phiếu của cử tri gốc Đài Loan.

Quốc dân Đại hội khi thông qua Bản tu chính thứ Hai đã thống nhất sẽ họp lại trong một, hai năm sau đó để quyết định về phương thức bầu cử tổng thống.

Trong bối cảnh đa phần dư luận đồng tình với hình thức bỏ phiếu trực tiếp, tháng 7/1994, Bản tu chính thứ Ba (Third revision) đã được thông qua, trong đó, thay đổi lớn nhất là xác định phương thức phổ thông đầu phiếu cho cuộc bầu cử tổng thống và phó tổng thống.

Bản chỉnh sửa thứ Ba đưa ra 10 Điều khoản, thay thế cho toàn bộ 18 Điều khoản Bổ sung của hai lần tu chính trước đó. [8]

Mười Điều khoản này tồn tại đến tháng 7/1997, khi lần tu chính thứ Tư (Fourth revision) đưa ra 11 Điều khoản Bổ sung thay thế cho chúng. [9]

Một năm trước đó, tháng 3/1996, người Đài Loan lần đầu tiên đi bỏ phiếu bầu trực tiếp tổng thống. Lý Đăng Huy của Quốc Dân Đảng thắng lớn, nhưng Quốc Dân Đảng không kiểm soát được hoàn toàn cơ quan lập pháp. Thế đối đầu giữa tổng thống, đảng cầm quyền và các đảng đối lập dẫn đến nhu cầu phải thay đổi cách thức chia sẻ quyền lực giữa các cơ quan hành pháp và lập pháp.

Bản tu chính thứ Tư đóng vai trò đó.

Một số điểm đáng chú ý trong các Điều khoản Bổ sung:

- (1) Lập pháp Viện (Legislative Yuan) không còn quyền xem xét chấp thuận đề cử chức thủ tướng từ tổng thống, nhưng có quyền bỏ phiếu bất tín nhiệm để phế truất thủ tướng;
- (2) trong trường hợp Lập pháp Viện phế truất thủ tướng, tổng thống có quyền giải tán Lập pháp Viện để bầu lại;
- (3) Lập pháp Viện chỉ cần đa số tối thiểu để bác bỏ yêu cầu của cơ quan hành pháp muốn xem xét lại đạo luật (trước đây cần đến hai phần ba số phiếu).

Bản tu chính này được cho là tăng quyền lực của Lập pháp Viện trong việc kiểm soát cơ quan hành pháp.

Tháng 9/1999, Bản tu chính thứ Năm (Fifth revision) được thông qua, với các Điều khoản Bổ sung chủ yếu về cơ cấu của Quốc dân Đại hội, cho phép kéo dài thời gian hoạt động và không cần thông qua bầu cử trực tiếp. [10]

Khác với những lần tu chính trước, lần thay đổi này vấp phải sự phản đối mạnh mẽ, với các lý do từ sai trình tự thủ tục đến các điều khoản trái với những quy định trước đó. Hơn một trăm nhà lập pháp thưa kiện đến Hội đồng Đại Thẩm phán (Council of Grand Justices), yêu cầu có một bản giải thích hiến pháp về thay đổi này. [11]

Tháng 3/2000, Hội đồng Đại Thẩm phán đưa ra Bản giải thích hiến pháp số 499 (Constitutional Interpretation No. 499), tuyên Bản tu chính thứ Năm là vi hiến (unconstitutional) và vô hiệu (void), các Điều khoản Bổ sung của Bản tu chính thứ Tư trước đó giữ nguyên hiệu lực. [12]

Ngay sau đó, vào tháng 4/2000, Quốc dân Đại hội đã thông qua Bản tu chính thứ Sáu (Sixth revision), cũng với những thay đổi chủ yếu về cơ cấu và cách thức làm việc của Quốc dân Đại hội, lần này đã tránh các nội dung bị gạt bỏ của Bản tu chính thứ Năm. [13]

Chỉnh sửa đáng chú ý khác là cho phép Lập pháp Viện đề xuất các cải cách hiến pháp, nhưng thẩm quyền thông qua vẫn nằm ở Quốc dân Đại hội.

Sau một thập niên với những thay đổi từng bước một, thể chế dân chủ của Đài Loan dần được hoàn thiện, và vai trò lịch sử của các tổ chức không còn liên quan, như Quốc dân Đại hội, sắp được đóng lại.

TRAO LẠI QUYỀN TU HIẾN, NHƯNG CÒN ĐÓ NHỮNG RÀO CẢN

Bản tu chính thứ Bảy (Seventh revision), lần chỉnh sửa hiến pháp gần nhất của Đài Loan, được thông qua vào tháng 6/2005. [14] Đó là lần đầu tiên Lập pháp Viện được quyền đề xuất các thay đổi trong Hiến pháp, đồng thời là lần cuối cùng Quốc dân Đại hội được quyền thông qua các chỉnh sửa này.

Ngoài các đề xuất thay đổi những Điều khoản Bổ sung cũ, Bản tu chính thứ Bảy thêm vào Điều khoản thứ 12.

Liên quan đến quyền chỉnh sửa hiến pháp, Bản tu chính thứ Bảy quy định giờ đây Lập pháp Viện là cơ quan đề xuất thay đổi, và cử tri sẽ là người trực tiếp bỏ phiếu thông qua các đề xuất đó.

Ngoài ra, cử tri còn có quyền bỏ phiếu bãi nhiệm (recall) tổng thống nếu Lập pháp Viện đề xuất và thông qua.

Quốc dân Đại hội chính thức chấm dứt vai trò lịch sử của mình tại Đài Loan với việc toàn bộ thẩm quyền xưa nay của tổ chức này đều được trao lại cho cử tri và các cơ quan khác.

Quy trình thay đổi hiến pháp giờ đây, trên lý thuyết, hoàn toàn nằm trong tay các cử tri.

Tuy vậy, trên thực tế, các rào cản mới được đặt ra khiến cho quá trình này ngày càng khó khăn hơn.

Đề xuất thay đổi hiến pháp sẽ phải được một phần tư tổng số đại biểu Lập pháp Viện đưa ra, sau đó được ba phần tư tổng

số đại biểu tham gia họp thảo luận, và được đủ ba phần tư trong số đại biểu tham gia họp bỏ phiếu tán thành. Cuối cùng, nó phải được hơn một nửa tổng số cử tri của Đài Loan bỏ phiếu thông qua.

Trong các thể chế đa đảng, không có nhiều đề xuất nhận được sự ủng hộ của tuyệt đại đa số đại biểu lập pháp, vốn thuộc nhiều đảng phái với quan điểm và lợi ích thường rất khác nhau. Các thay đổi trong hiến pháp động chạm đến những lợi ích cốt lõi, lại càng khó có thể đạt được mức đồng thuận cao như vậy.

Về yêu cầu thông qua từ phía cử tri, như một phân tích chỉ ra, ngay cả với thắng lợi thuyết phục như trường hợp của Thái Anh Văn vào năm 2020, số phiếu bầu của bà đạt được trong cuộc bầu cử tổng thống (8,2 triệu, chiếm 57%) vẫn còn kém hơn một triệu phiếu so với yêu cầu tối thiểu để thông qua một bản tu chính hiến pháp. [15]

Các rào cản này được cho là nhằm hạn chế những nhóm ủng hộ độc lập, không để họ dễ dàng thúc đẩy các cải cách lớn trong hiến pháp. Tuy nhiên, nó đồng thời tạo ra lực cản chung cho tiến trình cải cách hiến pháp.

Chỉ tính trong thập niên 1990, Đài Loan đã thực hiện sáu lần tu chính hiến pháp. Còn kể từ năm 2005 đến nay, nhiều đề xuất tu sửa đã được đưa ra nhưng chưa lần nào qua được chốt chặn ở Lập pháp Viện.

Đề xuất tu chính duy nhất qua được cửa lập pháp và sẽ được trưng cầu dân ý vào cuối tháng 11/2022 là thay đổi về giảm yêu cầu độ tuổi cử tri, từ 20 xuống 18 tuổi. [16] Bất kể đề xuất này có qua được vòng bỏ phiếu cuối cùng hay không, áp lực và nhu cầu thực hiện các cải cách hiến pháp ở Đài Loan, cùng với những biến chuyển không ngừng của môi trường chính trị, kinh tế và xã hội, sẽ chỉ tăng lên chứ không giảm đi. □

Các hội nghị **LẬP HIẾN**

tại
**ĐÀI
LOAN**

Đi đường vòng
để về đích
nhanh

*Vừa tập hợp được dân ý,
vừa huy động được trí tuệ tập thể.*

Y Chan





Vào phiên cuối cùng của Hội nghị Quốc sự (National Affairs Conference) diễn ra năm 1990, người ta nhìn thấy một cảnh tượng chưa từng xuất hiện trước đó.

Tổng Sở Du (James Soong) và Trương Tuấn Hoàn (Chang Chun-hung), hai tổng thư ký của Quốc Dân Đảng cầm quyền và Dân Tiến Đảng đối lập, cùng ngồi chủ trì cuộc họp.

Trương Tuấn Hoàn chỉ vừa được thả trước thời hạn sau khi bị kết án tù hơn 10 năm trước vì các hoạt động đấu tranh cho dân chủ. Còn Tổng Sở Du từng đứng đầu Cục Thông tin, tích cực tuyên truyền kết tội Trương Tuấn Hoàn và những người tham gia phong trào dân chủ.

Hình ảnh hai nhân vật - mới trước đó ít lâu vẫn còn là kẻ thù không đội trời chung, nay đã ngồi lại cùng nhau bàn chuyện quốc gia - được truyền đi khắp cả nước, tạo nên khoảnh khắc lịch sử và gây ấn tượng mạnh với người dân xứ Đài. [1]

Hội nghị Quốc sự năm 1990, cùng với Hội nghị Phát triển Quốc gia sau đó vào năm 1996, không chỉ có công năng quảng cáo hình ảnh. Chúng là những bước đi thực chất đầu tiên trong tiến trình cải cách hiến pháp của Đài Loan.

Tổng thống Đài Loan Lý Đăng Huy phát biểu khai mạc Quốc sự Hội nghị vào ngày 28/6/1990.
Nguồn: Lee Teng-hui Foundation.

Công cụ tập hợp sức mạnh dư luận

Các cải cách tự do dân chủ đã được bắt đầu từ cuối thập niên 1980, khi lần lượt thiết quân luật, lệnh cấm thành lập đảng phái, các rào cản dành cho báo chí và hoạt động biểu tình được gỡ bỏ. [2]

Tuy nhiên, “Điều khoản lâm thời” trói buộc Hiến pháp, cùng với đó là những điều luật lạc hậu của Hiến pháp 1947 vẫn còn đó. Quá trình dân chủ hóa không thể được diễn ra suôn sẻ một khi Hiến pháp chưa được sửa đổi.

Cơ quan có thẩm quyền sửa đổi hiến pháp là Quốc dân Đại hội (National Assembly) lại không mặn mà gì với việc tu chính hiến pháp.

Giống như các đại biểu của Lập pháp Viện (Legislative Yuan) và Giám sát Viện (Control Yuan), những đại biểu của Quốc

dân Đại hội cũng là các “đại biểu trọn đời”, được bê sang Đài Loan và giữ y ghế suốt nửa thế kỷ.

Hiển nhiên, người ta không thể trông chờ Quốc dân Đại hội, một trong những cơ quan có tính dân chủ thấp nhất, lại chủ động đề xuất các cải cách hiến pháp thúc đẩy quá trình dân chủ hóa.

Những sinh viên biểu tình trong phong trào Hoa Ly Ly Rừng (Wild Lily Movement) vào tháng 3/1990 nằm trong số những người không muốn trông chờ vào điều viễn vông đó. [3] Hàng chục ngàn người tập hợp gây áp lực lên chính quyền Quốc Dân Đảng, yêu cầu thực hiện ngay các cải cách hiến pháp theo hướng dân chủ.

Ba tháng sau, Tổng thống Lý Đăng Huy tổ chức Hội nghị Quốc sự, với 150 khách mời là đại diện của Quốc Dân Đảng, các đảng đối lập, những người thuộc giới kinh doanh và giới học thuật.

Kết quả đồng thuận cao từ hội nghị - từ việc bãi bỏ “Điều khoản lâm thời” đến các thay đổi trong bầu cử và cơ cấu của quốc hội - được xem là bằng chứng rõ ràng của dân ý.

Nó trở thành sức ép lớn buộc Quốc dân Đại hội phải thông qua các cải cách hiến pháp tương ứng.

Ba Bản tu chính Hiến pháp trong các năm 1991, 1992 và 1994 là kết quả của sự đồng thuận này. [4]

Cuộc biểu tình của
Phong trào Hoa Ly Ly
Rừng ngày 18/3/1990.
Nguồn: Wikipedia.



Công cụ dung hòa lợi ích đảng phái

Năm 1996, Lý Đăng Huy thắng cử trong cuộc bầu cử tổng thống trực tiếp đầu tiên của Đài Loan. Quốc Dân Đảng của ông trong khi đó lại không có được thế đa số đủ mạnh ở Lập pháp Viện. Tình trạng đối đầu và bế tắc tại quốc hội đòi hỏi việc chỉnh sửa hiến pháp để phân chia quyền lực hợp lý giữa các cơ quan nhà nước.

Cuối tháng 12/1996, Hội nghị Phát triển Quốc gia (National Development Conference) được tổ chức.

Tuy cùng là cơ chế phi chính thức (extra-constitutional) được dùng để thúc đẩy các đề xuất tu chính hiến pháp, Hội nghị 1996 có nhiều điểm khác biệt so với Hội nghị 1990.

Vào thời điểm 1990, Quốc Dân Đảng vẫn còn nắm quyền gần như tuyệt đối. Việc tổ chức Hội nghị Quốc sự là để tập hợp các ý kiến đồng thuận trong dư luận, từ đó gây sức ép buộc nhóm bảo thủ bên trong Quốc Dân Đảng phải thay đổi.

Còn tại thời điểm năm 1996, Đài Loan đã tiến hành các cuộc bầu cử dân chủ thực sự cho các cơ quan lập pháp lẫn vị trí tổng thống. Mọi chính đảng đều có cơ hội nắm

quyền, và thực tế là bốn năm sau đó, ứng cử viên của Đảng Dân tiến đối lập lần đầu tiên thắng cử tổng thống.

Hội nghị năm 1996 vì vậy là nơi để đại diện các đảng phái đàm phán nhằm tạo ra luật chơi mới, dung hòa lợi ích của tất cả các bên.

Kết quả của sự đồng thuận đó là Bản tu chính Hiến pháp thứ Tư được thông qua vào năm 1997, với nhiều điều khoản tăng quyền lực của Lập pháp Viện. [5]



Tòa nhà Lập pháp viện, khu Trung Chính, Đài Bắc.
Nguồn: Wikipedia.

Đi đường vòng nhưng lại đến nhanh

Một mặt, việc phải dùng đến hội nghị lập hiến phi chính thức để thống nhất đề xuất cải cách rồi sau đó chuyển cho cơ quan chính thức để thông qua có thể xem như việc đi đường vòng. Nó cũng cho thấy vấn đề của Hiến pháp, khi cơ quan được trao thẩm quyền chính thức lại không đại diện được cho ý dân.

Mặt khác, cơ chế phi chính thức này rõ ràng mang lại hiệu quả trong trường hợp chuyển đổi của Đài Loan. Chỉ trong thời gian ngắn, hàng loạt bản tu chính hiến pháp được đưa ra và thông qua một cách suôn sẻ.

Không có bước đi vòng đó, Đài Loan có thể đã không đi nhanh và bước vững đến vậy trên con đường dân chủ hóa.

Ngoài Lý Đăng Huy, các đời tổng thống khác của Đài Loan cũng tận dụng hình thức huy động trí tuệ tập thể này.

Tháng 8/2001, Tổng thống Trần Thủy Biển tổ chức Hội nghị Tư vấn Phát triển Kinh

tế (Economic Development Advisory Committee) với 120 khách mời là chuyên gia trong nhiều lĩnh vực. [6]

Mục tiêu của hội nghị là đưa ra các đề xuất vực dậy nền kinh tế và cải thiện quan hệ với Trung Quốc. Hội nghị được tiến hành theo nguyên tắc là những đề xuất được tất cả thành viên đồng thuận sẽ được chính quyền thi hành ngay lập tức, còn những chính sách được đa số thông qua sẽ được chính quyền xem xét.

Kết quả sau ba ngày họp, hội nghị đưa ra 322 đề xuất được đồng thuận, 36 ý kiến được đa số chấp thuận, và gạt bỏ 12 kiến nghị.

Tháng 11/2016, Tổng thống Thái Anh Văn cũng tổ chức Hội nghị Quốc sự Cải cách Tư pháp (National Conference on Judicial Reform), tập hợp rộng rãi các nhân sĩ trí thức với nhiều phiên làm việc kéo dài đến tháng 8/2017. [7]

Nhiều đề xuất cải cách hoạt động tư pháp, điển hình như mô hình “thẩm phán công dân” (citizen judges), đã được chính phủ tiếp nhận và thực thi sau đó. [8] □



TIẾNG ANH — PHÁP LUẬT HOA KỲ

LƯỢC SỬ HÌNH THÀNH HIẾN PHÁP HOA KỲ

Bài được đăng lần đầu trên
luatkhoa.org ngày 27/11/2014.
Có sửa đổi so với bản đăng lần đầu.

Trương Tự Minh

Giữa thế kỷ 18, đế chế Anh quốc đã mở rộng bờ cõi đến dải đất dọc theo bờ biển phía Đông của Bắc Mỹ. Ngoài số ít thổ dân bản địa châu Mỹ, nước Mỹ thời kỳ này, gồm 13 thuộc địa mà sau này trở thành 13 tiểu bang đầu tiên, chủ yếu gồm người châu Âu di dân sang định cư và nô lệ da đen. Nhờ chính sách thả lỏng từ nước Anh mẫu quốc, 13 thuộc địa được phép thành lập các chính quyền của riêng mình với nghị viện do dân địa phương bầu ra để biểu quyết về thuế và làm luật.

Năm 1765, Quốc hội Anh thông qua Đạo luật Tem (Stamp Act), theo đó áp đặt một

loại thuế mới lên vùng thuộc địa Bắc Mỹ mà không thông qua các nghị viện thuộc địa. Căng thẳng bắt đầu leo thang giữa 13 thuộc địa và mẫu quốc khi những người dân định cư từ chối đóng thuế với lý do Quốc hội Anh không được quyền đánh thuế dân thuộc địa khi mà họ không có đại diện ở Quốc hội. Đến tháng 4 năm 1775, xung đột vũ trang nổ ra giữa nhân dân thuộc địa và quân đội Anh, mở đầu cho Cách mạng Mỹ – cuộc chiến giành độc lập từ Anh quốc kéo dài trong 9 năm của người dân thuộc địa. Ngày 4 tháng 7 năm 1776, 13 thuộc địa tuyên bố độc lập bằng một văn bản mà ngày nay được xem là Tuyên ngôn Độc lập (**Declaration of Independence**) của nước Mỹ.

Hiến chương Liên hợp của 13 bang đầu tiên

Sau khi tuyên bố độc lập, các thuộc địa thành lập nên liên minh các tiểu bang, được gọi là Liên hợp bang (**Confederation**). Năm 1781, các bang cùng thông qua Các Điều khoản Liên hợp bang, hay Hiến chương Liên hợp bang (**Articles of Confederation**), được xem là Hiến pháp đầu tiên của Hoa Kỳ. Theo quy định của Hiến chương, chính quyền quốc gia chỉ có duy nhất một cơ quan là Quốc

hội (**Congress of the Confederation**) với chức năng lập pháp. Hiến chương cũng cho phép Quốc hội quyết định các vấn đề đối ngoại, tuyên bố chiến tranh và thiết lập quân đội. Tuy nhiên, vì mỗi bang vẫn giữ quyền tự quyết (**sovereignty**) trong phạm vi lãnh thổ của mình nên trên thực tế Quốc hội không thể bắt buộc bất kỳ bang nào cung cấp quân lực hay khí tài. Bên cạnh đó, Quốc hội phải dựa vào các bang để có nguồn tài chính cho các hoạt động của mình, nhưng lại không thể áp dụng chế tài khi một bang nào đó từ chối đóng góp vào ngân sách liên hợp bang.



Hội nghị Lập hiến

Sau chiến thắng của Cách mạng Mỹ năm 1783, bất ổn từ mối đe dọa ngoại bang nhường chỗ cho những bất ổn nội tại từ mối liên kết lỏng lẻo giữa các bang và một nhà nước liên hợp bang với thực quyền hạn chế. Lúc này, một chính quyền trung ương mạnh mẽ hơn là điều cần thiết để duy trì một quốc gia thống nhất và đảm bảo ổn định. Vì vậy, vào ngày 25/5/1787, tại tòa nhà Nghị viện bang Pennsylvania ở Philadelphia, nơi Tuyên ngôn Độc lập từng được các tiểu bang thông qua

11 năm trước đó, Hội nghị Lập hiến (**Constitutional Convention**) đã khai mạc với 55 đại diện tham dự đến từ các bang. George Washington lúc này được tôn vinh là người hùng quốc gia sau khi lãnh đạo Quân đội Liên hợp bang đi đến thắng lợi trong cuộc chiến giành độc lập, nên ông hiển nhiên được bầu làm Chủ tịch Hội nghị với số phiếu tuyệt đối.

Một điểm đáng lưu ý là Hội nghị được tiến hành trong những buổi họp kín, công chúng hay những người đưa tin không được phép vào dự khán. Điều này được giải thích với lý do nhằm tránh áp lực và sự chi phối từ dư luận. Tuy nhiên, dân biểu của bang Virginia – James Madison – người sau này trở thành tổng thống thứ 4 của Mỹ, đã ghi lại chi tiết những diễn biến xảy ra trong thời gian Hội nghị. [1]

Ban đầu, các đại diện tham dự được giao nhiệm vụ sửa đổi Hiến chương Liên hợp bang. Nhưng Hội nghị Lập hiến đã nhanh chóng chuyển sang hướng bàn luận để đưa ra một hiến pháp hoàn toàn mới cùng hình thức tổ chức nhà nước khác. Mùa hè năm 1787 đã rất nóng với những tranh luận và bàn cãi sôi nổi, có lúc lên đến gay gắt tưởng chừng sẽ giải tán Hội nghị. Một trong những tranh cãi nổi cộm là vấn đề đại diện của mỗi bang ở Quốc hội (**state representation**). Đại biểu tham dự Hội nghị đến từ các bang lớn đề nghị cách xác định số lượng dân biểu (**representative**) cho mỗi bang dựa trên tỷ lệ dân số, theo đó bang có số dân càng đông thì sẽ có càng nhiều dân biểu. Với cách tính như vậy rõ ràng tiểu bang với dân số ít sẽ chịu thiệt thòi, do đó các bang nhỏ đã yêu cầu phương án mỗi bang đều có số dân biểu bằng nhau.



Hội nghị Hiến pháp ở Hoa Kỳ năm 1787.
Ảnh tư liệu.

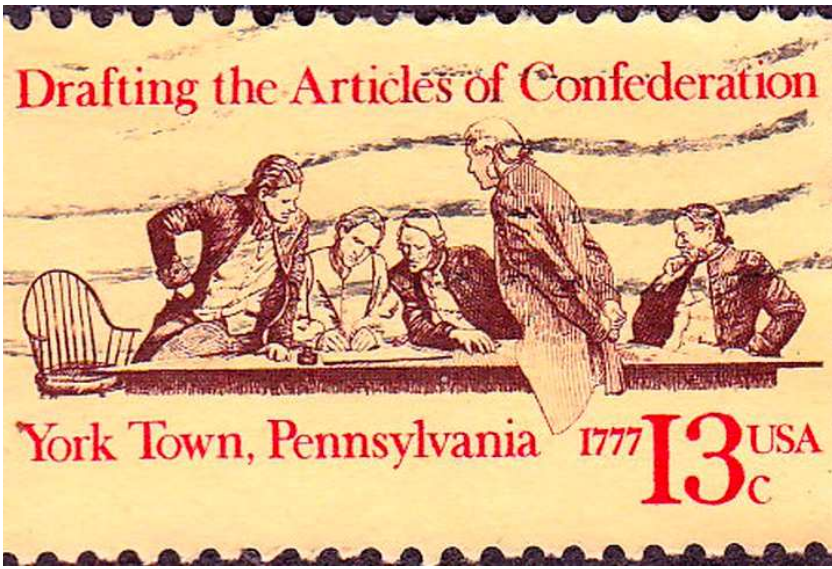
Quốc hội lưỡng viện và Tam quyền phân lập

Mâu thuẫn chỉ được giải quyết khi Thỏa hiệp Lớn, hay còn gọi là Thỏa hiệp Connecticut (**Connecticut Compromise**) được các bên ưng thuận. Thỏa hiệp đưa ra giải pháp một Quốc hội lưỡng viện (bicameral legislature) với đại diện theo tỷ lệ ở Hạ viện (**House of Representatives**) và đại diện ngang nhau ở Thượng viện (**Senate**). Sở dĩ Hạ viện được chọn theo cách tính đại diện dựa trên tỷ lệ dân số vì viện này được xem là gần gũi hơn với người dân, do đó cần phản ánh mong muốn của số đông dân chúng theo nguyên tắc đa số. Cũng vì lý do này nên Hạ viện còn được quyền khởi xướng mọi đạo luật liên quan đến nguồn thu và ngân sách liên bang.

Cùng với hình thức tổ chức Quốc hội lưỡng viện, sau cùng Hội nghị Lập hiến cũng thống nhất mô hình chính quyền gồm ba nhánh quyền lực nhà nước (**branch of government**): lập pháp (**legislature**), hành pháp (**executive**) và tư pháp (**judiciary**). Giữa ba nhánh này là quan hệ đối ứng dựa trên nguyên tắc kiểm soát và đối trọng (**checks and balances**)[2] thông qua các chế định đảm bảo không một bên nào có quyền lực vượt trội hơn nhằm ngăn tình trạng lạm quyền. Cũng xuất phát từ nguyên tắc kiểm soát và đối trọng, Hội nghị xác định phạm vi thẩm quyền và trách nhiệm của mỗi nhánh cơ quan nhà nước phải được quy định rõ ràng, cụ thể.

Đến tháng 9/1787, Ủy ban soạn thảo Hiến pháp gồm 5 thành viên (trong đó có James Madison) đã hoàn thành phiên bản cuối cùng của Hiến pháp Mỹ hiện tại gồm 4200 chữ. Hội nghị Lập hiến kết thúc khi có 39 trên tổng số 55 đại biểu tham dự ký tên đồng ý bản dự thảo hiến pháp. George Washington là người đã đặt bút ký đầu tiên.

Một con tem phát hành tại bang Pennsylvania năm 1977 để kỷ niệm 200 năm ngày bản dự thảo cuối cùng của Các Điều khoản Liên hợp bang.
Nguồn: Wikipedia.



Luận cương Thể chế Liên bang

Tuy nhiên, để Hiến pháp được thông qua trên toàn nước Mỹ, cần có ít nhất 9 trên 13 bang phê chuẩn dự thảo. Với dư âm từ những bất đồng tại Hội nghị Lập hiến, người dân Mỹ vẫn còn nhiều chia rẽ trong quan điểm liên quan đến các vấn đề như quyền tự trị của mỗi bang và nguy cơ chính quyền trung ương với quyền lực tuyệt đối sẽ nuốt chửng các bang nhỏ.

Trong nỗ lực tìm kiếm sự ủng hộ từ công chúng đối với dự thảo Hiến pháp, James Madison cùng Alexander Hamilton và John Jay đã lập nên một nhóm làm việc với bút danh Publius [3] để viết một loạt bài nhằm giải thích chi tiết mô hình nhà nước theo Hiến pháp mới và tính hiệu quả của nó. Tập hợp gồm 85 bài chính luận, gọi chung là Luận cương Thể chế Liên bang (**The Federalist/The Federalist Papers**) được đăng trên nhiều tờ báo khắp các tiểu bang từ tháng 10/1787 đến tháng 5/1788.

Những nỗ lực của nhóm Publius đã mang lại kết quả. Tháng 12/1787, 5 tiểu bang

Delaware, Pennsylvania, New Jersey, Georgia và Connecticut lần lượt thông qua bản Hiến pháp mới. Tuy nhiên, Massachusetts cùng các bang khác vẫn tiếp tục phản đối dự thảo vì cho rằng Hiến pháp cần trao quyền tự quyết cho tiểu bang trong những vấn đề địa phương khi chúng không xung đột với thẩm quyền liên bang, và quan trọng hơn, Hiến pháp cần ghi nhận và bảo vệ các quyền chính trị cơ bản của công dân.

10 Tu chính án đầu tiên – Tuyên ngôn Dân quyền

Đến tháng 2 năm 1788, Massachusetts và các bang còn lại đồng ý phê chuẩn Hiến pháp mới sau thỏa thuận cam kết rằng yêu cầu của những bang này sẽ được nhanh chóng bổ sung vào đề xuất sửa đổi Hiến pháp sau khi nó được thông qua. Nhờ vậy có thêm 3 tiểu bang gia nhập danh sách phê chuẩn gồm Massachusetts, Maryland và Nam Carolina.



Ngày 21/6/1788, New Hampshire trở thành bang thứ 9 thông qua Hiến pháp, mở đường cho guồng máy nhà nước theo Hiến pháp mới chính thức vận hành vào ngày 4/3/1789. Ngày 30/4/1789, George Washington tuyên thệ trở thành vị tổng thống đầu tiên của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ.

Cũng trong năm 1789, James Madison lúc này với cương vị là một dân biểu của Hạ viện vừa mới thành lập đã đề xuất 19 tu chính án (**amendment**) cho Hiến pháp theo như thỏa thuận trước đó. Ngày 25/9 cùng năm, cả hai viện của Quốc hội Mỹ thông qua 12 trong số các tu chính án đề xuất trước khi chuyển đến các tiểu bang xem xét. Ngày 10/12/1791, 10 trên 12 tu chính án đề xuất được các bang phê chuẩn để chính thức trở thành một phần của Hiến pháp.

Mười tu chính án này, về sau thường được gọi chung là Tuyên ngôn Dân quyền (**Bill of Rights**), ghi nhận những đảm bảo cơ bản của nhà nước đối với công dân như tự do ngôn luận, tôn giáo và báo chí; quyền được sử dụng và cất giữ vũ khí; quyền được biểu tình ôn hòa; quyền được bảo vệ khỏi việc khám xét và tịch thu vô cớ; quyền được xét xử nhanh chóng và công khai bởi một tòa án độc lập.

Vì những đóng góp và dấu ấn đậm nét trong quá trình soạn thảo cũng như thông qua Hiến pháp, James Madison đã đi vào lịch sử Hoa Kỳ với tên gọi triu mến mà người Mỹ dành cho ông: “**Father of the Constitution**” – vị Cha đẻ của Hiến pháp nước này.

(Tổng hợp và lược thuật từ cuốn ‘*Legal Terminology Explained*’ của tác giả Edward Nolfi). □

James Madison.
Ảnh tư liệu.

VIẾT THƯ CHO TRANG



Nhà báo Phạm Đoan Trang, đồng sáng lập viên - biên tập viên của Luật Khoa, bị tuyên án 9 năm tù giam vào ngày 14/12/2021 về tội “tuyên truyền chống nhà nước”.

Đây là bản án bất công và hoàn toàn trái với luật quốc tế về nhân quyền.

Hãy ủng hộ Đoan Trang bằng cách viết thư và gửi cho cô tại địa chỉ:

Phạm nhân Phạm Thị Đoan Trang, Trại giam An Phước, xã An Thái, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Hoặc bạn có thể tạo bưu thiếp cho Đoan Trang theo công cụ chúng tôi tạo sẵn trên Google Form tại đây: bit.ly/dearTrang

Tranh minh họa: Jin Jin, do Ân xá Quốc tế hỗ trợ.

Một góc nhìn *KHÔNG* *HOA MỸ* về hiến pháp

*Tường chừng xa lạ
nhưng lại rất cần thiết.*

Võ Văn Quân

Về sự dư thừa của... hiến pháp

Nếu chỉ nhìn qua đời sống kinh tế, chính trị, xã hội của Việt Nam - mà thật ra là bất kỳ quốc gia nào - thì khó có thể thấy bóng dáng hay vai trò thật sự của bản hiến pháp quốc gia.

Tôi không chỉ nói về người lao động bình dân, mà vốn dĩ việc chỉ tiêu mớ rau con cá đã là quá đủ để họ phải lao tâm lao lực hết thời giờ. Tôi còn nói đến cả những người hoạt động trong các lĩnh vực cần tri thức và thông tin cao, từ giới doanh nhân, giảng viên, kỹ sư, đến bác sĩ, luật sư hay kiến trúc sư. Nói một cách khái quát, đối với hầu hết các thành phần, tầng lớp và nhóm cộng đồng trong một quốc gia, hiến pháp thường không khác gì một tờ... giấy lộn.

Ví dụ, Điều 33 Hiến pháp Việt Nam 2013 có quy định rằng: “Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm.”

Nhưng dù là một người kinh doanh hay một luật sư nhiều năm kinh nghiệm, bạn sẽ nhận ra rằng có hàng trăm ngành nghề vốn dĩ nằm trong giới hạn của quyền tự do kinh doanh nhưng cần đến nhiều lớp đăng ký, thông tin, nhiều giấy tờ “con”, cũng như hàng loạt các yêu cầu về an toàn sức khỏe, an ninh công cộng hay an ninh tài chính. Chúng ta chưa bàn đến những quy định vẽ vờ gây khó dễ cho giới thương chủ, chúng ta chỉ mới nói đến những quy định cần thiết và phù hợp để bảo vệ lợi ích chung của xã hội.

Nói cách khác, muốn hiểu đúng và đủ khái niệm “tự do kinh doanh” trong hiến pháp Việt Nam (và thật ra cũng là các bản hiến pháp khác trên toàn thế giới), người ta cần

ít nhất một đến vài quyển chuyên khảo để diễn giải và trình bày đầy đủ ý nghĩa thật sự của nó.

Vậy câu hỏi đặt ra là, nếu hiến pháp chỉ quy định một điều khoản ngắn gọn như thế rồi các đời chính quyền sau tự động giải thích, thêm thắt, sửa đổi, bổ sung vào nội dung hiến pháp bằng các văn bản luật và dưới luật chi tiết hơn, thế chúng ta cần cái điều còn con không đủ ý đấy để làm gì?

Một ví dụ khác, Điều 24, Khoản 2 của Hiến pháp Việt Nam 2013 ghi nhận rằng “Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.”

Tuy nhiên, một cách tương đối hợp lý (ít nhất là theo người viết), quy định này không có nghĩa là tất cả các loại hình/mô hình tín ngưỡng tôn giáo đều sẽ được chính quyền chào đón. Trong một bài viết cách đây không lâu của tác giả Nguyễn Quốc Tấn Trung trên Luật Khoa, có rất nhiều dẫn chứng cho thấy những giáo phái tận thế và hệ lụy của hàng loạt môn phái tà đạo cùng những giáo điều đi ngược lại lợi ích chung đã gây ảnh hưởng kinh hoàng đến sự an toàn của công dân lẫn xã hội, khiến cho tác giả đi đến kết luận:

“[...] cần đồng ý việc quản trị các hoạt động tôn giáo là một nhu cầu thượng tầng kiến trúc có cơ sở và chính đáng. Nhu cầu này không chỉ bảo vệ quyền lợi của nhà nước, mà trong nhiều trường hợp, bảo vệ quyền lợi của công dân, các định chế xã hội căn bản như gia đình hay đạo đức.” [1]

Và trên thực tế, đúng là các quy định về quản lý tôn giáo nói chung, cũng như nhu cầu kiểm soát sự nở rộ của các giáo phái

sùng tín hay các nhóm tà đạo đều có thể được tìm thấy trong quy định của hầu hết pháp luật các quốc gia, không dưới hình thức này thì dưới hình thức khác.

Như vậy, một lần nữa, chúng ta lại thấy một nguyên tắc ngẩn có phần... cùn cùn, thiếu chiều sâu, thiếu ngữ cảnh bên trong hiến pháp không mang đến một lợi ích “cụ thể” nào cho cả các nhà lập pháp, người dân, lẫn tất cả các bên liên quan.

Mặc dù đặt ra những câu hỏi có phần hơi quá khích như vậy, tôi vẫn tin rằng Việt Nam, cũng như bất kỳ quốc gia nào trên thế giới này còn mong muốn tồn tại với một mô hình quản lý nhà nước nhất định, đều cần một bản hiến pháp (thành văn hay không thành văn).

Điều này không có nghĩa rằng bản hiến pháp nào cũng sẽ giống nhau.

Chúng ta cần tính đến việc trong hoàn cảnh lịch sử và xã hội của một quốc gia nhất định, bản hiến pháp đôi khi được sinh ra để giải quyết một vấn đề rất cụ thể chỉ có riêng tại quốc gia đó.

Lấy một ví dụ phổ biến, hiến pháp Hoa Kỳ được hình thành trong nỗi ám ảnh về mối quan hệ của chính quyền trung ương và chính quyền tiểu bang. Mong muốn hạn chế quyền lực nhà nước, mong muốn hạn chế sự can thiệp của một hệ thống cai trị kiểu Đế quốc Anh vào đời sống và kinh tế của người dân trở thành cốt lõi cho hiến pháp Hoa Kỳ cũng như tất cả các Tu chính án hình thành sau đó.

Song tại Việt Nam, câu chuyện có vẻ hoàn toàn ngược lại.

Chúng ta từng là một quốc gia quân chủ chuyên chế suốt hàng thế kỷ mà không có

sự cải tiến nổi bật nào về mặt thể chế. Mặc dù người Pháp mang chủ nghĩa thực dân đến với mô hình quản lý có tiến bộ hơn, nhưng mục tiêu chính yếu không hẳn là tạo ra sự vượt trội về mặt văn minh, nhân quyền hay kỹ thuật lập pháp so với chính quyền phong kiến Việt Nam.

Suốt gần một thế kỷ kháng chiến chống Pháp, các nhóm trí thức tinh hoa yêu nước vẫn còn loay hoay xoay sở không biết nên chọn con đường lập quốc mới ra sao. Kể cả các tên tuổi lớn như Phan Bội Châu hay Phan Châu Trinh đều gặp phải nhiều trục trặc trong việc xác định một con đường nhất định cho mình.

Năm 1945, lực lượng Việt Minh thành công chiếm giữ vị trí lãnh đạo của các lực lượng yêu nước vốn kỳ vọng xây dựng nên một chính phủ cộng hòa. Nhưng nền cộng hòa đó mãi chưa thành hình, vì hóa ra cái lỗi mà chính quyền mới theo đuổi vẫn là gốc chuyên chính vô sản.

Nghiêm túc mà nói, chưa từng có một thảo luận về “kiểm soát quyền lực nhà nước” trong suốt tiến trình lịch sử lập hiến hiện đại Việt Nam. Nhà nước luôn được xem là công cụ tuyệt đối để kiểm soát, quản lý và dẫn dắt xã hội.

Vậy nên, mang các khái niệm nhân quyền hay kiểm soát và cân bằng (check and balance) vào các thảo luận hiến pháp Việt Nam một cách thiếu cân nhắc và thiếu giải trình sẽ rất dễ lạc quẻ trong suốt lịch sử phát triển của nền lập hiến. Hiên nhiên, những thuật ngữ này xuất hiện khá thường xuyên trong các văn bản pháp luật Việt Nam, kể cả hiến pháp. Song các định chế chính trị được xây dựng bên trong hiến pháp có phản ánh những nguyên tắc này hay không lại là một câu chuyện khác.

Không chỉ vậy, lấy ví dụ, nếu quá chú trọng đến một khuôn mẫu tam quyền phân lập

(tức hành pháp - lập pháp - tư pháp có vai trò kiểm soát, đối trọng lẫn nhau như mô hình Hoa Kỳ), chúng ta hoàn toàn có thể bỏ lỡ các mô hình khác phù hợp hơn với Việt Nam (như mô hình cộng hòa đại nghị ở Anh hay Đức).

Dù sao đi chăng nữa, các bản hiến pháp nói chung đều có những đóng góp nhất định cho các cộng đồng chính trị, bất kể chúng có được “dân chủ” hay “độc tài” biên soạn.

Bỏ qua các diễn ngôn tốt đẹp về nhân quyền, về kiểm soát quyền lực nhà nước, hay xây dựng nền dân chủ, liệu hiến pháp cần thiết đến mức nào?

Xác định danh tính của một cộng đồng chính trị: Bản sơ yếu lý lịch quốc gia

Điều đầu tiên mà bất kỳ bản hiến pháp nào cũng sẽ phải làm, nhưng ít người cân nhắc nó theo góc nhìn này, là hiến pháp sẽ xác định danh tính của cộng đồng chính trị.

Nếu mới gặp nhau làm việc, người ta thường hay giới thiệu tên họ, nguyên quán, nghề nghiệp và các vấn đề liên quan, thì hiến pháp giống như một bản sơ yếu lý lịch dành cho quốc gia.

Hiển nhiên, sơ yếu lý lịch của cá nhân có nhiều yếu tố, nên sơ yếu lý lịch quốc gia cũng không phải ngoại lệ.

Từ vấn đề tên họ, nhân dạng, nguyên quán, ngày tháng năm sinh (mà có thể liên hệ với biên giới, quốc hiệu, quốc kỳ, quốc ca, cách xác định công dân của một quốc gia) cho đến lịch sử làm việc, tính cách, sở thích hay các nguyên tắc cá nhân

(mà có thể liên hệ tới hình thức chính thể, ý thức hệ chính trị của một quốc gia), đó đều là những thông tin thiết yếu.

Công dân của một quốc gia dù quan tâm đến chính trị hay không, dù có cho rằng nhân quyền cần thiết hay không, hay tin tưởng tam quyền phân lập là con đường đúng để xây dựng nhà nước hay không, thì họ đều cần phải biết mình đang sống ở quốc gia nào, thể chế chính trị cơ bản của nó ra sao, cộng đồng này kỳ vọng lòng trung thành như thế nào ở họ.

Một bộ phận rất lớn người Việt có thể không hứng thú mấy với chính trị, chính thể hay chính quyền, nhưng họ biết khá rõ rằng Việt Nam là một nhà nước “Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa”. Và cộng hòa xã hội chủ nghĩa thì sẽ khác biệt ít nhiều với các nhà nước tư bản - dù có thể họ không giải thích hết được.

Hoặc người dân Iran cũng có thể không rành lắm về cấu trúc nhà nước Iran và mối liên hệ rõ ràng giữa giới chức sắc tôn giáo, “lãnh tụ tối cao”, với các chức danh dân cử như tổng thống và chính phủ của ông ta. Tuy nhiên, người Iran biết rõ rằng cộng đồng chính trị của họ đang được xây dựng dưới danh nghĩa nhà nước cộng hòa Hồi giáo - một phiên bản cộng hòa khác với niềm tin rằng nó sẽ ưu việt hơn cả hai luồng tư tưởng chính trị thống trị thế giới thời bấy giờ là chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa tư bản.

Tương tự, đối với người Mỹ, dù không phải ai cũng hứng thú với chính trường lưỡng đảng, ít nhất họ đều hiểu được niềm tin sắt đá của đại bộ phận cộng đồng chính trị nước này vào hệ thống tam quyền phân lập. Phần lớn nội dung của bản Hiến pháp Hoa Kỳ tập trung diễn giải và đưa ra các sáng kiến lập hiến về nội dung này.

Hiển nhiên, không ai có thể biết rõ bản chất con người thông qua việc chỉ nhìn vào sơ yếu lý lịch, nhưng ít ra chúng ta nhận dạng được các đặc trưng cơ bản và khác biệt nhất của một người. Tương tự như vậy, thông tin về một quốc gia - thông qua tên gọi, quốc kỳ, biên giới, các vấn đề về quốc tịch - được ghi nhận tổng quan và dễ hiểu nhất bên trong Hiến pháp.

Không chỉ vậy, tương tự như cách người ta nhìn vào lịch sử công việc và quá trình đào tạo của một cá nhân thông qua sơ yếu lý lịch để hiểu về định hướng và tương lai nghề nghiệp - chính trị của họ, những nội dung như hình thức chính thể hay tư tưởng chính trị chủ đạo được ghi nhận trong hiến pháp cho người đọc một nhận thức tương đối căn bản về con đường, tầm nhìn và định hướng của một quốc gia.

Ví dụ, dù Hiến pháp của hai quốc gia là Việt Nam và Bắc Triều Tiên đều tự xác nhận mình là các quốc gia xã hội chủ

nghĩa (socialist state) và khẳng định vai trò lãnh đạo của chính đảng cộng sản cầm quyền (Đảng Cộng sản Việt Nam - Điều 4 và Đảng Lao động Triều Tiên - Điều 11), nhưng không khó để nhận ra những khác biệt bản chất của hai nhà nước.

Bản Hiến pháp Bắc Triều Tiên liên tục nhắc đến sự bất tử và công lao trời biển của “đồng chí Kim Il Sung (Kim Nhật Thành)” với cái tên Kim Il Sung được nhắc đi nhắc lại tổng cộng 16 lần cùng với những lời tán tụng ngút trời như:

“Đồng chí Kim Il Sung là một nhà tư tưởng thiên tài và một nhà lãnh đạo nghệ thuật thiên phú, đấng chỉ huy lỗi lạc - ý chí sắt đá - tất thắng, một nhà cách mạng và chính trị gia vĩ đại, và một con người hoàn hảo”; hay

“Đồng chí Kim Il Sung là ánh dương của đất nước, là ngôi sao dẫn đường của Tổ quốc.”[2]

Trong khi đó, bản Hiến pháp 2013 của Việt Nam nhắc đến “Chú tịch Hồ Chí Minh” hai lần và chỉ nhắc lại các sự kiện lịch sử quan trọng như thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam hay đọc bản tuyên ngôn độc lập. Việc tán tụng một lãnh tụ liên hồi trong hiến pháp với lời lẽ thần thánh có ý nghĩa quyền lực mềm lớn, chúng tỏ tư duy lập pháp không hề rạch ròi giữa quyền lực cá nhân và quyền lực nhà nước. Điều này gần như tạo ra một nền tảng thần quyền cho gia đình họ Kim ở Bắc Triều Tiên.

Nhờ so sánh hai bản hiến pháp, chúng ta có thể nhận thức và lý giải bản chất khác nhau hoàn toàn của hai nhà nước (dù cùng theo đuổi chủ nghĩa cộng sản), đặc biệt là tính chất gia đình trị và độ chuyên chế cao của Bắc Triều Tiên.

Như vậy, nếu bạn không thể nói dối trên sơ yếu lý lịch thì các nhà nước cũng ít khi nói dối trong bản hiến pháp của họ.

Xác định cơ chế quyền lực: Tính “dự đoán được” của nhà nước

Đến đây, câu hỏi đang hiện lên trong đầu một số độc giả có lẽ là vì sao các chính quyền lại không... nói dối trong bản hiến pháp của họ?

Tại sao giới cầm quyền lại không thể “treo đầu dê, bán thịt chó” trong các bản hiến pháp của mình?

Nếu là các chính quyền có xu hướng cộng hòa thực chất, có tính dân chủ và đối thoại cao, hiển nhiên các định chế văn hóa và chính trị của những quốc gia này chắc chắn không cho phép việc “xảo trá” trong hiến pháp xảy ra.

Các chính đảng mong muốn thể hiện đúng phần nào quan điểm của các cử tri.

Cơ chế bảo hiến thông qua hoạt động tư pháp độc lập cũng tạo điều kiện cho nhiều chủ thể trong xã hội tham gia vào hoạt động giám sát và thách thức các tham vọng lập hiến đi ngược lại với những nguyên tắc cơ bản của hiến pháp (thường là quyền con người hay giới hạn quyền lực nhà nước).

Không chỉ vậy, lịch sử và văn hóa phát triển pháp luật của những quốc gia này cũng ít khi tạo điều kiện cho các cá nhân nắm quyền suy nghĩ như thế.

Một câu hỏi khác là điều gì ngăn cản hiến pháp của các quốc gia toàn trị chấp nhận những tư duy tiến bộ như trong hiến pháp

Hoa Kỳ, Pháp, hay Vương quốc Anh, mà ngược lại, họ còn khư khư giữ lấy những điều càn dở, phản tiến bộ trên thực tế?

May mắn thay câu hỏi này cũng không phải là nan giải.

Một trong những nghiên cứu có thể nói là “chỉ mặt đặt tên” cho đúng tình huống này có tựa đề khá thú vị: “Dictators as Founding Fathers? The Role of Constitutions Under Autocracy” (tạm dịch: Những tên độc tài là những nhà lập quốc? Vai trò của hiến pháp trong các chính thể chuyên chế). [3] Trong đó, nhóm tác giả thống kê và nhận xét: đúng là các nhà độc tài và các chính thể chuyên chế nói chung có rất nhiều công cụ để thực thi quyền lực của mình. Từ đàn áp chính trị (political repression), đến cấu kết chính trị (political cooptation), hay xây dựng mạng lưới quyền lực bảo trợ (clientelistic networks), v.v. Sự đa dạng của những công cụ này khiến cho hiến pháp ít khi được người ta xem xét là một công cụ hữu hiệu cho các nhà độc tài.

Tuy nhiên, nhóm tác giả cân nhắc và nhận ra rằng, dù một chính thể có chuyên chế đến đâu, một bản hiến pháp vẫn có vai trò cực kỳ quan trọng trong việc xây dựng lòng trung thành chấp nhận được đối với đại chúng. Quan trọng hơn, hiến pháp là nền tảng tin tưởng giữa nhà độc tài và các nhóm bảo trợ, giữa các phe phái quyền lực của cùng một nhánh chuyên chế, hay thậm chí là giữa nhà độc tài với sự nghi kỵ của đại bộ phận nhân dân nói chung.

Vì lý do này, những bản hiến pháp chuyên chế vẫn phải làm một việc mà các bản hiến pháp cấp tiến buộc phải làm: xây dựng cơ chế phân bổ quyền lực (distribution of power).

Nói cách khác, bên trong các bản hiến pháp toàn trị, chúng ta vẫn sẽ tìm thấy được các điều khoản rất quen thuộc trong các bản hiến pháp bình thường: từ quy định về thẩm quyền hành chính, việc thể chế hóa một số quy định nhân quyền, và như đã nói, phân bổ quyền lực giữa các chủ thể chính trị cầm quyền.

Một chính quyền toàn trị hay độc tài, như vậy, cũng cần tính dự đoán được (predictability) và các kỳ vọng chính trị (expectation) trong phạm vi chấp nhận được đối với giới chóp bu lẫn đại đa số quần chúng. Hiến pháp là câu trả lời có phần chắc chắn, tạo nền tảng chính danh cho hệ thống kiểm soát quốc dân, hợp thông lệ quốc tế, và “thời trang” hơn rất nhiều so với những thỏa thuận ngầm vốn có thể bị phá vỡ bất kỳ lúc nào.

Như vậy, nhà nước toàn trị cũng cần một bản hiến pháp, nhưng để phục vụ ý định lập ra “định mức khuây khỏa” với xã hội cũng như với nội bộ hệ thống chính trị của nó, chứ không phải hướng đến sự hoàn thiện hay cấp tiến thuần túy theo cách mà chúng ta đang mong đợi.

Ngay cả khi bỏ qua những gì tốt đẹp nhất và hoa mỹ nhất của một bản hiến pháp đúng nghĩa như quyền con người, giới hạn thẩm quyền nhà nước và xây dựng một kim chỉ nam xứng đáng cho toàn bộ hệ thống pháp luật quốc gia, thì bản chất của hiến pháp vẫn phản ánh những lợi ích nhất định không chỉ cho những nhà cầm quyền, mà còn cho cả những người dân đang sinh sống trong lãnh thổ của quốc gia đó.

Đôi khi không nhất thiết phải đấu tranh vì nhân quyền hay ghi nhận rõ ràng các giới hạn của nhà nước, hoặc quá tập trung vào việc phải xác lập tam quyền phân lập trong hiến pháp, quá trình sửa đổi và hoàn thiện hiến pháp tại các quốc gia có xu hướng toàn trị đôi khi đơn giản chỉ là hiểu cách nó vận hành, hiểu rằng thứ gì dù có ghi nhận cũng có thể bị vô hiệu hóa, hay thứ gì được ghi nhận sẽ tạo nên lợi thế để đẩy mạnh tiến trình dân chủ.

Theo tôi, có hiểu như vậy thì các nhóm chính trị và các cộng đồng khác nhau ở Việt Nam mới có thể tìm ra các phương án khả thi cho quá trình sửa đổi hiến pháp trong tương lai, đặc biệt là khi tương lai chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn còn có vẻ rất chắc chắn. □

CHÚ THÍCH

LỊCH SỬ LẬP HIẾN VIỆT NAM

1. Chieu, V. N. (1986). The Other Side of the 1945 Vietnamese Revolution: The Empire of Viet-Nam (March-August 1945). The Journal of Asian Studies, 45(2), 293–328. <https://doi.org/10.2307/2055845>
2. Hiến pháp 1946 Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Thuvienphapluat.vn. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-1946-Viet-Nam-Dan-Chu-Cong-Hoa-36134.aspx>
3. pro&contra» Nguyễn Văn Bông – Luật Hiến pháp và Chính trị học (17). (2015). Procontra.asia. <http://www.procontra.asia/?p=3407>
4. Hiến pháp Việt Nam Cộng hòa 1956. Vietnamconghoaphapdinh.com. <http://vietnamconghoaphapdinh.com/SUB-HienPhap/HienPhap130421114.shtml>
5. Hiến pháp 1959 Việt Nam Dân Chủ Cộng hòa. Thuvienphapluat.vn. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-1959-Viet-Nam-Dan-Chu-Cong-Hoa-36855.aspx>
6. Hiến pháp Việt Nam Cộng hòa 1967. Vietnamconghoaphapdinh.com. <http://vietnamconghoaphapdinh.com/SUB-HienPhap/HienPhap1303030043.shtml>
7. Hiến pháp 1980 Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Thuvienphapluat.vn. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-1980-Cong-hoa-Xa-hoi-Chu-Nghia-Viet-Nam-36948.aspx>
8. Hiến pháp 1992 Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam. Thuvienphapluat.vn. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-1992-cong-hoa-xa-hoi-chu-nghia-viet-nam-38238.aspx>
9. Nghị quyết 51/2001/NQ-QH10 bổ sung điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992. Thuvienphapluat.vn. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-quyet-51-2001-NQ-QH10-bo-sung-dieu-cua-Hien-phap-nuoc-cong-hoa-xa-hoi-chu-nghia-Viet-Nam-nam-1992-4342.aspx>
10. Hiến pháp năm 2013. Thuvienphapluat.vn. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-nam-2013-215627.aspx>

ĐIỀU 4 CÓ TỰ BAO GIỜ?

1. BUI, T. H. (2016, November 23). Constitutionalizing Single Party Leadership in Vietnam: Dilemmas of Reform. Asian Journal of Comparative Law, 11(2), 219–234. <https://doi.org/10.1017/asjcl.2016.22>
2. Hiến pháp 1959 Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Thuvienphapluat.vn. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-1959-Viet-Nam-Dan-Chu-Cong-Hoa-36855.aspx>

HIẾN PHÁP VIỆT NAM KHÔNG CẤM ĐA ĐẢNG

1. Hiến pháp năm 2013. Thuvienphapluat.vn. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-nam-2013-215627.aspx>
2. Hiến pháp 1980 Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Thuvienphapluat.vn. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-1980-Cong-hoa-Xa-hoi-Chu-Nghia-Viet-Nam-36948.aspx>
3. phuonngdt. (2019, September 25). Thành lập Đảng Dân chủ Việt Nam. dangcongsan.vn. [https://dangcongsan.vn/tu-lieu-tham-](https://dangcongsan.vn/tu-lieu-tham-khao-cuoc-thi-trac-nghiem-tim-hieu-90-nam-lich-su-ve-vang-cua-dang-cong-san-viet-nam/tu-lieu-90-nam-lich-su-dang-thanh-lap-dang-dan-chu-viet-nam-536979.html)

[khao-cuoc-thi-trac-nghiem-tim-hieu-90-nam-lich-su-ve-vang-cua-dang-cong-san-viet-nam/tu-lieu-90-nam-lich-su-dang-thanh-lap-dang-dan-chu-viet-nam-536979.html](https://dangcongsan.vn/tu-lieu-tham-khao-cuoc-thi-trac-nghiem-tim-hieu-90-nam-lich-su-ve-vang-cua-dang-cong-san-viet-nam/tu-lieu-90-nam-lich-su-dang-thanh-lap-dang-dan-chu-viet-nam-536979.html)

4. Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo Nhà nước và xã hội là tất yếu khách quan. (2020). Tạp Chí Mặt Trận Online. <http://tapchimatran.vn/nghien-cuu/dang-cong-san-viet-nam-lanh-dao-nha-nuoc-va-xa-hoi-la-tat-yeu-khach-quan-36110.html>
5. Cựu chính đảng tại nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Wikipedia.org. https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A3ng_D%C3%A2n_ch%E1%BB%A7_Vi%E1%BB%87t_Nam
6. BUI, T. H. (2016, November 23). Constitutionalizing Single Party Leadership in Vietnam: Dilemmas of Reform. Asian Journal of Comparative Law, 11(2), 219–234. <https://doi.org/10.1017/asjcl.2016.22>
7. LS Trần Vũ Hải gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội bản Dự thảo Ý kiến về Thành lập và Tham gia đảng phái. (2013). Boxitvn. <https://boxitvn.blogspot.com/2013/08/ls-tran-vu-hai-gui-uy-ban-thuong-vu.html>
8. ĐÃ CÓ ĐỦ CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ THÀNH LẬP ĐẢNG KHÁC NGOÀI ĐẢNG CSVN ? (LS Nguyễn Lệnh). (2013, August 30). Ngoclinhvugia's Blog; Ngoclinhvugia's Blog. <https://ngoclinhvugia.wordpress.com/2013/08/30/da-co-du-can-cu-phap-ly-de-thanh-lap-mot-dang-khac-ngoai-dang-csvn-ls-nguyen-lenh>

BA LÝ DO KHIẾN HIẾN PHÁP 1946 VẪN LUÔN HẤP DẪN

Trong bài, tác giả đính kèm link nguồn tại lời phát biểu của nhân vật được trích dẫn.

VIỆT NAM CỘNG HÒA | HIẾN PHÁP VIỆT NAM CỘNG HÒA NÓI GÌ VỀ ĐẢNG PHÁI?

1. Luật Hiến pháp và Chính trị học, Nguyễn Văn Bông, Sài Gòn, 1967 (in lần thứ nhất), 1969 (in lần thứ hai), 2013 (bản điện tử do pro&contra thực hiện).
2. Hiến pháp Việt Nam Cộng hòa năm 1967, đăng trong tác phẩm Luật Hiến pháp và Chính trị học, Nguyễn Văn Bông, Sài Gòn, 1967 (in lần thứ nhất), 1969 (in lần thứ hai), 2013 (bản điện tử do pro&contra thực hiện)

BIÊN NIÊN SỬ “SỞ HỮU ĐẤT ĐAI” VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI: HIỂU SAO CHO ĐÚNG?

1. Báo Thanh Niên. Tổng bí thư: ‘Quyền sử dụng đất không phải quyền sở hữu’. Retrieved September 25, 2022, from <https://thanhnien.vn/tong-bi-thu-quyen-su-dung-dat-khong-phai-quyen-so-huu-post1457098.html>
2. VnExpress, ‘Ho Chi Minh City Ranked among Top 5 Real Estate Markets in Asia-Pacific - VnExpress International’ (VnExpress International - Latest news, business, travel and analysis from Vietnam) <<https://e.vnexpress.net/news/business/ho-chi-minh-city-ranked-among-top-5-real-estate-markets-in-asia-pacific-3501466.html>> accessed 26 September 2022.
3. Về Chế độ sở Hữu Trong Hiến Pháp năm 1992 và Việc Sửa đổi, Bổ sung - Tạp Chí Quốc Phòng Toàn dân. Retrieved September 25, 2022, from <http://tapchiquotd.vn/vi/tuyen-truyen-ve-thuc-hien-hien-phap/ve-che-do-so-huu-trong-hien-phap-nam-1992-va-viec-sua-doi-bo-sung/1745.html>
4. Sắc lệnh quy định về chính sách ruộng đất. (2007, May 30). LuatVietnam. Retrieved September 25, 2022, from <https://luatvietnam.vn/linh-vuc-khac/sac-lenh-149-sl-chu-tich-nuoc-871-d1.html>
5. Sắc lệnh 88/SL định thể lệ lĩnh canh ruộng đất. (n.d.) Retrieved September 25, 2022, from [https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bat-dong-san/Sac-lenh-88-SL-dinh-the-le-](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bat-dong-san/Sac-lenh-88-SL-dinh-the-le-linh-can-huoc-dat-36578.aspx)

[linh-can-huoc-dat-36578.aspx](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bat-dong-san/Sac-lenh-88-SL-dinh-the-le-linh-can-huoc-dat-36578.aspx)

6. Sắc lệnh 03/SL về bổ thu thóc quân lương ruộng tạm cấp, ngày 06 tháng 02 năm 1951 <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Sac-lenh-3-SL-bo-thu-thoc-quan-luong-10-loai-ruong-dat-tam-cap-dan-cay-36642.aspx>
7. ‘Sắc Lệnh 150/SL Thành Lập Toà Án Nhân Dân Đặc Biệt Nơi Phát Động Quần Chúng Thi Hành Chính Sách Ruộng Đất’ <<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bat-dong-san/Sac-lenh-150-SL-thanh-lap-Toa-an-nhan-dan-Dac-biet-noi-phat-dong-quan-chung-thi-hanh-chinh-sach-ruong-dat-36726.aspx>> accessed 26 September 2022.
8. ‘Luật Cải Cách Ruộng Đất 1953 197/SL’ <<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bat-dong-san/Luat-Cai-cach-ruong-dat-1953-197-SL-36743.aspx>> accessed 26 September 2022.
9. ‘Cải Cách Ruộng Đất, Cải Cách Điền Địa và Người Cày Có Ruộng’ (Luật Khoa tạp chí, 11 October 2015) <<https://www.luatkhoe.com/2015/10/cai-cach-ruong-dat-cai-cach-dien-dia-va-nguoi-cay-co-ruong/>> accessed 26 September 2022.
10. Đặng Thị Phượng, ‘Chế độ sở hữu đất đai Việt Nam trong lịch sử và hiện nay’, Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam, Số 12/85 2014 <<https://cvi.vn/files.wordpress.com/2017/04/che1bbbf-c491e1bb99-se1bb9f-he1bbbf-c491e1baa5t-c491ai-e1bb9f-vn-trong-le1bb8bch-se1bbad-vc3a0-hie1bb87n-nay-c491tp.pdf>>
11. Võ Văn Quàn, ‘Ba Hiếu Lầm Phổ Biến về Tình Hình Đất Đai và Đời Sống Nông Dân Thời Việt Nam Cộng Hòa - Luật Khoa Tạp Chí’ <<https://luatkhoa.org/2021/04/ba-hieu-lam-pho-bien-ve-tinh-hinh-dat-dai-va-doi-song-nong-dan-thoi-viet-nam-cong-hoa/>> accessed 26 September 2022.
12. Tham khảo một số bài viết liên quan trên Luật Khoa.
13. ‘Kiểu Nại, Tổ Cáo: Chủ Yếu ở Lĩnh Vực Đất Đai; Tăng Tranh Chấp Kinh Tế’ <<https://www.qdnd.vn/chinh-tri/tin-tuc/tinh-hinh-khieu-nai-to-cao-chu-yeu-o-linh-vuc-dat-dai-xu-huong-gia-tang-tranh-chap-kinh-te-705290>> accessed 26 September 2022.
14. Xem [15]
15. ‘Chế Độ Sở Hữu Toàn Dân về Đất Đai Do Nhà Nước Đại Diện Chủ Sở Hữu ở Việt Nam | Tạp Chí Tuyên Giáo’ <<https://tuyengiao.vn/nghien-cuu/che-do-so-huu-toan-dan-ve-dat-dai-do-nha-nuoc-dai-dien-chu-so-huu-o-viet-nam-138401>> accessed 26 September 2022.
16. ‘Loạt địa phương hủy dự án nghìn tỷ của FLC’ (ZingNews.vn, 7 August 2022) <<https://zingnews.vn/zingnews-post1342965.html>> accessed 26 September 2022.

PHONG TRÀO LẬP HIẾN 2013 - MỘT LỊCH SỬ NGẮN

1. Đoàn Trang. (2022, October 16). Lược sử cuộc sửa đổi Hiến pháp Việt Nam 1992 - Timeline of the Constitutional Amendment in Vietnam. Archive.org. <https://web.archive.org/web/20211027125006/http://www.phamdoantrang.com/2013/04/luoc-su-cuoc-sua-oi-hien-phap-viet-nam.html>
2. Nghị quyết 06/2011/QH13 sửa đổi Hiến pháp Việt Nam năm 1992 do Quốc hội ban hành. Thuvienphapluat.vn. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-quyet-06-2011-QH13-sua-doi-hien-phap-Viet-Nam-nam-1992-do-Quoc-hoi-ban-hanh-127965.aspx>
3. Nghị quyết 38/2012/QH13 tổ chức lấy ý kiến nhân dân Dự thảo sửa đổi Hiến pháp. Thuvienphapluat.vn. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-quyet-38-2012-QH13-to-chuc-lay-y-kiem-nhan-dan-Du-thao-sua-doi-Hien-phap-152941.aspx>
4. Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992.

- 2022). Ban Nội Chính Trung Ương. <https://noichinh.vn/van-ban-noi-chinh-va-pctn/van-ban-phap-luat/201310-du-thao-sua-doi-hien-phap-nam-1992-292771>
5. KIẾN NGHỊ VỀ SỬA ĐỔI HIẾN PHÁP 1992. (2013). Archive.org. <https://web.archive.org/web/20221016061517/https://boxitvn.blogspot.com/2013/01/kiem-nghi-ve-sua-oi-hien-phap-1992.html>
6. Tễu. (2020, October 16). THÔNG BÁO CỦA CÁC NH N SĨ TRÍ THỨC KHỎI XƯỚNG “KIẾN NGHỊ HIẾN PHÁP”. Blogspot.com. <https://xuandienhannom.blogspot.com/2013/02/thong-bao-cua-cac-nhan-si-tri-thuc-khoi.html>
7. Thông báo của Nhóm soạn thảo và ký đầu tiên Kiến nghị 72 về công văn trả lời của Ủy ban Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992. (2013). Archive.org. <https://web.archive.org/web/20220517172813/https://boxitvn.blogspot.com/2013/02/thong-bao-cua-nhom-soan-thao-va-ky-aoi.html>
8. VOA Tiếng Việt. (2013, February 26). Tổng Bí thư Việt Nam yêu cầu xử lý “suy thoái tư tưởng chính trị.” VOA; VOA Tiếng Việt. <https://web.archive.org/web/20221016070647/https://www.voatiengviet.com/a/tbt-vietnam-yeu-cau-xu-ly-suy-thoai-tu-tuong-chinh-tri/1610935.html>
9. Cùng Viết Hiến Pháp. (2013, February 26). Vài lời với TBT ĐCS VN Nguyễn Phú Trọng – Nguyễn Đắc Kiên. <https://web.archive.org/web/20170911043016/https://hienphap.wordpress.com/2013/02/26/vai-loi-voi-tbt-dcs-vn-nguyen-phu-trong-nguyen-dac-kiem>
10. kieudiep. (2021, September 19). Anh Nguyễn Đắc Kiên không còn tư cách là phóng viên Báo Gia đình & Xã hội. Archive.org; <https://web.archive.org/web/20221016131447/https://giadinh.suckhoedoisong.vn.https://web.archive.org/web/20221016131447/https://giadinh.suckhoedoisong.vn/anh-nguyen-dac-kiem-khong-con-tu-cach-la-phong-vien-bao-giadinh-xa-hoi-172130226054736172.html>
11. LỜI TUYÊN BỐ CÔNG DÂN TỰ DO. (2022, October 16). Archive.org. <https://web.archive.org/web/20220307000555/https://huynhngocchenh.blogspot.com/2013/02/loi-tuyen-bo-cong-dan-tu-do.html> và Lời Tuyên Bố của các Công Dân Tự Do. (2013). Dân Lâm Báo. <https://danlambao.vn.blogspot.com/2013/02/loi-tuyen-bo-cua-cac-cong-dan-tu-do.html>
12. Thư của Hội đồng Giám mục Việt Nam nhận định và góp ý sửa đổi Hiến pháp. (2013). Conggiao.info. <https://conggiao.info/thu-cua-hoi-dong-giam-muc-viet-nam-nhan-dinh-va-gop-y-sua-doi-hien-phap-d-14056>
13. Kéo dài thời gian góp ý Hiến pháp – BBC Vietnamese – Việt Nam. (2013). Archive.org. https://web.archive.org/web/20210211074426/https://www.bbc.com/vietnamese/vietnam/2013/03/130306-nguyen_xuanhuc_hienphap
14. My, T. (2013, March 12). Blogger Nguyễn Hữu Vinh: Dù bị đánh phá, trang Ba Sàm vẫn “bất tử.” RFI; RFI. <https://web.archive.org/web/20211207123100/https://www.rfi.fr/vi/viet-nam/20130312-blogger-nguyen-huu-vinh-du-bi-danh-pha-trang-ba-sam-van-vc2%ab-hat-tu-%c2%bb>
15. BBC News Tiếng Việt. (2013, March 23). Ông Nguyễn Đình Lộc nói về Kiến nghị 72. https://web.archive.org/web/20210410152907/https://www.bbc.com/vietnamese/vietnam/2013/03/130323-nguyendinhloc_kiennghi72
16. Ý kiến. (2013, April). Cùng Viết Hiến Pháp; Cùng Viết Hiến Pháp. <https://web.archive.org/web/20221016125943/https://hienphap.wordpress.com/y-kiem>
17. Đề xuất. (2013, April). Cùng Viết Hiến Pháp; Cùng Viết Hiến Pháp. <https://web.archive.org/web/2020092715159/https://hienphap.wordpress.com/ket-qua-khao-sat>
18. THÔNG BÁO CỦA NHÓM SOẠN THẢO VÀ KÝ KIẾN NGHỊ 72* VỀ SỬA ĐỔI HIẾN PHÁP. (2013). Archive.org. <https://web.archive.org/web/20160925090119/http://boxitvn.blogspot.com/2013/04/thong-bao-cua-nhom-soan-thao-va-ky-kiem.html>
19. Đoàn Trang. (2022, October 16). Constituent Power Must Belong to the People – Quyền lập hiến phải thuộc về Nhân Dân. Archive.org. <https://web.archive.org/web/20220125111349/http://www.phamdoantrang.com/2013/04/constituent-power-must-belong-to-people.html>
20. THÔNG BÁO CỦA NHÓM SOẠN THẢO VÀ KÝ KIẾN NGHỊ 72 VỀ SỬA ĐỔI HIẾN PHÁP. (2013). Archive.org. https://web.archive.org/web/20210410135805/https://boxitvn.blogspot.com/2013/04/thong-bao-cua-nhom-soan-thao-va-ky-kiem_17.html
21. Cùng Viết Hiến Pháp (2013, May 22). Dự thảo Hiến pháp trình Quốc hội kỳ họp thứ 5 khóa XIII (17/5/2013). <https://hienphap.wordpress.com/2013/05/22/du-thao-hien-phap-trinh-quoc-hoi-ky-hop-thu-5-quoc-hoi-khoai-xiii-1752013>
22. Cùng Viết Hiến Pháp. (2013, May 22). Báo cáo giải trình của Ủy ban dự thảo sửa đổi Hiến pháp (17/5/2013). <https://hienphap.wordpress.com/2013/05/22/bao-cao-giai-trinh-cua-uy-ban-du-thao-sua-doi-hien-phap-1752013>
23. Bauxite Việt Nam: PHẢN ĐỐI DỰ THẢO SỬA ĐỔI HIẾN PHÁP TRÌNH QUỐC HỘI KHÓA XIII TẠI KỲ HỌP THỨ 5. (2013). Archive.org. <https://web.archive.org/web/20150328035147/https://boxitvn.blogspot.com/2013/06/phan-oi-du-thao-sua-oi-hien-phap-trinh.html>
24. Cùng Viết Hiến Pháp. (2013, October 22). Dự thảo Hiến pháp trình Quốc hội ngày 22/10/2013. <https://hienphap.wordpress.com/2013/10/22/du-thao-hien-phap-trinh-quoc-hoi-ngay-22102013/>
- **5 SÁNG KIẾN LẬP HIẾN ĐÁNG CHÚ Ý ĐẦU THẾ KỲ 21**
1. UCSB Case Method - 1941-1945 Indochina at the Crossroads. (2021). Archive.org. <https://web.archive.org/web/20071105143948/http://www.soc.ucsb.edu/projects/casemethod/beamish.html>
2. Sơ lược Lịch sử & Lãnh đạo Đảng. (2011, May 31). ĐẢNG DÂN CHỦ VIỆT NAM. <https://web.archive.org/web/20221016032958/http://ddcvn.info/t%e6%B0-li%e1%BB%87u-van-ki%e1%BB%87n/dang-dan-chu-viet-nam-gioi-thieu-de-xuat-soan-thao-hien-phap-cua-toan-dan/tai-sao-viet-nam-can-sua-doi-can-ban-va-toan-dien-hien-phap>
3. Tại sao Việt Nam cần sửa đổi căn bản và toàn diện hiến pháp? (2010, December 31). ĐẢNG DÂN CHỦ VIỆT NAM.

“khai dân trí, chấn dân khí” truyền lửa yêu nước. (2021, November 19). Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia I. <https://www.archives.org.vn/gioi-thieu-tai-lieu-nghiep-vu-chi-si-tran-quy-cap-%E2%80%93%93-nguoi-thay-%E2%80%93%93-khai-dan-tri-chan-dan-ki%E2%80%93%93-truyen-lua-yeu-nuoc.htm>

12. Tìm hiểu con người xứ Quảng, trang 41. <https://www.documentcloud.org/documents/23145104-tim-hieu-con-nguoi-xu-quang>

13. Phong trào Duy Tân. Trang 212, 215, 216.

14. Phong trào Duy Tân. Trang 186.

15. Phong Thứ - làng Duy Tân. (2017, March 12). Báo Quảng Nam. <https://baoguangnam.vn/dat-va-nguoi-xu-quang/phong-thu-lang-duy-tan-47702.html>

16. Tìm hiểu con người xứ Quảng. Trang 41. <https://www.documentcloud.org/documents/23145104-tim-hieu-con-nguoi-xu-quang>

17. Phong Trào Duy Tân. Trang 316.

18. Phong trào Duy Tân. Trang 317.

19. Tìm hiểu con người xứ Quảng, trang 43. <https://www.documentcloud.org/documents/23145104-tim-hieu-con-nguoi-xu-quang>

20. Phong trào Duy Tân. Trang 314.

21. Phong trào Duy Tân. Trang 318.

22. Tìm hiểu con người xứ Quảng. Trang 43. <https://www.documentcloud.org/documents/23145104-tim-hieu-con-nguoi-xu-quang>

23. Phong trào Duy Tân. Trang 324.

24. Ông Ích Đường trong lòng người Phong Lệ. (2013, September 30). Báo Đà Nẵng. <https://baodanang.vn/channel/5414/201309/ong-ich-duong-trong-long-nguoi-phong-le-2274858/>

25. Những người tuần nạn năm 1908. (2013, April 12). Báo Quảng Nam. <https://baoguangnam.vn/nho-ve-nguon-coi/nhung-nguoi-tuan-nan-nam-1908-9281.html>

26. Tìm hiểu con người xứ Quảng. Trang 44. <https://www.documentcloud.org/documents/23145104-tim-hieu-con-nguoi-xu-quang>

27. Phong trào Duy Tân. Trang 328.

28. Phong trào Duy Tân. Trang 333, 334.

29. Vụ án Chí sĩ Trần Quý Cáp. (2012, July 1). Báo Đà Nẵng. <https://baodanang.vn/channel/5433/201207/vu-an-chi-si-tran-quy-cap-2175923/>

30. <https://hoianheritage.net/vi/trao-doi-chuyen-nganh/chuyen-de-nghien-cuu-trao-doi/CHAU-THUONG-VAN-DANH-NHAN-HOI-AN-THOI-CAN-DAI-67.html>

31. Phong trào Duy Tân. Trang 329, 330.

32. Tìm hiểu con người xứ Quảng. Trang 44. <https://www.documentcloud.org/documents/23145104-tim-hieu-con-nguoi-xu-quang>

33. Tìm hiểu con người xứ Quảng. Trang 46, 47. <https://www.documentcloud.org/documents/23145104-tim-hieu-con-nguoi-xu-quang>

34. Xem [1].

HIẾN PHÁP ĐÀI LOAN: THAY ĐỔI CÙNG NHỊP ĐẬP CỦA NỀN DÂN CHỦ

1. Office of the President, ROC (Taiwan). (n.d.). Constitution of the Republic of China (Taiwan). <https://english.president.gov.tw/page/93>

2. Constitutional Reform and Democratization in Taiwan. (n.d.). Retrieved October 16, 2022, from <http://www.tufs.ac.jp/ts/personal/ogasawara/paper/epaper2.html>

3. Xem [1]

4. Xem [2]

5. Waksman, I. (2021, November 4). Taiwan parties split over constitutional reform. The China Project. Retrieved October 16, 2022, from <https://thechinaproject.com/2021/11/03/taiwan-parties-split-over-constitutional-reform/>

MỘT GÓC NHÌN KHÔNG HOA MỸ VỀ HIẾN PHÁP

6. Xem [1]

7. Xem [1]

8. Xem [1]

9. Xem [1]

10. Xem [1]

11. Amazon.com: Democratizing Taiwan: 9789004221543: J. Bruce Jacobs: Books. (n.d.). Page 138. <https://www.amazon.com/Democratizing-Taiwan-J-Bruce-Jacobs/dp/9004221549>

12. Justices of the Constitutional Court, Judicial Yuan-Interpretations. (n.d.). Constitutional Interpretation No. 499. https://www2.judicial.gov.tw/FYDownload/en/p03_01.asp?expno=499

13. Xem [1]

14. Xem [1]

15. Xem [5]

16. The Amendability of Taiwan's Constitution is Put to the Test. (n.d.). ConstitutionNet. Retrieved October 16, 2022, from <https://constitutionnet.org/news/amendability-taiwans-constitution-put-test>

CÁC HỘI NGHỊ LẬP HIẾN TẠI ĐÀI LOAN: ĐI ĐƯỜNG VÒNG ĐỂ VỀ ĐÍCH NHANH

1. Amazon.com: Democratizing Taiwan: 9789004221543: J. Bruce Jacobs: Books. (n.d.). Page 79. <https://www.amazon.com/Democratizing-Taiwan-J-Bruce-Jacobs/dp/9004221549>

2. Staff, R. (2011, December 13). Timeline: Taiwan's road to democracy. U.S. Retrieved October 17, 2022, from <https://www.reuters.com/article/us-taiwan-election-timeline-idUSTRE7BC0E320111213>

3. 台北時報. (2020, March 4). Taiwan in Time: Life after the Wild Lily. Retrieved October 17, 2022, from <https://www.taipeitimes.com/News/feat/archives/2018/03/11/2003689059>

4. Office of the President, ROC (Taiwan). (n.d.). Constitution of the Republic of China (Taiwan). <https://english.president.gov.tw/page/93>

5. Xem [4]

6. Amazon.com: Democratizing Taiwan: 9789004221543: J. Bruce Jacobs: Books. (n.d.). Page 183. <https://www.amazon.com/Democratizing-Taiwan-J-Bruce-Jacobs/dp/9004221549>

7. Briefing of Judicial Reform. (2019, June 11). 法務部全球資訊網-英文. Retrieved October 17, 2022, from <https://www.moj.gov.tw/2832/2833/2844/2845/24802/>

8. Chan, Y. (2020, July 25). “Thẩm phán công dân” – bước tiến mới của nền tư pháp Đài Loan? Luật Khoa Tạp Chí. Retrieved October 17, 2022, from <https://luatkhoa.org/2020/07/tham-phan-cong-dan-buoc-tien-moi-cua-nen-tu-phap-dai-loan/>

TIẾNG ANH | LƯỢC SỬ HÌNH THÀNH HIẾN PHÁP HOA KỲ

[1] Một năm sau khi James Madison mất, vợ ông đã bán lại những ghi chép của ông tại Hội nghị Lập hiến cho chính phủ liên bang với giá 30.000 đô la.

[2] Kiểm soát (check) là quyền năng hạn chế một quyền lực, đối trọng (balance) là sự phân chia đồng đều quyền lực giữa các chủ thể. Nguyên tắc kiểm soát và đối trọng, vốn là cơ chế đi cùng học thuyết Phân chia quyền lực (Separation of Powers) do triết gia người Pháp Baron de Montesquieu khởi xướng, về cơ bản là những sự hạn chế và phân chia đồng đều quyền lực nhà nước.

[3] Được đặt theo Publius Valerius Publicola, tên một chính trị gia và học giả La Mã, người đã quyết liệt bênh vực thể chế cộng hòa La Mã.

THEO DÕI

Luật Khoa tạp chí để cập nhật các bài viết hữu ích về Nhân quyền, Dân chủ, Pháp quyền.

Website luatkhoa.com hoặc luatkhoa.org
Facebook www.fb.com/luatkhoa.org
Instagram www.instagram.com/luatkhoatapchi
Youtube bit.ly/LK-Youtube
Store store.luatkhoa.com
Spotify spoti.fi/3vcQD5x
Tiktok www.tiktok.com/@luatkhoatapchi
Telegram t.me/s/luatkhoatc

Số tháng Mười Một, 2022 | Trăm năm lập hiến

LUẬT KHOA

tạp chí

1520 E. Covell Suite B5 - 426, Davis, CA 95616

Văn phòng chính: Đà Bắc, Đà Loan

Tổng biên tập: Trịnh Hữu Long

Ban biên tập: Trần Quỳnh Vi, Phạm Đoan Trang

Mọi thắc mắc, góp ý xin gửi về: bbt@mail.luatkhoa.org